

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH

Sinh viên : Phạm Thị Minh Huyền

Người hướng dẫn: Ths. Lê Thanh Tùng

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHỤC VỤ
PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH THÁI BÌNH**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH

Sinh viên : Phạm Thị Minh Huyền

Người hướng dẫn : Ths. Lê Thanh Tùng

HẢI PHÒNG – 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Phạm Thị Minh Huyền

Mã số : 1366010004

Lớp : VHL 301

Ngành: Văn hóa du lịch

Tên đề tài: Phát huy giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch tỉnh
Thái Bình

LỜI CẢM ƠN

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình khoa học của mỗi sinh viên khi tốt nghiệp Đại học. Và để hoàn thành khóa luận đòi hỏi sự cố gắng rất lớn của bản thân mỗi sinh viên, sự giúp đỡ của thầy cô hướng dẫn cùng sự động viên rất lớn của gia đình, bạn bè.

Trong quá trình làm khóa luận tốt nghiệp, em đã nhận được sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Ths. Lê Thanh Tùng. Thầy luôn dành thời gian chỉ bảo cho em những kiến thức cần thiết cũng như những phương pháp nghiên cứu để hoàn thành một bài khóa luận. Sự tạo điều kiện giúp đỡ của các cán bộ thuộc Sở Văn hóa thể thao và du lịch Thái Bình, Bảo tàng Thái Bình để em có được những tư liệu cần thiết sử dụng trong bài viết của mình. Qua đây, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Thầy và toàn thể cán bộ của tỉnh Thái Bình.

Cuối cùng em xin gửi lời cảm ơn tới toàn thể các thầy cô giáo đã dạy dỗ em trong suốt quá trình học tập, sự động viên giúp đỡ từ phía gia đình, bạn bè để em hoàn thành bài khóa luận này.

Tuy nhiên, do vốn kiến thức và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế, bài khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự đóng góp của quý thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 20 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Phạm Thị Minh Huyền

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| PHẦN MỞ ĐẦU | 8 |
| 1. Tính cấp thiết của đề tài | 8 |
| 2. Mục tiêu nghiên cứu..... | 9 |
| 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu..... | 9 |
| 4. Phương pháp nghiên cứu..... | 9 |
| 5. Cấu trúc của khóa luận | 10 |
| PHẦN NỘI DUNG | 11 |
| CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DI SẢN VĂN HÓA | 11 |
| 1.1. KHÁI NIỆM DI SẢN VĂN HÓA | 11 |
| 1.1.1. Khái niệm di sản..... | 11 |
| 1.1.2. Khái niệm di sản văn hóa | 12 |
| 1.1.3. Du lịch văn hóa - Du lịch di sản..... | 13 |
| 1.2. MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA VỚI SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH..... | 14 |
| 1.2.1. Di sản văn hóa với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương | 14 |
| 1.2.2. Tầm quan trọng của di sản văn hóa đối với việc phát triển du lịch của địa phương..... | 15 |
| 1.2.3. Tác động của hoạt động du lịch đối với di sản văn hóa của địa phương.. | 17 |
| TIÊU KẾT CHƯƠNG 1..... | 19 |
| CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KHAI THÁC DU LỊCH ĐỐI VỚI CÁC DI SẢN VĂN HÓA Ở THÁI BÌNH | 20 |
| 2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THÁI BÌNH..... | 20 |
| 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển..... | 20 |
| 2.1.2. Điều kiện tự nhiên - tài nguyên thiên nhiên..... | 20 |
| 2.1.3. Điều kiện kinh tế, văn hóa - xã hội | 23 |
| 2.2. CÁC LOẠI HÌNH DI SẢN VĂN HÓA Ở THÁI BÌNH | 25 |
| 2.2.1. Các di sản văn hóa vật thể..... | 25 |
| 2.2.1.1. Đánh giá chung..... | 25 |
| 2.2.1.2. Một số di sản văn hóa vật thể tiêu biểu..... | 29 |
| 2.2.2. Các di sản văn hóa phi vật thể..... | 50 |

| | |
|---|-----------|
| 2.2.2.1. Đánh giá chung..... | 50 |
| 2.2.2.2. Một số di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu..... | 53 |
| 2.3. THỰC TRẠNG KHAI THÁC DU LỊCH ĐỐI VỚI CÁC DI SẢN VĂN HÓA Ở THÁI BÌNH..... | 66 |
| 2.3.1. Thực trạng các di sản văn hóa vật thể..... | 66 |
| 2.3.2. Thực trạng các di sản văn hóa phi vật thể..... | 70 |
| 2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ DI SẢN..... | 74 |
| 2.4.1. Giá trị lịch sử..... | 74 |
| 2.4.2. Giá trị nhân văn..... | 75 |
| 2.4.3. Giá trị điêu khắc..... | 76 |
| 2.4.4. Giá trị thẩm mỹ..... | 76 |
| 2.4.5. Giá trị đạo đức, hướng về nguồn cội..... | 77 |
| TIÊU KẾT CHƯƠNG 2..... | 78 |
| CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ KHAI THÁC DU LỊCH ĐỐI VỚI CÁC DI SẢN VĂN HÓA Ở THÁI BÌNH..... | 79 |
| 3.1. CÔNG TÁC PHÁT HUY CÁC DI SẢN VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH..... | 79 |
| 3.1.1. Công tác phát huy các di sản văn hóa phi vật thể..... | 79 |
| 3.1.1.1. Một số vấn đề còn tồn tại..... | 79 |
| 3.1.1.2. Một số đề xuất..... | 80 |
| 3.1.2. Công tác phát huy các di sản văn hóa vật thể..... | 80 |
| 3.1.2.1. Một số vấn đề còn tồn tại..... | 80 |
| 3.1.2.2. Một số đề xuất..... | 81 |
| 3.2. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ KHAI THÁC DU LỊCH ĐỐI VỚI CÁC DI SẢN VĂN HÓA Ở THÁI BÌNH..... | 82 |
| 3.2.1. Những khó khăn trong hoạt động khai thác du lịch đối với các di sản văn hóa ở Thái Bình..... | 82 |
| 3.2.2. Một số giải pháp..... | 83 |
| 3.2.2.1. Giải pháp tuyên truyền, quảng bá hình ảnh du lịch văn hóa Thái Bình..... | 83 |
| 3.2.2.2. Giải pháp phát triển sản phẩm du lịch văn hóa..... | 84 |

| | |
|---|----|
| 3.2.2.3. Giải pháp về khuyến khích thu hút đầu tư | 85 |
| 3.2.2.4. Giải pháp về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực | 84 |
| 3.2.2.5. Giải pháp bảo vệ môi trường đảm bảo sự phát triển du lịch bền vững.. | 86 |
| TIÊU KẾT CHƯƠNG 3 | 87 |
| KẾT LUẬN | 88 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 89 |
| PHỤC LỤC | 90 |

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong xu thế hội nhập và phát triển như ngày nay, du lịch dần trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước. Chính vì vậy, lượng khách du lịch về với các di tích lịch sử văn hóa, các lễ hội, các làng nghề truyền thống... của mỗi một vùng quê, mỗi một dân tộc khác nhau trên thế giới ngày càng tăng. Đến với các vùng đất này, du khách được thỏa mãn nhiều nhu cầu hiểu biết của mình về những giá trị văn hóa đậm đà sắc thái bản địa của mỗi một miền quê, mỗi một quốc gia nơi du khách đặt chân đến.

Đất nước và con người Việt Nam tự hào với hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Dải đất hình chữ S này với ba miền Bắc - Trung - Nam, mỗi miền quê một vẻ, mỗi vùng mỗi cảnh mang đậm màu sắc văn hóa và phong tục tập quán được thể hiện qua những giá trị di sản văn hóa của cha ông từ ngàn xưa để lại. Đây là một lợi thế không nhỏ trong xu thế phát triển du lịch văn hóa trên thế giới hiện nay. Cùng với sự trù phú đó, trong những năm qua, du lịch Việt Nam đã không ngừng khai thác nguồn tài nguyên này và đã thu được hiệu quả to lớn về mọi mặt kinh tế - văn hóa - xã hội.

Thái Bình là một mảnh đất giàu truyền thống văn hóa với bề dày lịch sử nghìn năm dựng nước và giữ nước. Điều đó đã để lại các loại hình di sản văn hóa đa dạng là nguồn tài nguyên vô cùng độc đáo, hấp dẫn. Nhưng trong những năm qua, trái ngược với xu thế phát triển du lịch của thế giới và đất nước, nguồn tài nguyên di sản văn hóa quý giá của tỉnh chưa được khai thác đúng mức xứng với tiềm năng nếu không muốn nói là bị lãng quên. Thực tế cho thấy việc xác định đúng đắn những giá trị to lớn của nguồn tài nguyên này để khai thác phục vụ du lịch thì sẽ đem lại một nguồn lợi to lớn về mọi mặt kinh tế - xã hội của tỉnh. Nó góp phần tạo thêm thu nhập, việc làm cho người dân, thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. Xuất phát từ thực tế trên, tác giả đã lựa chọn đề tài: *“Phát huy giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch tỉnh Thái Bình”*, mong muốn góp một phần nhỏ bé vào việc nâng cao nhận thức về công tác phát huy những giá trị di sản văn hóa để từ đó có những giải pháp tăng cường hiệu quả khai thác nguồn tài nguyên này một cách có hiệu quả, mang lại giá trị to lớn

cho mảnh đất Thái Bình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- ❖ Hệ thống hóa lý luận về di sản văn hóa trong phát triển du lịch.
- ❖ Tìm hiểu thực trạng khai thác du lịch đối với các di sản văn hóa ở Thái Bình.
- ❖ Đưa ra một số giải pháp để tăng cường hiệu quả khai thác du lịch đối với các di sản văn hóa ở Thái Bình.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Các di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể của tỉnh Thái Bình.

3.2. Phạm vi nghiên cứu: Tỉnh Thái Bình.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập và xử lý thông tin

Đây là phương pháp hết sức cần thiết cho việc thực hiện các đề tài nghiên cứu về du lịch. Để có một lượng thông tin cung cấp cho bài viết về đề tài: “*Phát huy giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch tỉnh Thái Bình*”, tác giả phải tiến hành thu thập các số liệu, thông tin từ nhiều nguồn khác nhau sau đó xử lý chúng để hoàn thành bài viết của mình.

4.2. Phương pháp nghiên cứu thực địa

Đây là phương pháp hết sức quan trọng được sử dụng để làm tăng tính thuyết phục cho bài viết với nhiều thông tin ghi nhận chân thực xuất phát trong quá trình người viết đi thu thập số liệu, thông tin về sự tham gia của du khách khi tìm hiểu về các di sản văn hóa. Từ đó có thể hiểu được giá trị to lớn của nguồn tài nguyên này và có thể đối chiếu, bổ sung những thông tin cần thiết mà các phương pháp khác không cung cấp hoặc cung cấp chưa đầy đủ.

4.3. Phương pháp phỏng vấn trực tiếp

Trong quá trình thực hiện bài viết, người viết đã tìm hiểu và khai thác nguồn thông tin từ chính những cư dân địa phương, những người có sự hiểu biết chuyên sâu về các di sản văn hóa ở địa phương như các lễ hội, các di tích lịch sử văn hóa để bổ sung thông tin thực tiễn cho bài viết.

4.4. Phương pháp tổng hợp và phân tích

Là phương pháp sử dụng để phân tích, đánh giá, tổng hợp, đưa ra nhận xét dựa trên các tư liệu đã thu thập được từ những phương pháp trên. Từ đó có cái nhìn tổng quát hơn về vấn đề mà mình nghiên cứu.

5. Cấu trúc của khóa luận

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận được cấu trúc thành ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về di sản văn hóa

Chương 2: Thực trạng khai thác du lịch đối với các di sản văn hóa ở Thái Bình.

Chương 3: Một số giải pháp tăng cường hiệu quả khai thác du lịch đối với các di sản văn hóa ở Thái Bình.

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DI SẢN VĂN HÓA

1.1. KHÁI NIỆM DI SẢN VĂN HÓA

1.1.1. Khái niệm di sản

Ngày nay, “Di sản” là một thuật ngữ được nhiều người biết đến và sử dụng. Theo cách hiểu chung của mọi người thì “di sản” nghĩa là của cải, tài sản của cha ông để lại.

Theo cách hiểu này trong cuốn: “Đại từ điển Tiếng Việt” của GS.TS Nguyễn Như Ý có giải thích như sau: “*Di sản là tài sản của người đã chết để lại*” và “*Di sản là giá trị tinh thần và vật chất của văn hóa thế giới hay một quốc gia, một dân tộc để lại*”.

Đồng với quan niệm này France.L cũng có định nghĩa về “di sản” như sau: “*Di sản là những giá trị vật chất, phi vật chất được lưu giữ nhiều đời*”.

Với cách hiểu này ta thường thấy xuất hiện trong các thuật ngữ được sử dụng phổ biến hiện nay đó là “Di sản thế giới” (World Heritage), “Di sản thiên nhiên” (Natural Heritage) và “Di sản văn hóa” (Cultural Heritage).

Về thuật ngữ di sản, ta có thể dễ dàng nhận thấy cụm từ “di sản” đã được dùng rất lâu ở Việt Nam và khắp nơi trên thế giới. Tuy nhiên đó mới chỉ dừng lại ở cách hiểu thứ nhất còn với cách hiểu thứ hai thì thuật ngữ “di sản” mới chỉ sử dụng trong vài thập niên trở lại đây. Bởi trước khi có “Công ước bảo vệ di sản thế giới về văn hóa và thiên nhiên” gọi tắt là “Công ước bảo vệ di sản thế giới” được UNESCO thông qua (16/11/1972) và có hiệu lực thi hành (12/1975) thì trên thế giới người ta chưa sử dụng thuật ngữ “di sản” để chỉ những giá trị vật chất và tinh thần mang tầm vóc quốc gia, dân tộc hay nói rộng hơn là của toàn thế giới. Mà thực ra trước đó trên thế giới con người mới chỉ sử dụng thuật ngữ “Kỳ quan thế giới” để chỉ những công trình hoàn chỉnh nhất như: “Bảy kỳ quan thế giới cổ đại”, “Bảy kỳ quan thiên nhiên thế giới”, “Bảy kỳ quan thế giới trong lĩnh vực khoa học hiện đại”. Như vậy, có thể nói thuật ngữ “Di sản” chính thức được sử dụng rộng rãi và phổ biến sau khi có “Công ước bảo vệ di sản thế giới” ra đời. Nó để chỉ những công trình tuyệt mỹ và hoàn hảo do con người

sáng tạo cũng như của tự nhiên được lưu truyền từ nhiều đời của một dân tộc, một cộng đồng hay một quốc gia.

1.1.2. Khái niệm di sản văn hóa

❖ Theo UNESCO: “*Di sản văn hóa là toàn bộ kết quả sáng tạo văn hóa của các thế hệ trước để lại*”.

Di sản văn hóa gồm: Di sản văn hóa hữu thể (Tangible) và di sản văn hóa vô thể (Intangible).

❖ Theo luật di sản văn hóa có hiệu lực từ ngày 1/1/2002 thì “*Di sản văn hóa*” được định nghĩa như sau: “*Di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể, là sản phẩm tinh thần vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”.

- Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử văn hóa, khoa học được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ lưu truyền khác, bao gồm tiếng nói, diễn xướng dân gian, lối sống, nếp sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y học, dược học cổ truyền, về văn hóa ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian khác.

- Di sản văn hóa vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

+ Di tích lịch sử văn hóa là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học.

+ Danh lam thắng cảnh là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học.

+ Di vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học.

+ Cổ vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị tiêu biểu về lịch sử văn

hóa, khoa học có từ một trăm năm tuổi trở lên.

+ Bảo vật quốc gia là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị đặc biệt quý hiếm tiêu biểu của đất nước về lịch sử, văn hóa, khoa học.

1.1.3. Du lịch văn hóa - Du lịch di sản

Ta có thể hiểu du lịch văn hóa hay du lịch di sản là những loại hình du lịch mà ở đó con người được hưởng thụ những sản phẩm văn hóa, những giá trị vật chất, tinh thần của nhân loại, của một quốc gia, của một vùng hoặc một dân tộc.

Du lịch văn hóa, du lịch di sản là những loại hình du lịch không mới nhưng ngày nay bên cạnh du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm thì du lịch văn hóa ngày càng thu hút được nhiều du khách bởi du lịch văn hóa tập trung vào khai thác các giá trị văn hóa của những nơi đến bao gồm cả văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể mà trong đó có sự khác biệt giữa các miền.

Sự phát triển của du lịch văn hóa không chỉ có ý nghĩa trong việc giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống mà nó còn là nhịp cầu nối các dân tộc với nhau nhất là trong xu thế mở rộng hợp tác quốc tế toàn cầu hóa hiện nay đồng thời phát triển xu hướng con người hành hương trở về nguồn cội bản thể của mình.

Tất cả khách du lịch có trình độ văn hóa trung bình trở lên đều có thể thưởng thức các giá trị văn hóa của đất nước họ và những đất nước họ đến thăm. Du lịch văn hóa không chỉ đáp ứng nhu cầu du lịch của mọi người mà còn mang ý nghĩa giáo dục rất lớn. Điều đó lý giải tại sao con người luôn muốn hướng về du lịch văn hóa và cũng chính điều đó đã thúc đẩy du lịch văn hóa phát triển.

Du lịch văn hóa trong giai đoạn ngày nay không chỉ tập trung trong một quốc gia mà nó còn là sự giao lưu văn hóa giữa các quốc gia trên toàn thế giới. Khách du lịch không chỉ đến những điểm du lịch đã biết trong khu vực của mình mà họ còn tới các nước bạn để học hỏi, tìm hiểu và khám phá nền văn hóa độc đáo của bạn bè năm châu. Nói như vậy có nghĩa là du lịch văn hóa không chỉ phát triển ở các nước phát triển mà còn đang phát triển rất mạnh mẽ ở các nước đang phát triển, ngay cả ở những nơi vùng sâu, vùng xa của Tổ quốc.

1.2. MỐI QUAN HỆ GIỮA DI SẢN VĂN HÓA VỚI SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

1.2.1. Di sản văn hóa với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Di sản là một tài sản vô cùng quý giá của dân tộc. Nó là cốt lõi, là cơ sở để gắn kết cộng đồng dân tộc và là cơ sở để tạo ra những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Trong thời đại ngày nay, dưới sự tác động của nền kinh tế thị trường, với cách nhìn nhận mới và quan niệm mới khi đánh giá di sản văn hóa là một sản phẩm du lịch thì di sản văn hóa không những không chỉ đáp ứng nhu cầu tinh thần, vật chất của con người mà còn là nguồn lực to lớn đối với sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương, của một vùng hay của một quốc gia. Ta có thể tóm tắt ý nghĩa của di sản đối với sự phát triển kinh tế xã hội trong thời đại ngày nay một cách sơ lược như sau:

- Nguồn di sản của cha ông với những di tích lịch sử, bia mộ, gia phả còn lưu lại đến ngày nay cùng với các nguồn tư liệu lịch sử là những minh chứng hùng hồn thể hiện sự tồn tại và phát triển của một dân tộc, tộc người tại quốc gia hay địa phương đó. Từ đó con người sẽ có ý thức về cội nguồn của mình, dân tộc mình và hiểu rõ về những biến cố thăng trầm lịch sử của dân tộc.

- Các di sản văn hóa còn lưu giữ cho đến ngày nay có tác dụng giáo dục tinh thần yêu nước, khơi dậy lòng tự hào dân tộc một cách to lớn. Có thể nói, mỗi con người khi tiếp xúc trực tiếp với các thành tựu văn hóa của dân tộc mình đặc biệt lại có sự giải thích của người am hiểu về nó ta sẽ thực sự cảm nhận được giá trị to lớn của các di tích. Ví dụ khi đứng trước sườn núi Tản Viên nhìn xuống những con đê bên dưới, nghe hướng dẫn viên kể về sự tích “Sơn Tinh - Thủy Tinh” ta sẽ thấy con đê bình thường kia có ý nghĩa biết bao và mỗi khi thấy nó ta sẽ có cảm giác tự hào và nó chính là xương máu, mồ hôi của biết bao thế hệ người dân Việt Nam.

- Thực tế đã chứng minh, một nơi có nguồn di sản văn hóa phong phú, giàu bản sắc dân tộc thì hàng năm nơi đó thu hút được một lượng khách lớn. Khách từ khắp nơi đổ về sẽ có tác động đến nhiều mặt của đời sống xã hội địa phương mà trong đó điều dễ dàng nhận thấy là nó làm cho cuộc sống của địa

phương ngày càng sôi động, nhộn nhịp hơn. Mặt khác, quá trình giao lưu tiếp xúc của khách với người dân địa phương sẽ là điều kiện để các nền văn hóa hòa nhập với nhau làm cho mọi người hiểu về nhau hơn và tăng thêm tình hữu nghị, tương thân, tương ái giữa các cộng đồng.

- Nơi có nguồn di sản văn hóa có giá trị lớn đặc biệt là những nơi được công nhận là di sản thế giới thì ở đó có nhiều ưu thế và điều kiện để phát triển kinh tế hơn so với các địa phương khác thông qua hoạt động du lịch, đồng thời có tác động nhiều mặt đến nền kinh tế của địa phương.

- Khi một nơi có nguồn di sản hấp dẫn và trở thành một điểm du lịch thì du khách từ mọi nơi đổ về sẽ làm cho nhu cầu vật chất tăng lên đáng kể. Việc đòi hỏi một số lượng lớn vật tư, hàng hóa các loại đã kích thích mạnh mẽ đến các ngành kinh tế có liên quan như nông nghiệp, công nghiệp chế biến, giao thông vận tải, dịch vụ. Từ đó tạo ra nhiều việc làm cho người dân và giảm bớt nạn thất nghiệp góp phần ổn định trật tự xã hội ở địa phương.

Như vậy, với nguồn di sản phong phú mà biết cách khai thác để phục vụ du lịch thì sẽ có tác dụng to lớn trong việc làm thay đổi bộ mặt kinh tế xã hội của khu vực cả về nhận thức cũng như đời sống tinh thần của người dân. Chính vì vậy, nhiều nước trên thế giới đã coi di sản văn hóa như một hạt nhân của hoạt động kinh doanh du lịch và góp phần không nhỏ để vực dậy nền kinh tế ốm yếu của đất nước.

1.2.2. Tầm quan trọng của di sản văn hóa đối với việc phát triển du lịch của địa phương

- Di sản văn hóa là một thành tố quan trọng tạo nên sản phẩm du lịch và tạo nên sức hấp dẫn trong du lịch. Chúng ta có thể hiểu di sản văn hóa được coi như là tổng quan cuộc sống của mỗi cộng đồng dân tộc. Nó bao hàm cả đặc trưng về phong cách, lối sống, thói quen, phong tục tập quán đến những giá trị vật chất được lưu truyền từ ngàn xưa cho đến nay. Mà những thành tố này đều được hình thành từ những tác động tương hỗ nhằm thích ứng với hoàn cảnh môi trường thực tại.

- Các tài nguyên du lịch văn hóa được coi là tài nguyên du lịch đặc biệt

hấp dẫn. Nếu như tài nguyên du lịch tự nhiên hấp dẫn du khách bởi sự hoang sơ, độc đáo và hiếm hoi của nó thì tài nguyên du lịch nhân văn thu hút khách bởi tính phong phú, đa dạng, độc đáo và tính truyền thống cũng như tính địa phương. Các đối tượng di sản văn hóa - tài nguyên du lịch nhân văn là cơ sở để tạo nên loại hình du lịch văn hóa phong phú. Mặt khác nhận thức văn hóa còn là yếu tố thúc đẩy động cơ du lịch của du khách. Như vậy, xét dưới góc độ thị trường thì văn hóa vừa là yếu tố cung vừa góp phần hình thành yếu tố cầu của hệ thống du lịch. Trong một chừng mực nào đó ta có thể xét mối quan hệ giữa du lịch và văn hóa thông qua một số phương tiện và sản phẩm văn hóa, cụ thể:

+ Các sản phẩm tranh vẽ, điêu khắc, tượng nặn... tạo nên một động lực thúc đẩy tâm quan trọng của du lịch. Tranh Đông Hồ, tranh lụa... là những loại hình nghệ thuật mà du khách rất ưa thích. Khi đến Huế về hầu như ai cũng mua cho mình hoặc bạn bè một chiếc nón bài thơ. Người đi đến các vùng biển thì thường tìm mua một số đồ lưu niệm được làm bằng các chất liệu có từ biển hoặc mô phỏng cuộc sống vùng biển.

+ Trình diễn dân ca và các loại hình văn nghệ truyền thống cũng như hiện đại cũng là một biểu hiện của di sản văn hóa. Thực tế ở một số nước, âm nhạc là nguồn chủ yếu để mua vui và làm hài lòng du khách tại các cơ sở lưu trú. Đặc biệt các khách sạn, nhà nghỉ tại các nơi nghỉ mát có thể mang lại cơ hội cho du khách thưởng thức âm nhạc dân tộc một cách tốt nhất. Các chương trình giải trí buổi tối, hòa nhạc ghi âm đều làm tăng khía cạnh nghệ thuật đang tồn tại của quốc gia đó. Hòa nhạc, diễu hành và các lễ hội được du khách rất hoan nghênh. Các băng hình, băng nhạc mà khách có thể mua được là phương tiện rất hiệu quả nhằm duy trì, gìn giữ nền văn hóa của một địa phương.

+ Điệu nhảy dân tộc truyền thống tạo nên một sức hút hết sức lôi cuốn, sôi động và mạnh mẽ của một nền văn hóa đối với du khách. Các hình thức và chương trình tiến hành đầy màu sắc, trang phục cổ truyền dân tộc và trình độ nghệ thuật đã tăng thêm sức cuốn hút. Hầu hết các dân tộc đều có điệu nhảy của mình. Các buổi biểu diễn khu vực và các chương trình công cộng khác cũng tạo thêm nhiều cơ hội mới để duy trì và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc.

- Tầm tác động, ảnh hưởng và sức hấp dẫn của di sản phụ thuộc và giá trị của nó. Một di sản có giá trị càng lớn thì tầm tác động, ảnh hưởng và sức hấp dẫn của nó càng lớn. Điển hình là các di sản văn hóa thế giới của Việt Nam như Cố Đô Huế, Thánh địa Mỹ Sơn, Phố cổ Hội An... được đánh giá có giá trị toàn cầu thì thực tế cũng chứng minh nó có sức hấp dẫn toàn cầu. Hàng năm, một lượng du khách lớn không chỉ trong nước mà trên toàn thế giới đến tham quan và thưởng thức giá trị của nó.

1.2.3. Tác động của hoạt động du lịch đối với di sản văn hóa của địa phương

- Một trong những ý nghĩa của du lịch là góp phần cho việc phục hồi và phát triển truyền thống văn hóa dân tộc. Nhu cầu về nâng cao nhận thức văn hóa trong chuyên đi của du khách thúc đẩy các nhà cung ứng chú ý, yểm trợ cho việc khôi phục, duy trì các di tích, lễ hội, sản phẩm làng nghề để thu hút du khách. Từ đó góp phần bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Và ngược lại, việc phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là góp phần làm cho du lịch phát triển. Hoạt động du lịch phát triển đã tạo ra nguồn thu để tạo đầu tư cho công tác bảo tồn. Thông qua hoạt động du lịch, việc khai thác có hiệu quả các giá trị văn hóa truyền thống đã mang lại nguồn lợi cho người dân và địa phương, góp phần vào việc nâng cao nhận thức của họ trong việc phát huy các giá trị truyền thống. Ngày nay, nhu cầu về du lịch văn hóa, du lịch nhân văn, du lịch trở về với cội nguồn đang trở thành một nhu cầu cần thiết và chính đáng của con người thì mối quan hệ giữa di sản văn hóa với du lịch càng trở nên gắn bó khăng khít với nhau.

Các điểm du lịch còn tạo ra một không gian và môi trường sống cho các hoạt động văn hóa dân gian truyền thống gắn với các di tích đặc biệt là các giá trị văn hóa phi vật thể (như ca Huế, nhã nhạc cung đình Huế, hát quan họ, nghệ thuật ẩm thực). Hoạt động du lịch góp phần thổi hồn vào di tích, đưa các giá trị truyền thống tham gia vào cuộc sống hàng ngày với người dân. Điều này đã góp phần giáo dục lòng yêu nước và tự hào dân tộc cho mỗi người dân địa phương, cho những du khách đến từ mọi miền của Tổ quốc.

- Một trong những chức năng của du lịch là giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng. Từ việc giao lưu này, các di sản văn hóa còn tiếp nhận những cái

mới trên cơ sở giữ nguyên bản chất có sự sàng lọc sẽ tạo ra văn hóa dân tộc ngày càng trở nên tiên tiến, đậm đà bản sắc, thích ứng và hội nhập chung với nền văn hóa thế giới mà vẫn không mất đi bản sắc riêng của mình.

- Đi du lịch, trong quá trình giao lưu tiếp xúc và cảm nhận, con người sẽ dần đồng cảm, gần gũi và thấu hiểu văn hóa địa phương. Đồng thời nhận thức giá trị và tầm quan trọng của di sản địa phương mà từ đó có hành vi tuyên dương, bảo vệ thậm chí có những hành động thiết thực để đầu tư bảo tồn, phát triển cho giá trị di sản văn hóa đó.

Tuy nhiên xét về một khía cạnh nào đó thì du lịch cũng có những tác động xấu đến bản sắc văn hóa địa phương. Nhiều khi sự thâm nhập với mục đích chính đáng lại bị lạm dụng và sự thâm nhập biến thành sự xâm hại. Ai đến Sa Pa cũng muốn đi chợ Tình song chợ Tình Sa Pa - một nét sinh hoạt văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc đang bị những du khách tò mò, ít văn hóa xâm hại bằng những cử chỉ thô bạo như rọi đèn vào các cặp tình nhân, lật nón các thanh nữ để xem mặt. Mặt khác để thỏa mãn nhu cầu của du khách, vì lợi ích kinh tế trước mắt nên các hoạt động văn hóa truyền thống được trình diễn một cách thiếu tự nhiên hoặc mang ra làm trò cười cho du khách. Nhiều nhà cung ứng du lịch đã thuyết phục được địa phương thường xuyên trình diễn lại các phong tục, lễ hội cho khách xem. Nhiều trường hợp do thiếu hiểu biết về nguồn gốc, ý nghĩa các hành vi của lễ hội nên người ta đã giải thích một cách sai lệch các giá trị đó. Như vậy, những giá trị văn hóa đích thực của một cộng đồng đáng lý phải được tôn trọng lại bị đem ra làm trò tiêu khiển, mua vui cho du khách. Giá trị truyền thống đã dần bị lu mờ do sự lạm dụng về mục đích kinh tế.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Ngày nay sự phát triển của các loại hình di sản văn hóa đã trở thành một hướng đi đúng đắn, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho ngành du lịch Việt Nam. Trên cơ sở tổng hợp, phân tích các khái niệm có liên quan, khóa luận đã làm rõ khái niệm và mối quan hệ giữa di sản văn hóa với sự phát triển du lịch. Toàn bộ những nội dung trên đã đáp ứng được mục tiêu của chương 1 là xây dựng cơ sở lý luận chung để định hướng cho việc khai thác du lịch đối với các di sản văn hóa qua đó đưa ra một số giải pháp để tăng cường hiệu quả khai thác đối với các giá trị di sản văn hóa của tỉnh Thái Bình sẽ được triển khai tiếp theo trong chương 2 và chương 3 của bài khóa luận.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KHAI THÁC DU LỊCH ĐỐI VỚI CÁC DI SẢN VĂN HÓA Ở THÁI BÌNH

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THÁI BÌNH

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Đất Thái Bình xưa thuộc bộ Giao Chi, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Đời nhà Lý đặt thành phủ Thái Bình. Dưới đời nhà Trần, phủ này chia làm hai hạt Long Hưng và An Tiêm. Khi giặc Minh xâm chiếm nước ta, chúng đổi tên hai hạt là Kiến Ninh và Trấn Man. Đời nhà Lê đổi lại thành hai phủ Kiến Xương và Thái Bình thuộc trấn Sơn Nam Hạ.

Tỉnh Thái Bình được thành lập ngày 21/03/1890. Địa bàn tỉnh khi đó gồm phủ Thái Bình, phủ Kiến Xương (được tách ra từ tỉnh Nam Định) và huyện Thần Khê (được tách ra từ tỉnh Hưng Yên và nhập vào phủ Thái Bình).

Trước năm 1975, tỉnh Thái Bình có các huyện Hưng Nhân, Tiên Hưng, Duyên Hà, Vũ Tiên, Kiến Xương, Quỳnh Côi, Tiền Hải, Đông Quan, Phụ Dực, Thụy Anh, Thái Ninh và Thư Trì.

Ngày 29/04/2004, Thị xã Thái Bình được nâng cấp thành Thành phố Thái Bình trực thuộc tỉnh Thái Bình.

2.1.2. Điều kiện tự nhiên - tài nguyên thiên nhiên

❖ Vị trí địa lý

Thái Bình là một tỉnh ven biển với phía Đông giáp Biển Đông. Phía Tây giáp tỉnh Hà Nam và tỉnh Hưng Yên. Phía Nam giáp tỉnh Nam Định. Phía Bắc giáp tỉnh Hải Dương và Thành phố Hải Phòng.

Thái Bình nằm trong toạ độ: 20⁰17' - 20⁰44'B và 106⁰06' - 106⁰39'Đ. Đây là một trong những tỉnh nằm trong phạm vi ảnh hưởng của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, có đường biển và hệ thống sông ngòi thuận lợi cho giao lưu kinh tế. Với vị trí cách Thành phố Hải Phòng 70km, cách Hà Nội 110km, Thái Bình thuận lợi phát triển sản xuất hàng hóa và mở rộng giao lưu kinh tế - xã hội với các tỉnh trong nước và quốc tế.

❖ Địa hình

Thái Bình là một tỉnh không có rừng. Địa hình Thái Bình bằng phẳng,

thấp dần từ Bắc xuống Nam, nhưng ở từng khu vực lại có nơi đất trũng hay gò cao hơn so với địa hình chung, độ cao so với mặt biển từ 1 đến 2m. Địa hình Thái Bình có ba kiểu:

- Địa hình đồng bằng tích tụ cao và mới được hình thành.
- Địa hình đồng bằng tích tụ thấp với kiểu tích tụ phù sa mới, thấp, phát triển ở những nơi ít được bồi đắp phù sa.
- Địa hình đồng bằng duyên hải, đất mặn chiếm đa số diện tích, sau đến đất cát trên dải cồn và đất phèn.

❖ *Khí hậu*

Khí hậu Thái Bình về cơ bản là khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm mưa nhiều. Mùa đông lạnh, thời tiết khô hanh và nồm, mưa phùn đầu vụ. Mùa hè tuy nóng nhưng vẫn có ngày mát dịu do ảnh hưởng của khí hậu biển, nhiệt độ trung bình là 26⁰C. Nhiệt độ trung bình năm là 23 - 24⁰C. Tổng nhiệt độ năm vào khoảng 3500⁰C, số giờ nắng trong năm từ 1600 - 1800h. Lượng mưa trung bình hàng năm từ 1500 - 1900mm, phân bố không đều, cao nhất là 2528mm và thấp nhất là 1173mm. Mùa mưa chủ yếu tập trung từ tháng 5 đến tháng 10, nhiều nhất là tháng 8 và tháng 9. Độ ẩm tương đối trung bình từ 85 - 90%.

Về gió: Có hai mùa rõ rệt, thay đổi theo mùa: mùa Đông có gió Đông Bắc, mùa hè có gió Đông Nam. Ngoài ra còn có gió Tây Nam.

Điều kiện khí hậu có những thuận lợi cho sản xuất và thích hợp với hoạt động du lịch. Từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau lượng mưa ít, số ngày mưa không nhiều mà nhiệt độ không cao rất thuận lợi cho hoạt động lễ hội, đền chùa. Các tháng 5, 6, 7, 8 phù hợp với các hoạt động du lịch nghỉ biển. Tuy nhiên những ngày gió mùa Đông Bắc với thời tiết lạnh, mưa phùn và có khả năng dông bão gây trở ngại đáng kể cho hoạt động du lịch.

❖ *Thủy văn*

Tiềm năng và nguồn lợi thủy sản là một trong những thế mạnh của tỉnh Thái Bình. Thái Bình có ba thủy vực khác nhau: nước ngọt, nước lợ, nước mặn.

- Nước mặn: Chiếm khoảng 17km² chủ yếu dành cho hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy hải sản. Tổng trữ lượng hải sản vùng ven biển Thái Bình

khoảng 26.000 tấn. Trong đó trữ lượng cá 24.000 - 25.000 tấn, tôm 600 - 1000 tấn, mực 700 - 800 tấn. Khả năng khai thác tối đa cho phép 12.000 - 13.000 tấn. Các loài được khai thác chính là cá Trích, cá Đé, cá Khoai, cá Đồi, cá Vược.... Các loài tôm: tôm Vàng, tôm Bộp, tôm He... . Đây là nguồn cung cấp nguyên liệu để chế biến các mặt hàng truyền thống như nước mắm, mắm tôm và các mặt hàng thủy hải sản xuất khẩu.

- Vùng nước lợ: Chủ yếu ở các khu vực cửa sông Hồng, sông Thái Bình và sông Trà Lý có các nguồn phù du sinh vật, các loại tảo thực vật, thủy sinh phong phú làm thức ăn tự nhiên cho nuôi trồng thủy sản.

- Vùng nước ngọt: Với tổng diện tích có khả năng nuôi thủy sản là 9.256ha, hiện mới đưa vào nuôi khoảng 6.020ha.

❖ **Đất đai**

Đất đai Thái Bình phì nhiêu màu mỡ do được bồi tụ bởi hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình. Thái Bình có các nhóm đất sau: đất mặn, đất cát ven biển, đất chua phèn, đất phù sa và đất bạc màu, xói mòn.

- Đất mặn: Phân bố chủ yếu vùng cửa sông, ven biển và những chỗ thấp trũng ở trong và ngoài đê. Loại đất này thích hợp với các loại cây đước, sù, vẹt, bần, ô rô, sậy, lác.

- Đất cát ven biển: Phân bố trên các cồn cát duyên hải cũ, thường có địa hình cao hơn so với độ cao bình quân của đồng bằng. Loại đất này thích hợp trồng nhãn, vải, cam, chanh, cho thu nhập cao hơn các cây trồng khác.

- Đất phèn: Đất có thành phần cơ giới nặng, nhão dẻo khi ướt, cứng rắn và nứt nẻ khi khô và thường xuất hiện một lớp màu vàng bám trên mặt đất hoặc trong các khe đất.

- Đất phù sa: Đây là loại đất chủ yếu trồng lúa, có hệ thống thủy lợi, dẫn thủy nhập điền rất thuận lợi.

- Đất bạc màu và đất xói mòn: Nhóm đất này rất nghèo chất dinh dưỡng, không thích hợp để gieo cấy lúa, nhưng có thể phát triển một số loại hoa màu như đậu, lạc, vừng, rau và một số cây cho củ.

❖ **Sinh vật**

Với địa hình tương đối bằng phẳng, không có đồi núi, đất đai được hình thành do hệ thống sông bồi đắp cùng với những đặc trưng về thổ nhưỡng đã góp phần tạo ra một đặc điểm sinh vật riêng của tỉnh. Đó là điều kiện thích hợp cho việc phát triển các loại cây thực phẩm, cây công nghiệp hàng năm và các loại cây ăn quả lâu năm, đặc biệt cho nghề nuôi tằm lấy tơ, trồng các giống lúa đặc chủng truyền thống như tám thơm, nếp cái.

❖ **Khoáng sản**

Thái Bình có mỏ khí đốt Tiền Hải với trữ lượng 1.263 triệu tấn. Sản lượng khai thác bình quân mỗi năm đạt hàng chục ngàn mét khối khí thiên nhiên phục vụ cho sản xuất đồ sứ, thủy tinh, gạch ốp lát, xi măng trắng...

Bên cạnh đó Thái Bình còn có mỏ nước khoáng Tiền Hải ở độ sâu 450m có trữ lượng tinh khoáng 12 triệu m³, được khai thác từ năm 1992, sản lượng khai thác đạt 9,5 triệu lít/năm với các nhãn hiệu nổi tiếng như nước khoáng Vital, nước khoáng Tiền Hải.

Trong lòng đất Thái Bình còn có than nâu thuộc bể than nâu vùng đồng bằng sông Hồng, được đánh giá có trữ lượng lớn (hơn 30 tỷ tấn) nhưng phân bố ở độ sâu 600 - 1000m, chưa được khai thác.

❖ **Đê điều**

Thái Bình có hai con đê lớn là đê sông Hồng và đê Trà Lý, chiều cao 6 - 7m, rộng 5 - 6m. Đây là những công trình dồn tụ công sức, trí tuệ của nhiều thế hệ người dân Thái Bình. Ngoài giá trị bảo vệ phục vụ đời sống dân sinh, phát triển kinh tế xã hội, hệ thống đê điều Thái Bình còn có ý nghĩa lớn lao về du lịch và là biểu tượng về truyền thống lao động xây dựng quê hương đất nước.

2.1.3. Điều kiện kinh tế, văn hóa - xã hội

❖ **Kinh tế**

Thái Bình có cảng biển quốc gia Diêm Điền cùng hệ thống sông ngòi gắn với quốc lộ 10, 39A, 218 và các trục đường chính trong tỉnh tạo thành mạng lưới giao thông thủy, bộ thuận tiện cho giao lưu phát triển kinh tế, văn hóa trong vùng đồng bằng sông Hồng và các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Thái Bình cũng gần các trung tâm kinh tế lớn trong vùng tam giác tăng trưởng kinh tế Hải Phòng - Quảng Ninh - Hà Nội, đó là thị trường lớn về lao động, lương thực, thực phẩm. Ngoài ra, Thái Bình còn có nguồn khí đốt, nước khoáng có trữ lượng lớn, có khả năng khai hoang lấn biển mở rộng diện tích ở huyện Tiền Hải và huyện Thái Thụy nhằm phát triển những tiềm năng trong nuôi trồng và khai thác hải sản.

Nền kinh tế Thái Bình trong những năm qua có sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu. Cơ cấu kinh tế của tỉnh đã có sự chuyển dịch theo tỉ trọng của các khu vực công nghiệp và dịch vụ, giảm tỉ trọng của khu vực nông, lâm và ngư nghiệp. Tuy nhiên sự chuyển dịch còn chậm so với một số tỉnh ở Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

❖ *Văn hóa*

Thái Bình là tỉnh có nền văn hóa mang những nét rất đặc trưng của vùng Đồng bằng Bắc Bộ nói riêng và người Việt cổ nói chung. Trong loại hình nghệ thuật có chèo, múa rối nước, hát văn, hát trống cơm... Nhạc cụ được sử dụng chủ yếu là kèn, sáo, nhị.

Thái Bình có rất nhiều lễ hội, tiêu biểu nhất là các lễ hội: chùa Keo, làng Dương Xá, làng An Cố, chùa Am, đền Hét, đền Đồng Xâm, đền Tiên La, hội La Vân, đền Đồng Bằng...

❖ *Xã hội*

Thái Bình là tỉnh có dân số khá đông. Theo thống kê năm 2004 toàn tỉnh có 1.842.800 người trong đó dân số nông thôn chiếm 94,2%; thành thị chiếm 5,8%; mật độ dân số là 1.195 người /km²; bình quân nhân khẩu là 3,75 người/hộ, tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên hiện nay là 1,02%.

Nguồn lao động trong độ tuổi là 1.073.000 người trong đó lao động trong khu vực nông - lâm nghiệp chiếm 74,3%, công nghiệp và xây dựng chiếm 17%, khu vực dịch vụ - thương mại chiếm 8,7%. Lao động qua đào tạo chiếm 23,5% (công nhân kỹ thuật và nghiệp vụ 13,5%, trung cấp 5,5%, cao đẳng, đại học và trên đại học chiếm 4,5%).

Mặc dù là một tỉnh nghèo của khu vực Đồng bằng sông Hồng nhưng giáo

dục và đào tạo của tỉnh có nhiều bước phát triển mạnh. Chỉ tiêu về bậc giáo dục phổ thông tăng lên rõ rệt. Hiện nay, tỉnh có 607 trường gồm 572 trường tiểu học và trung học cơ sở, 35 trường phổ thông với tổng số giáo viên là 14.309 người. Về giáo dục đại học và cao đẳng thì toàn tỉnh có 432 giáo viên (năm 1998) và ngày càng tăng qua các năm.

Về y tế: Cả tỉnh hiện có 44 bệnh viện, phòng khám, viện điều dưỡng với 940 giường và 288 trạm y tế xã, phường với 2880 giường. Số cán bộ ngành y khoảng hơn 2500 người trong đó có gần 1000 bác sĩ.

Đặc điểm nổi bật của Thái Bình đó là truyền thống yêu nước, lao động cần cù chinh phục cải tạo thiên nhiên để phát triển kinh tế, có truyền thống hiếu học từ xưa, có nhiều tiên sỹ, danh nhân. Trong lịch sử hiện đại có nhiều nhà hoạt động cách mạng và lãnh đạo xuất sắc, nhiều cán bộ khoa học tài năng song số cán bộ làm việc ở tỉnh rất ít. Tuy nhiên trên thực tế tỷ lệ lao động có trình độ khoa học kỹ thuật đã qua đào tạo rất thấp, đặc biệt đội ngũ cán bộ có chuyên môn còn thiếu nhiều đòi hỏi phải đào tạo, bổ sung hoặc đào tạo lại để đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh hòa nhập với sự phát triển của đất nước.

2.2. CÁC LOẠI HÌNH DI SẢN VĂN HÓA Ở THÁI BÌNH

Trên đất nước ta, cảnh quan mỗi miền quê đều có vẻ đẹp riêng và độc đáo đồng thời cũng có nét riêng về truyền thống lịch sử văn hóa. Thành phố Thái Bình vốn không chỉ nổi danh bởi cảnh đẹp và những điểm vui chơi giải trí mà nơi đây những tên làng, tên sông đều gắn liền với truyền thuyết và in đậm dấu ấn trong lịch sử, đã và đang hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. Có thể nói qua mấy nghìn năm lịch sử hình thành và phát triển, mảnh đất và con người Thái Bình đã lưu lại một nguồn di sản văn hóa có giá trị.

2.2.1. Các di sản văn hóa vật thể

2.2.1.1. Đánh giá chung

Di tích lịch sử văn hóa là một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa dân tộc. Di tích là những gì còn lại qua thời gian. Đó là những nguồn sử liệu trực tiếp cho ta những thông tin quan trọng để khôi phục những trang sử hùng tráng và cũng có thể là bi tráng của dân tộc. Đó là bức thông điệp mà cha ông ta để lại

cho các thế hệ mai sau.

Thái Bình là mảnh đất giàu truyền thống văn hóa với số lượng và mật độ các di tích dày đặc. Theo số liệu thống kê năm 2010, toàn tỉnh Thái Bình có 2176 di tích các loại. Các di tích đó được phân bố như sau: Thành phố Thái Bình 47 di tích, Quỳnh Phụ 349, Hưng Hà 551, Thái Thụy 260, Đông Hưng 230, Vũ Thư 303, Kiến Xương 265, Tiền Hải 171 di tích. Trong tổng số các di tích kể trên có 455 di tích đã lập hồ sơ xếp hạng và được nhà nước ra quyết định bảo vệ. Hệ thống di tích ở Thái Bình rất phong phú và đa dạng về loại hình, kiểu dáng. Đáng kể nhất phải kể đến hệ thống các đền, chùa, đình, miếu trong đó có một số công trình với quy mô lớn còn giữ được gần như nguyên gốc. Đó là một nguồn di sản lớn mà lịch sử đã để lại cho Thái Bình.

Đình chiếm số lượng lớn trong các loại hình di sản văn hóa vật thể. Những ngôi đình của miền quê này hầu hết đều được xây dựng vào thế kỷ XVIII, XIX. Với hình thức nhẹ nhàng, thanh thoát và lối kết cấu khung gỗ, sàn, đầu đao của ngôi đình nơi đây vẫn là lối kết cấu truyền thống. Đây là loại hình kiến trúc dân gian và là công trình chung của làng. Hình ảnh cây đa, bến nước, mái đình đã từ lâu đi sâu vào đời sống của người dân Thái Bình nói riêng và người dân Việt Nam nói chung:

“Qua đình ngả nón trông đình

Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu”

Trở lại với miền quê lúa Thái Bình ta có thể kể đến một số ngôi đình nổi tiếng đã từ lâu được khai thác phục vụ du lịch như: *Đình Bo (phường Kỳ Bá - Thành phố Thái Bình)*, *đình Nhân Thanh (phường Tiền Phong - Thành phố Thái Bình)*, *đình Tống Thỏ (xã Đông Mỹ - Đông Hưng)*, *đình Lịch Động (xã Đông Các - Đông Hưng)*, *đình Ngừ (xã Liên Hiệp - Hưng Hà)*, *đình Cỏ Trai (xã Hồng Minh - Hưng Hà)*, *đình Lai Vi (xã Quang Minh - Kiến Xương)*, *đình Thượng Phúc (xã Quang Trung - Kiến Xương)*, *đình Đông Linh (xã An Bài - Quỳnh Phụ)*, *đình Hiệp Lực (xã An Khê - Quỳnh Phụ)*, *đình An Cố (xã Thụy An - Thái Thụy)*, *đình Bích Đào (xã Thái Nguyên - Thái Thụy)*, *đình Nho Lâm và Thanh Giám (xã Đông Lâm - Tiền Hải)*, *đình Tổ (xã Tây Giang - Tiền Hải)*, *đình*

Phương Cáp (xã Hiệp Hòa - Vũ Thư), đình Thuận An (xã Việt Thuận - Vũ Thư).

Trong các loại hình di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, chùa có vị trí đặc biệt quan trọng và chiếm số lượng lớn. Chùa gắn liền với đời sống văn hóa tinh thần của người dân Việt Nam, được phát triển theo thời gian và phân hóa theo không gian. Chùa có lịch sử hình thành phát triển sớm, có vị trí về phong thủy và phong cảnh đẹp, có quy mô lớn, có giá trị về văn hóa, lịch sử, tôn giáo.

Đến với Thái Bình ta có thể tới thăm một số ngôi chùa lớn và nổi tiếng như: *Chùa Keo (xã Duy Nhất - Vũ Thư), chùa Phúc Thắng (xã Song Lãng - Vũ Thư), chùa Đoan Túc (phường Tiền Phong - Thành phố Thái Bình), chùa Bồ Xuyên (phường Bồ Xuyên - Thành phố Thái Bình), chùa Càn (xã Đông Dương - Đông Hưng), chùa Tống Khê (xã Đông Hoàng - Đông Hưng), chùa Bảo Quốc (xã Canh Tân - Hưng Hà), chùa Phụng Công (xã Minh Tân - Hưng Hà), chùa Lãng Đông (xã Trà Giang - Kiến Xương), chùa Thượng Cầm (xã Vũ Lạc - Kiến Xương), chùa Phương Quả (xã Quỳnh Nguyên - Quỳnh Phụ), chùa Am Qua (xã An Đông - Quỳnh Phụ), cụm di tích chùa Bến - chùa Chỉ Bồ (xã Thụy Trường - Thái Thụy), chùa Quài (xã Thái Sơn - Thái Thụy), chùa Trung - Mã Bụt (xã Vũ Lãng - Tiền Hải), chùa Tây (xã Nam Hải - Tiền Hải).*

Đền là những công trình kiến trúc nghệ thuật thờ những vị nhân thần, nhiên thần, những danh nhân, anh hùng dân tộc. Đền có lịch sử phát triển gắn liền với lịch sử dựng nước và giữ nước. Vì vậy đây là một loại hình di sản văn hóa vật thể có lịch sử phát triển lâu đời nhất nước ta, thường được xây dựng ở những nơi diễn ra các sự kiện lịch sử.

Hệ thống đền ở Thái Bình đã từ lâu được đưa vào khai thác phát triển du lịch. Ta có thể kể tới một số công trình kiến trúc nghệ thuật độc đáo như: *Đền Đồng Xâm (xã Hồng Thái - Kiến Xương), đền Mộ Đạo (xã Vũ Bình - Kiến Xương), đền Đồng Bằng (xã An Lễ - Quỳnh Phụ), đền Lộng Khê (xã An Khê - Quỳnh Phụ), đền Tiên La (xã Đoan Hùng - Hưng Hà), đền thờ Phạm Đôn Lễ (xã Tân Lễ - Hưng Hà), đền Hét (xã Thái Thượng - Thái Thụy), đền Cả (xã Thụy Hà - Thái Thụy), đền Tiến Trật (xã Đô Lương - Đông Hưng), đền Thánh Mẫu (xã Đông Sơn - Đông Hưng), đền Quan (phường Hoàng Diệu - Thành phố Thái*

Bình), đền Lộc Trung (xã Nam Hưng - Tiên Hải), đền thờ chủ tịch Hồ Chí Minh (xã Nam Cường - Tiên Hải), đền Thánh Quận (xã Đông Thanh - Vũ Thư), đền Đại Đồng (xã Tân Hòa - Vũ Thư).

Miếu cũng là một loại hình di sản văn hóa có sức hấp dẫn với phát triển du lịch ở Thái Bình. Ta có thể kể tới một số công trình như: Miếu Vua Lãm (Thành phố Thái Bình), miếu Bắc (xã Đông Sơn - Đông Hưng), miếu Thái Hòa (xã Đông Hoàng - Đông Hưng), miếu làng Diệc (xã Tân Hòa - Hưng Hà), miếu Lộc Thọ (xã Độc Lập - Hưng Hà), miếu Nguyệt Giám (xã Minh Tân - Kiến Xương), miếu Hòe Thị (xã Đông Tiến - Quỳnh Phụ), miếu Miếu Go (xã An Vũ - Quỳnh Phụ), miếu Ba Thôn (xã Thụy Hải - Thái Thụy), miếu Đông (xã Thái Hồng - Thái Thụy), miếu Nội Hòn (xã An Ninh - Tiên Hải), miếu Mỹ Đức (xã Đông Hoàng - Tiên Hải), miếu Hai Thôn (xã Xuân Hòa - Vũ Thư), miếu thôn Thái (xã Nguyên Xá - Vũ Thư).

Đặc biệt ở mảnh đất Hưng Hà - Thái Bình còn giữ gìn và bảo lưu được “Cụm di tích lăng mộ các vua Trần”. Có thể nói đây là loại hình di tích tiêu biểu của tỉnh về mặt giá trị khảo cổ học.

Bên cạnh hệ thống các công trình kiến trúc nghệ thuật đình, chùa, đình, miếu, Thái Bình còn có nhiều di tích khác như các di tích lưu niệm và kháng chiến: Trường Vị Sỹ (xã chí Hòa - Hưng Hà), nhà thờ Phạm Quang Lịch (xã Đình Phùng - Kiến Xương), khu lưu niệm chủ tịch Hồ Chí Minh (xã Tân Hòa - Vũ Thư), làng kháng chiến Nguyên Xá (xã Nguyên Xá - Đông Hưng), khu lưu niệm Nguyễn Đức Cảnh (Thị trấn Diêm Điền - Thái Thụy), đình Nho Lâm - Thanh Giám (xã Đông Lâm - Tiên Hải), chùa Trung - Mả Bụt (xã Vũ Lăng - Tiên Hải).

Ngoài ra ở Thái Bình còn lưu giữ nhiều các di tích lịch sử thờ các danh nhân như: Từ đường văn thân yêu nước Ngô Quang Bích (xã An Ninh - Tiên Hải), cụm di tích lưu niệm danh nhân Lê Quý Đôn (xã Độc Lập - Hưng Hà), từ đường - lăng mộ Doãn Uẩn, Doãn Khuê (xã Song Lãng - Vũ Thư), nhà lưu niệm Nguyễn Mậu Kiến (xã Vũ Trung - Kiến Xương), cụm di tích lưu niệm danh nhân Quách Đình Bảo (xã Thái Phúc - Thái Thụy).

2.2.1.2. Một số di sản văn hóa vật thể tiêu biểu

❖ Chùa Keo

Chùa Keo (Thần Quang Tự) là một ngôi chùa ở xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, được xây dựng năm 1061 dưới thời Lý Thánh Tông ở Giao Thủy ven sông Hồng. Ban đầu chùa có tên là Nghiêm Quang Tự, đến năm 1167 mới đổi thành Thần Quang Tự. Vì Giao Thủy có tên nôm là Keo nên chùa cũng được gọi là chùa Keo.

Năm 1611, nước sông Hồng lên to làm ngập làng nơi có chùa. Một bộ phận dân cư dời đi nơi khác xây dựng ngôi chùa Keo mới, thường gọi là chùa Keo Hành Thiện (ở xã Xuân Hồng, Xuân Thủy, Nam Định). Một bộ phận dân cư khác dời sang tả ngạn sông Hồng lập làng Dũng Nhuệ trên mảnh đất Thái Bình và cũng dựng lên ngôi chùa Keo mới ở đây. Công việc xây dựng ngôi chùa này bắt đầu từ năm 1630 và hoàn thành vào năm 1632 theo phong cách kiến trúc thời Lê, nhờ sự vận động của bà Lại Thị Ngọc, vợ của Tuần Thọ Hầu Hoàng Nhân Dũng và Đông Cung Vương phi Trịnh Thị Ngọc Thọ. Chùa được trùng tu nhiều lần vào các năm 1689, 1707, 1941... Lần trùng tu năm 1941 có sự giúp đỡ của Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp.

Văn bia và địa bạ chùa Keo còn ghi lại diện tích toàn khu vực kiến trúc chùa rộng khoảng 58.000m², gồm nhiều ngôi nhà tạo thành những cụm kiến trúc khác nhau. Hiện toàn bộ kiến trúc chùa còn 17 công trình gồm 128 gian xây dựng theo kiểu “Nội công ngoại quốc”.

Từ cột cờ bằng gỗ chò thẳng tắp cao 25m ở ngoài cùng, đi qua một sân lát đá du khách sẽ đến tam quan ngoại, hồ sen, tam quan nội với bộ cánh cửa cao 2m, rộng 2,6m chạm một ổ rồng với rồng mẹ và rồng con, châu mặt nguyệt. Nếu đôi cánh cửa ở chùa Phổ Minh tiêu biểu cho kiến trúc thời nhà Trần thì đôi cánh cửa ở chùa Keo tiêu biểu cho kiến trúc thời nhà Lê.

Qua tam quan, đi tiếp vào chùa gặp ở hai bên 24 gian hành lang chạy dài từ chùa Hộ nối với nhà Tổ và nhà Trai sát gác chuông. Bao quanh toàn bộ chùa là nơi để khách hành hương sắm lễ vào chùa lễ Phật và lễ Thánh.

Đi đến phần chùa thờ Phật gồm ba ngôi nhà nối vào nhau. Ngôi nhà ở

ngoài gọi là chùa Hộ, ngôi nhà ở giữa gọi là ống Muống và ngôi trong cùng gọi là Phật điện. Đặc biệt ở đây có tượng Thích ca nhập Niết bàn, tượng Bồ Tát Quan Âm Chuẩn Đề đặt giữa tượng Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát. Toàn bộ khu thờ Phật của chùa có gần 100 pho tượng.

Chùa Keo ngoài thờ Phật còn thờ Không Lộ - Lý Quốc Sư. Toàn bộ công trình đều làm bằng gỗ lim và là nơi được các nghệ nhân điêu khắc thời nhà Hậu Lê chạm khắc rất tinh xảo.

Sau khu thờ Phật là khu thờ Thánh. Phía ngoài có một giếng nước được xếp bằng 36 cối đá thủng đã từng giã gạo nuôi thợ xây dựng chùa từ xưa.

Đáng kể và tiêu biểu nhất ở đây là kiến trúc tòa gác chuông chùa Keo. Gác chuông là một kiến trúc đẹp, cao 11,04m có ba tầng mái, kết cấu bằng những con sơn chồng lên nhau. Bộ khung gác chuông làm bằng gỗ liên kết với nhau bằng mộng, nâng bằng 12 mái ngói và 12 đao loan uốn cong dáng vẻ thanh thoát nhẹ nhàng. Gác chuông được dựng trên một nền gạch xây vuông vắn. Ở tầng thứ nhất có treo một khánh đá cao 1,2m. Tầng hai có treo quả chuông đồng lớn đúc năm 1686 cao 1,3m có đường kính 1m. Hai quả chuông nhỏ treo trên tầng ba và tầng thượng cao 0,62m, đường kính 0,69m đều được đúc năm 1796.

Đến thăm chùa Keo chúng ta có thể nhìn thấy những đồ thờ quý giá tương truyền là đồ dùng của Không Lộ Thiền Sư như bộ tràng hạt bằng ngà, một bình voi to và ba vỏ ốc lóng lánh như dát vàng mà tương truyền rằng chính do Không Lộ nhặt được từ thuở còn làm nghề đánh cá và giữ làm chén uống nước trong những năm tháng tu hành.

Trải qua gần 400 năm tu bổ và tôn tạo, chùa Keo vẫn giữ nguyên bản sắc kiến trúc độc đáo của mình. Gác chuông với bộ mái kết cấu gần 100 đàn đầu voi là viên ngọc quý trong gia tài kiến trúc Việt Nam. Bộ cánh cửa chạm rồng là bộ cánh cửa độc đáo của cả nước.

Có thể nói chùa Keo là một bảo tàng nghệ thuật đầu thế kỷ XVII có quy mô bề thế, được bảo quản chắc chắn, còn bảo lưu được nhiều tượng pháp và những đồ thờ tự có giá trị nghệ thuật cao. Chùa không chỉ thờ Phật mà còn là nơi tôn thờ Không Lộ - một vị thiền sư có công lớn chữa bệnh cho Vua Lý. Với

những giá trị mà chùa có được, ngày 28/ 4/1962 chùa Keo đã được Bộ Văn hóa thông tin công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia về loại hình kiến trúc nghệ thuật. Đến với chùa Keo, du khách sẽ được chiêm ngưỡng một di tích lịch sử văn hóa đặc sắc và được nghe những mẩu chuyện lý thú, cảm động về thiền sư Không Lộ. Hiện nay với các dự án trùng tu, tôn tạo đã và đang được tiến hành chùa Keo sẽ ngày càng trở nên khang trang, bề thế hơn, thu hút đông đảo du khách thập phương đến tham quan, văn cảnh chùa. Chùa Keo thực sự là một điểm đến không thể bỏ qua của du khách khi đến với Thái Bình.

❖ *Chùa Ngọc Động*

Chùa Ngọc Động còn gọi là chùa Am, tọa lạc trên địa bàn thôn Lộng Khê, xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Tương truyền, chùa được khởi dựng từ thời Lý gắn liền với cuộc đời Không Lộ thiền sư trong cuộc trị thủy tại Lộng Khê.

Thời ấy, chùa được xây dựng bên bờ sông Luộc, đối ngạn với Ninh Giang. Do đê sạt lở, chùa được dân di chuyển về vị trí hiện nay, cách làng Lộng Khê 700m về phía Bắc. Tổng thể kiến trúc chùa gồm hai tòa chính: Bái đường và Phật điện cùng các công trình khác như: nhà tổ, tăng xá, hoành mã, tam quan tạo thành một quần thể kiến trúc khép kín với đầy đủ tượng pháp và đồ tự khí, nội thất có giá trị nghệ thuật điêu khắc gỗ, đá và kim loại. Trước chùa có ba ngôi bảo tháp cao 9,5m gồm 9 tầng mang phong cách nghệ thuật thời Hậu Lê.

Toàn bộ diện tích nội, ngoại tự khoảng 5 sào Bắc Bộ. Tại chùa này đã có nhiều bậc cao tăng, thạc đức trụ trì truyền bá chính pháp. Đây là một công trình kiến trúc tôn giáo tôn nghiêm, rộng lớn góp phần tô điểm cho Lộng Khê trở thành một trong “Tứ cố cảnh Lý triều” của huyện Phụ Dực xa xưa.

Hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến tháng 12/1946 của Hồ Chủ Tịch, chuông chùa Ngọc Động được dân thôn đưa vào xưởng quân khí đúc đạn chống thực dân Pháp. Năm 1949, chùa là một trong những trận địa của dân quân du kích xã Đào Tào tiêu diệt kẻ thù gây tiếng vang lớn trong toàn huyện ngày 16/1 năm Canh Dần. Trong những năm 1950, 1951 chùa là cơ sở địch vận của dân quân du kích địa phương. Hoảng sợ trước sức mạnh của ta, địch đã thiêu

hủy tàn phá chùa Ngọc Động lần thứ nhất vào năm 1950, lần thứ hai vào năm 1951. Toàn bộ công trình kiến trúc chỉ còn nền cũ móng xưa và ba ngôi bảo tháp. Gần nửa thế kỷ, làng Lộng Khê vắng tiếng chuông chùa.

Đến năm 1993, được sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương giáo Hội Phật giáo Việt Nam, thành Hội Phật giáo Hà Nội, Hải Phòng, Thượng tọa Thích Thanh Nhã, bản quán tăng, đương gia chùa Trấn Quốc, quận Ba Đình Hà Nội, UBND - UBMTTQ Việt Nam tỉnh Thái Bình và ban trị sự Tỉnh hội Phật giáo Thái Bình cùng các sở, ban ngành, các cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền huyện Quỳnh Phụ, xã An Khê, các tăng ni, phật tử, nhân dân trong và ngoài tỉnh đã hăng tâm, hăng sản trùng tạo chùa Ngọc Động. Lễ khởi công hạ móng vào ngày 21/8 năm Quý Dậu. Sau hơn hai năm thi công, dưới sự chỉ đạo của Thượng tọa Thích Thanh Nhã, tín đồ và nhân dân thôn Lộng Khê đã vượt qua muôn trùng khó khăn gian khổ, hoàn chỉnh công trình kiến trúc chùa Ngọc Động với tổng kinh phí đầu tư trên 2 tỷ đồng và trên 3 ngàn công lao động. Lễ cắt băng khánh thành được long trọng tổ chức vào ngày 18/10 năm Ất Hợi. Đây là một công trình kiến trúc lớn, quy mô hoành tráng gồm bái đường, phật điện và nhà tổ. Chùa Ngọc Động là sự kế thừa và phát huy có chọn lọc nghệ thuật kiến trúc truyền thống vùng đồng bằng châu thổ và nghệ thuật kiến trúc phật giáo phương Đông, với bảy gian bái đường, năm gian phật điện uy linh hoành tráng, nét chạm mềm mại, tinh vi, tọa lạc trên nền cao gần 4m, dật 13 cấp, hệ thống móng gia cố bằng thiết kế kỹ thuật hiện đại, hệ thống tượng pháp khá đầy đủ do các tín đồ hăng tâm tín cúng, mỗi pho tượng đều kế thừa phong cách nghệ thuật tượng tròn qua nhiều thế kỷ. Chuông chùa được đúc vào ngày 25/3 năm Bính Tý, nặng trên 350kg.

Với những đặc điểm trên, chùa mang giá trị lịch sử văn hóa to lớn. Sự tái lập chùa Ngọc Động là một sự kiện vô cùng quan trọng trong lịch sử tồn tại và phát triển của làng Lộng Khê. Chùa chính là nơi chiêm lễ của các phật tử và nhân dân, tưởng nhớ đến vị quốc sư triều Lý có công lao trị thủy, mở làng lập chùa, truyền bá chính pháp. Ngoài ra chùa còn có ý nghĩa giáo dục truyền thống yêu nước cho các thế hệ mai sau bởi nơi đây còn là cơ sở hoạt động cách mạng

của nhân dân ta trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Đó là niềm tự hào của cán bộ, nhân dân xã An Khê nói chung, thôn Lộng Khê nơi có chùa tọa lạc nói riêng. Chùa đã được Bộ Văn hóa thông tin công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia ngày 25/2/1998. Sự hiện diện của chùa Ngọc Động hôm nay là sự khẳng định niềm tin và quyết tâm “nhất tâm tín, vạn sự thành” của Phật tử và nhân dân Lộng Khê đối với công trình kiến trúc Phật giáo “tác nhất thời, lưu vạn đại” đầu tiên vào những năm cuối cùng của thế kỷ XX trên đất Thái Bình.

❖ *Đền Đồng Bằng*

Đền Đồng Bằng thuộc địa phận thôn Đồng Bằng, xã An Lễ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Đền thờ Vĩnh Công Đại Vương Bát Hải Động Đình hay còn gọi là Đức Vua từ thời Hùng Vương thứ 18.

Đền Đồng Bằng nằm cách quốc lộ 10 không xa. Toàn bộ khu đền chính có diện tích rộng 20.500m², riêng diện tích nội tự là 6000m² với tầng tầng, lớp lớp các cung cửa, 13 tòa, 66 gian liên kết chung mái, chạm khắc tinh xảo, thâm thúy, choáng ngợp vàng son uy nghi cổ kính. Từ đường quốc lộ du khách có thể xuống xe đi tản bộ để ngắm nhìn quần thể di tích nguy nga, kỳ vĩ này. Thời nhà Lý, trong “Tứ cố danh thắng: Đào Động - Lộng Khê - Tô A - A Sào” thì Đào Động là đứng đầu. Còn vào thời nhà Trần, khi đến tế lễ tại đền Đồng Bằng danh tướng Phạm Ngũ Lão đã có thơ vịnh hiện còn lưu giữ tại đền:

*“Xuân thu nhật tảo di hoa ảnh động
Thu phong viễn tống hạc thanh lai
Lưu quang điện hạ thiên từng thụ
Quả cảnh thân tiên nhất thủ tài”*

Đi hết đoạn đường râm mát bóng, ta gặp một hồ nước tròn trong xanh xưa gọi là Ao Ròng. Từ đây ta có thể nhìn rõ tòa cổng tam quan bề thế, cổng đền là một công trình kiến trúc hoành tráng kiểu Đại môn của cung đình nhà Nguyễn. Cổng có ba cửa: cửa giữa to rộng chỉ mở vào ngày đại lễ còn tả, hữu môn mở thường nhật để đón du khách vào thăm đền. Lầu trên cửa tòa cổng chính có lầu Kính Thiên, có lối nhang ngưỡng thiên cổ kính, là nơi cầu vọng lễ bát tiết và ngày chính hội. Bốn chữ “Bát Hải Động Đình” khổ lớn viết bằng chữ Hán là

thần hiệu của đền. Hai bên cổng chính là đôi câu đối chữ Hán như một bản tóm tắt giới thiệu về đền.

Bước qua cổng tam quan là đến nội tự, bao gồm:

- Tòa Đại Sảnh (cung đại bái, cung đại tam): Cung Tứ Phủ Công Đồng - đây là nơi diễn ra đại tế những ngày khai hội cổ xưa. Tòa đại sảnh là một công trình kiến trúc đời Nguyễn, mang đặc trưng kiến trúc thế kỷ XIX.

- Cung Đệ Tam: So với cung Đệ Tứ thì cung Đệ Tam nhỏ hơn, bài trí tự nhiên, giản đơn hơn, tuy dáng thanh u mà vẫn vàng son tráng lệ.

- Cung Đệ Nhị: Bước vào cung Đệ Nhị chúng ta như thấy mở ra trước mắt một không gian mới thoáng rộng hơn, lung linh như sự thăng hoa cảnh sắc.

- Cung Đệ Nhất: Là cung thờ tiếp sau cung Đệ Nhị, liền vách với Cầm cung. Cung Đệ Nhất là cung thờ vọng Đức Vua. Theo các cụ cao tuổi thì cung Đệ Nhất, cung Quan và cung Mẫu được xây dựng từ thời Lý khi mà Đào Động được coi là đứng đầu trong “Tứ cố danh thắng” của phủ An Tiêm cổ. Gọi là cung thờ vọng Đức Vua vì theo lệ cổ phương Đông thường dân không được trực tiếp chiêm ngưỡng mặt Rồng (mặt Vua) cho nên cung Đệ Nhất là cung quan trọng nhất để người tín ngưỡng đến dâng hương thỉnh cầu Đức Vua. Cũng với bài trí lộng lẫy vàng son nhưng cung Đệ Nhất lại có dáng vẻ uy nghiêm, thâm u cô tịch khiến người ta phải cung kính.

- Cung Tam vị Thánh Mẫu bao gồm: Mẫu Thượng Thiên, mẫu Thoải, mẫu Thượng Ngàn. Ngay chính cửa cung mẫu có bức hoành phi rất độc đáo mà chỉ riêng đền Đồng Bằng mới có đó là bức hoành phi có hình giao long (cá chép hóa rồng).

- Cung Chư vị quan lớn: Theo các cụ, đền đời Trần cung này thờ cả mười quan lớn đã theo Vĩnh công đánh giặc ngày xưa. Khi thái sư Trần Nhân Huệ, điện tiền tướng công Phạm Ngũ Lão, danh tướng Yết Kiêu qua đời thì bài vị của các ông cũng được thờ tại cung quann này. Trước cửa cung cũng có một tấm hoành phi rất độc đáo, đó là bức hoành phi có Chim Phượng Đăng Vân. Nền cuốn thư có tạc hình con phượng to có mào đang bay, phía dưới lại tạc hình con một con phượng non bay theo. Người xưa muốn dùng hình tượng để nói rằng

con phượng trông bay cùng con phượng con tức là phượng bố hay phụ phượng, ý muốn ám chỉ nơi tọa lạc của đền Đồng Bằng nằm trên đất Phụ Phượng.

- Cung Cấm: Đây là cung thờ thâm nghiêm nhất của đền Đồng Bằng. Gọi là cung cấm là vì không phải ai cũng có thể được vào. Theo lệ xưa, trừ ông thủ từ được quyền ra vào hương đăng phụng sự trong cung cấm thì ngay các bậc cao niên, chức sắc trong làng cũng chỉ được vào cung cấm trong những ngày tế lễ, sóc, vọng, bát tiết và lễ hội chính mà thôi.

Ngoài các cung thờ chính, ở đền Đồng Bằng trong những thời kỳ khác nhau được lập thêm các cung thờ phụ.

Từ những tư liệu trên ta có thể thấy đền Đồng Bằng là một ngôi đền có quy mô kiến trúc lớn nhất Thái Bình. Bằng lối bố cục liên hoàn khép kín, rất uy linh bề thế, đồ sộ nhưng vẫn phóng khoáng nhẹ nhàng, nhã nhặn và duyên dáng, đền Đồng Bằng mang đậm phong cách kiến trúc truyền thống trong văn hóa làng xã Bắc Bộ nhưng lại ảnh hưởng bởi kiến trúc Huế những năm đầu thế kỷ. Đó là nghệ thuật ghép gôm và mái tứ diện chông diềm, là sự giao thoa văn hóa và cũng chính vì thế càng làm gia tăng vẻ đẹp mê hồn của ngôi đền độc nhất vô nhị trên vùng đất này. Với những giá trị về mặt kiến trúc nghệ thuật, đền Đồng Bằng thực sự trở thành một điểm đến hấp dẫn, thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước đến thăm. Có thể nói đền Đồng Bằng là một di sản văn hóa của tỉnh Thái Bình, một bảo tàng mỹ thuật điêu khắc gỗ đầu thế kỷ của vùng quê lúa. Ngày 12/12/1989, công trình kiến trúc này đã được Bộ Văn hóa thông tin xét duyệt và công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

❖ *Đền Đồng Xâm*

Đền Đồng Xâm thuộc xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Đây có thể xem như một tập đại thành của nghệ thuật chạm khắc gỗ, đá, kim loại, đắp vữa của Việt Nam thời Nguyễn.

Đền gồm một quần thể di tích có quy mô hoành tráng. Trong đó thờ Triệu Vũ Đế, đền thờ Trình Thị Hoàng Hậu (vợ vua Triệu Vũ Đế) và đền thờ Nguyễn Kim Lâu (vị tổ nghề chạm bạc cổ truyền) cùng hệ thống đền chùa nằm kề sông Vông. Trung tâm cụm di tích của đền Đồng Xâm là một tổng thể kiến trúc đồ sộ

với gần 10.000m² gồm nhiều công trình kiến trúc hùng vĩ và tuyệt đẹp như vọng lâu, thủy tạ, hoành mã, sân tế, tòa tiền tế, phương đình, tòa điện thờ, hậu cung, nhà thờ tổ sư nghề chạm bạc. Thủy tạ là một ngôi nhà hình lục lăng cao gồm sáu cửa vòm quay ra các hướng, từ đây du khách có thể ngắm được toàn cảnh sân tế và các đường thuyền đua tấp nập trên sông khi có lễ hội. Tòa tiền tế của ngôi đền là một tòa đại đình gồm năm gian rộng với quy mô đồ sộ có chiều cao tới 13m và kiểu dáng kiến trúc bề thế ít gặp ở các di tích khác. Nội liền tòa tiền tế với hậu cung là tòa điện Trung tế được kiến trúc theo kiểu phương đình. Mặt bằng ở khu vực này được các nghệ nhân xử lý cực kỳ hợp lý, từ ba gian của tòa tiền tế được rút lại một gian chính giữa làm nền của tòa phương đình. Tòa hậu cung của đền được cấu trúc thành hai bộ phận liên hoàn là tòa điện năm gian, nối với gian trung tâm là phần chuôi vò được tôn cao mặt bằng để đặt khám gian. Phía hiên ngoài hậu cung được bài trí hài hòa bằng những đại tự, cuốn thư, câu đối cùng hệ thống y môn gỗ chạm. Hệ thống cánh cửa khay soi ở ba gian trung tâm của tòa hậu cung được chạm thủng với đề tài bát bửu, hoa văn, dây lá, chữ triện trên 12 ô cửa của hậu cung tạo cảm giác lâng lâng thoát tục cho du khách trước khi bước qua ngưỡng cửa vào đây. Khám gian đặt tại hậu cung là một tác phẩm độc đáo mang nét đặc thù của làng nghề chạm bạc, đồng, sắt. Khám gian được phong kín bằng những lá đồng chạm thủng với các đề tài khác nhau như tứ linh, tứ quý... Trong khám thờ đặt tượng Triệu Vũ Đế và Trình Thị Hoàng Hậu, cỡ tượng to tương đương người thật và đều được đúc bằng đồng khảm vàng, bạc, thiếp bạc.

Với cấu trúc nghệ thuật độc đáo, đền Đồng Xâm thực sự trở thành một điểm du lịch hấp dẫn, chắc chắn sẽ làm thỏa mãn nhu cầu tham quan, tìm hiểu của du khách. Đến với nơi đây du khách sẽ được thả hồn mình vào khung cảnh thiên nhiên trong lành và chiêm ngưỡng một công trình điêu khắc có thể nói là rất hoành tráng và sinh động. Để tưởng nhớ đến vị tổ nghề chạm bạc, hàng năm cứ đến ngày 1/4 dân làng Đồng Xâm lại nô nức mở hội. Bên cạnh nghi thức tế lễ còn nhiều sinh hoạt văn hóa dân gian. Đây là dịp dân làng thể hiện tấm lòng của mình đối với các bậc tiền nhân.

Có thể khẳng định rằng đền Đổng Xâm như một tập đại thành của nghệ thuật chạm khắc gỗ, đá, kim loại, đắp vữa của Việt Nam thời Nguyễn. Ngày 30/10/1990, ngôi đền này đã được Bộ Văn hóa thông tin công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia với tiêu chí về loại hình kiến trúc nghệ thuật.

❖ **Đình Tổng Thỏ**

Cách Thành phố Thái Bình không xa, ở một làng quê nhỏ, xưa thuộc xã Tổng Thỏ, tổng Trực Nội, phủ Thái Ninh (nay là xã Đông Mỹ, huyện Đông Hưng) có một ngôi đình lớn, cổ kính, tôn nghiêm. Đó là đình Tổng Thỏ - một di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng cấp quốc gia của tỉnh Thái Bình.

Về niên đại xây dựng, căn cứ vào các tài liệu thư tịch cổ, văn bia, gia phả các dòng họ cho thấy tiền thân ngôi đình được xây dựng từ thời Lê Trung Hưng thế kỷ XVI. Từ đó về sau, đình được nhiều lần tu tạo: lần thứ nhất vào năm 1747 (gia phả họ Đặng ghi), lần thứ hai vào năm 1767 và lần thứ ba vào năm 1864 (gia phả họ Phạm ghi). Hai tấm bia đá hiện đặt tại đình đã ghi sự kiện xây dựng lại đình ngoài vào năm 1911 và đình trong vào năm 1923 với quy mô to lớn như hiện nay.

Đình Tổng Thỏ kiến trúc theo kiểu chữ nhị. Tòa tiền tế năm gian, làm kiểu mái cong đao guột, tòa đệ nhị ba gian làm kiểu hồi văn cách bằng. Hệ thống bẩy tiền chạm trổ “tứ quý, long hóa”. Nội thất các vì làm kiểu “thượng chấp mãng, hạ chông giường”. Cốn thượng chạm hình hổ phù, hai bên có nghệ châu, dáng to khỏe, trông rất hung dữ. Rường tiền và rường hậu chạm trổ tứ linh liên hoàn, có cảnh rồng bay phượng múa, sư tử hý cầu, rùa hàm thư. Những đề tài dân dã cũng được thể hiện sinh động. Những họa tiết trang trí như trúc quạt, ngư thủy, sóng nước, hoa lá, chim muông... được chạm trổ bong kên, đường nét chạm khắc điêu luyện, chau chuốt và sống động. Đặc biệt ở tòa đệ nhị còn có hệ thống ngưỡng, bạo và cột bằng đá xanh được chạm trổ công phu và mỹ thuật. Mặt trước các cột đều khắc câu đối, các mặt còn lại chạm khắc “tứ linh, tứ quý”. Các ngưỡng bạo đá được soi gọt chau chuốt, phần cốn bung chạm trổ hoa dây, nghệ thuật trang trí thanh tao, hài hòa, sinh động và đẹp như tranh vẽ. Trong đình Tổng Thỏ còn bảo lưu được nhiều đồ tế khí có giá trị. Đặc biệt

có những cỗ khám gian rất lớn, được đặt trên các sập chân quý dạ cá, có hàng trăm họa tiết chạm trổ công phu và được sơn son thếp vàng rực rỡ.

Đình Tổng Thỏ còn là một di tích lịch sử - nơi thờ cộng đồng, thành hoàng: “ngũ vị đại vương và thất vị tông tự”, đều là những người có công với dân, với nước ở các thời kỳ lịch sử. Một cuốn thần phả và 17 đạo sắc phong của các triều đại, từ đời vua Lê Cảnh Hưng đến các đời vua Nguyễn đều ghi rõ công danh sự nghiệp của 12 vị nhân thần từ buổi đầu dựng nước đến các đời Đinh, Lý, Trần, Lê... Điều đặc biệt quan tâm là trong 12 vị nhân thần, có một vị có công trong việc đắp đê trị thủy, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân. Đó là Hắc Hiến linh tôn thần - một quan Hà đê sứ triều Trần. Nhiệm vụ của chức Hà đê sứ là: Hàng năm vào tháng giêng, đê sứ phải đốc thúc nhân dân bồi đắp các đê đập... Trong mùa mưa, đê sứ phải đi kiểm tra đê để kịp thời sửa chữa những chỗ bị lở. Thần phả chép Ngài là một người cao lớn, mặt đen như sắt, sức khỏe phi thường. Khi dân làng có quăng đê tiếp giáp các xã Tổng Khê, Thượng Tâm bị nước lũ cuốn vỡ, ngài vâng mệnh nhà vua về tổ chức nhân dân đắp lại. Quan quân gắng sức hàn gắn nhưng vì nước to, lũ mạnh, cả người lẫn ngựa đều bị dòng nước cuốn trôi và hóa tại đó. Với tấm gương dũng cảm quên mình của quan Hà đê sứ, nhân dân đoàn kết gắng sức hàn đắp lại được quăng đê, bảo vệ tài sản hoa màu và cuộc sống bình yên của các làng xã. Vì thế sau khi mất đi, nhà vua phong sắc, các xã Tổng Thỏ, Tổng Khê, Thượng Tâm và nhân dân vùng duyên giang đều ghi nhớ công ơn của quan Hà đê sứ, phụng thờ Ngài như những bậc thành hoàng đáng kính.

Ngoài ý nghĩa lịch sử trên, đình Tổng Thỏ còn là nơi diễn ra nhiều cuộc đấu tranh chống chế độ thực dân phong kiến, là địa điểm tập trung quần chúng đi giành chính quyền ở huyện lỵ Đông Quan; là chỉ huy sở của tiểu đoàn Giang Đông với những trận đánh nổi tiếng trên đường quốc lộ 10 trong kháng chiến chống Pháp. Sau hòa bình, ngôi đình lịch sử và nổi tiếng về kiến trúc đã được vinh dự đón nhiều đoàn khách trong nước và ngoài nước đến thăm. Từ các đồng chí lãnh đạo đến các nhà nghiên cứu khoa học đều khẳng định và ngợi ca những giá trị lịch sử và kiến trúc nghệ thuật của ngôi đình - một cảnh quan văn hóa

tiêu biểu của làng quê Việt Nam.

Với những giá trị về mặt lịch sử, đình Tổng Thỏ đã và đang thu hút được sự chú ý của nhiều giới nghiên cứu trong và ngoài nước khi muốn tìm hiểu về các di sản văn hóa ở Thái Bình. Trong đấu tranh chống chế độ thực dân phong kiến và trong kháng chiến chống Pháp, đình Tổng Thỏ cũng là cơ sở hoạt động cách mạng và có vai trò thực sự to lớn góp phần làm nên thắng lợi của nhân dân ta. Hiện nay, đình là trung tâm văn hóa tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân trong xã. Những ngày lễ, ngày hội dân làng đều tập trung tại đình và tổ chức những sự kiện rất trọng thể. Với ý thức bảo vệ và giữ gìn di sản văn hóa quý giá của cha ông để lại, trong những năm qua cán bộ và nhân dân Thái Bình đã từng bước tu bổ, tôn tạo khu di tích để đình Tổng Thỏ ngày một khang trang, bề thế, thu hút nhiều du khách đến thăm. Đình đã được Bộ Văn hóa thông tin công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia ngày 16/12/1993.

❖ *Đình Thượng Phúc*

Thượng Phúc là một làng quê nhỏ, xưa là xã Mỹ Lạc, tổng Cao Mại, huyện Chân Định, phủ Kiến Xương nay là thôn Thượng Phúc, xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Đình Thượng Phúc là một ngôi đền có quy mô lớn, kiến trúc theo kiểu “Tiền nhất hậu công”, có gác lầu chông diêm ba tầng mái cong đao guột vượt trên các lũy tre làng. Tiền thân ngôi đình có từ khá sớm (Đình trong xây dựng thời Lê Trung Hưng, thế kỷ XVII). Trải qua biến loạn nhiều đời, ngôi đình luôn được tu bổ tôn tạo lớn dần như ngày nay. Hiện tại long cốt đình trong có ghi năm tháng trùng tu “Thành Thái Quý Tỵ niên 1893” và tòa Đại Bái được dựng lại vào Hoàng triều Khải Định Kỷ Mùi (1919). Tòa Đại Bái là tòa lớn nhất do cụ Bùi Ngọc Tôn đứng ra làm thợ cả và tuyển thêm hai hiệp thợ giỏi ở tỉnh Nam Định, Hưng Yên cùng làm. Cả ba hiệp thợ đều trở hết tài năng vào các đề tài chạm trở công phu song hai vì giữa của hiệp thợ Thái Bình cân đối, hài hòa, tinh xảo hơn nên đoạt giải nhất.

Tòa Đại Bái năm gian rất lớn, làm kiểu hồi văn cánh bằng, kết cấu nội thất đều bằng gỗ lim và được chạm trở công phu tinh xảo. Hệ thống năm gian

cửa ô khung khách, bẩy tiền chạm trổ thông, trúc, cúc, mai hóa rồng. Cấu trúc vì kèo làm kiểu thượng rường hạ cột với cả hệ thống cột cái, cột quân to cao sừng sững. Các đầu dư chạm lộng ba tầng với hình đầu rồng to khỏe vươn dài, bờm râu chải chuốt uốn hình sóng lượn trông rất sinh động. Hai vì giữa nóc chạm hồ phù, cốn chạm văn triện cài lá lật, đầu chạm hoa sen, câu đầu chạm dải lụa hàm thư, hoa gấm lục lăng. Nhìn chung phong cách chạm trổ thoáng đạt, tổng thể hài hòa cân đối. Tòa đệ nhị ba gian cuốn vòm, mái lợp ngói mũi. Tòa ông muống cũng xây cuốn vòm, có một cửa giữa và hai cửa bên. Tòa chính tẩm xây kiểu chông diêm cổ các ba tầng, cao hơn 10m, nóc đắp ngạc long ngâm đại bờ, mái lợp ngói mũi, đao đắp song loan, cổ các đắp phù điêu tứ linh với phong cách thanh nhã, hài hòa và cổ kính.

Ngoài giá trị là một di tích kiến trúc nghệ thuật, đình Thượng Phúc còn là nơi thờ “Tam vị thành hoàng”: Đông Hải tôn thần (Đoàn Thượng), Nam Hải tôn thần và Bạch Y tôn thần đều là những người có công với nước.

Trong thời kỳ cách mạng, đình Thượng Phúc gắn liền với phong trào cách mạng của làng Thượng Phúc và các cơ sở cách mạng trong vùng. Ở cạnh đình có hai cây cổ thụ to cao, làm tiêu điểm liên lạc cho các cán bộ tiền bối đi về hoạt động. Năm 1936, do ảnh hưởng từ cơ sở cách mạng Lai Vy, Kênh Sơn (xã Quang Minh), đồng chí Trần Xuân Lựu đã cùng đồng chí Lê Huy đứng ra tổ chức các hội truyền bá quốc ngữ, hội hiếu, hội bóng đá, bóng chuyền. Đình Thượng Phúc là cơ sở hèn hò bí mật, tiến hành các hoạt động của hội qua đó giác ngộ, kết nạp các thanh niên vào hoạt động cách mạng. Nhà cụ Nguyễn Trích gần đình được đặt làm cơ sở in của Tỉnh ủy. Tài liệu in xong được đưa ra đình cất giấu và chuyển sang cơ sở xã An Ninh, từ đó phân phát đi các nơi khác trong vùng. Có thời kỳ, cơ sở in của Đảng được chuyển vào hậu cung của đình để in ấn tài liệu cách mạng.

Tháng 2 năm 1941, hội nghị tỉnh Đảng bộ đã họp tại đình Thượng Phúc để củng cố tổ chức và đẩy mạnh phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng nhân dân. Ngày 22/8/1945 quần chúng nhân dân các tổng Cao Mại, Đa Cốc và làng Thượng Phúc đã tập trung tại đình đông tới hàng ngàn người cùng

với giáo mác, băng biển, khẩu hiệu kéo đi giành chính quyền ở huyện lỵ Kiến Xương thắng lợi. Trong suốt thời kỳ 1936 - 1945, đình Thượng Phúc là cơ sở lớn và tin cậy của phong trào cách mạng vùng Nam huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Làng Thượng Phúc vinh dự được nhà nước tặng “Kỷ niệm chương” và “Băng có công với nước”.

Có thể nói, đình Thượng Phúc là một di tích lịch sử cách mạng và là một trong những di tích kiến trúc nghệ thuật to đẹp và hoành tráng của tỉnh Thái Bình. Trong những năm kháng chiến, đình là cơ sở hoạt động bí mật của các chiến sỹ cách mạng và là địa điểm tập trung đông đảo quần chúng nhân dân đứng lên giành chính quyền. Đó là niềm tự hào của mọi người dân quê hương với các giá trị di sản văn hóa của cha ông để lại. Trong tương lai không xa đình Thượng phúc sẽ là một điểm du lịch hấp dẫn có thể đón đông đảo du khách tới thăm một miền quê giàu truyền thống cách mạng và tham quan khu di tích lịch sử - một công trình kiến trúc nghệ thuật to đẹp và cổ kính của tỉnh Thái Bình. Với các giá trị về mặt lịch sử và kiến trúc nghệ thuật, đình Thượng Phúc đã được Bộ Văn hóa thông tin công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia ngày 30/10/1990.

❖ Khu lưu niệm chủ tịch Hồ Chí Minh

Ngày 5 tháng 8 năm 1965, đế quốc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc, khởi đầu là vụ bắn phá Quảng Ninh, tiếp đó là Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình rồi Hà Nội, Hải Phòng, Thái Bình.

Trước tình hình chiến tranh ngày càng khốc liệt, tỉnh ủy Thái Bình chủ trương sơ tán về nông thôn, bám đất, bám dân để chỉ đạo sản xuất, chiến đấu, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh sơ tán về xã Đông Phong (Đông Hưng), Văn phòng tỉnh ủy chia thành nhóm: Bắc Trà Lý do Phó bí thư Lương Quang Chất phụ trách sơ tán về thôn Đồng Hàn, xã Hồng Lĩnh, huyện Hưng Hà, Nam Trà Lý sơ tán về xã Việt Hùng, huyện Vũ Thư. Văn phòng ban thường vụ Tỉnh ủy sơ tán về thôn Đại Đồng, xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư.

Tạo điều kiện cho đồng chí Bí thư tỉnh ủy (bấy giờ là đồng chí Ngô Duy Đông) và Ban thường vụ tỉnh ủy làm việc. Ty xây dựng Thái Bình tháo dỡ căn

nhà lá sáu gian của Ty giao thông tại Thị xã (có bổ sung thêm một vài cấu kiện gửi về cạnh đình thôn Đại Đồng (xã Tân Hòa) cất dựng tạm cho Ban thường vụ. Huy động thêm một số tre luồng và lá cũ làm thêm ba gian nhà lá cho bộ phận cảnh vệ và nhân viên hành chính. Xây thêm một hầm bê tông (lòng rộng 1,4m; cao 2m; độ sâu 3m dưới nền nhà chạy thông suốt sáu gian, có cửa chữ U (cạnh cửa sắt) nắp bê tông, thông từ gian hồi Đông sang gian hồi đối diện. Làm tạm một gian bếp nhỏ, xây một giếng khơi, một nhà tắm và bể nước nhỏ. Tất cả các vì kèo cột đều cất bằng luồng, riêng cột quân tiền, hậu, xà quá được xẻ bằng gỗ, cửa sổ chạy ván lùa, cửa chính ghép cánh phản, mộng đóng đinh sắt, bảo sơn đóng bện, mái lợp lá gồi, tường đất cao 0,8m; dày 0,4m, phần trên cắm phen tre, trát rom đất, phía ngoài để vẩy, phía trong quét vôi.

“Trụ sở” chia thành bốn phòng, trần ghép cốt nửa, bức gian che phen liếp. Phòng đầu hai gian, phía sau kê một giường thùng rộng 1,4m; trải nệm cỏ, sát cửa sổ hồi đặt một bàn nhỏ. Cạnh giường kê một bục gỗ đặt máy điện thoại (loại Liên Xô cũ). Phòng thứ hai kê hai giường cá nhân kiểu rẻ quạt bằng gỗ tạp (có đánh vec - ni), góc sát cửa ra vào đặt một tủ kệ (để tiếp nhận công văn). Phòng hội trường hai gian, kê hai bàn lớn (kiểu chữ đinh), bàn chủ tọa là kiểu táp - đơ - luy cỏ, bàn đại biểu chân kiểu chữ U. Ghế chủ tọa được đặt đệm cỏ, bọc vải ga trắng, ghế các đại biểu làm bằng song mây. Phòng cuối cùng (cơ quan) kê hai giường cá nhân, lòng rộng 0,8m. Thường nhật, phòng đầu là nơi ăn nghỉ của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, phòng thứ hai có hai giường để dành cho các đồng chí lãnh đạo tỉnh hoặc khách có việc cần nghỉ lại. Phòng hội trường là nơi hội họp của Ban thường vụ, còn hai giường phòng trái hồi cuối dành cho các nhân viên phục vụ.

Trong hoàn cảnh cuộc chiến tranh chống Mỹ vào giai đoạn khốc liệt, trai tráng Thái Bình hầu hết ra mặt trận, phụ nữ Thái Bình đảm đang tay cày, tay súng. Lãnh đạo tỉnh từ đồng chí Bí thư (Ngô Duy Đông), Phó bí thư (Lương Quang Chất), chủ tịch (Nguyễn Ngọc Trìu) đều đội mũ sắt cùng hàng triệu xã viên (nông dân) đầu đội mũ rom, lưng khoác “áo giáp rom” bám ruộng lội đồng, sản xuất bèo dâu, phân bắc, phân xanh, nhân nhanh giống lúa chân Trâu lùn,

nông nghiệp tám trên địa bàn toàn tỉnh với khẩu hiệu: “giặc đánh ban ngày ta cày ban đêm”, “đạp lên bom đạn mà sản xuất”, “tất cả cho sản xuất”, “tất cả cho tiền tuyến” và đến năm 1966, Thái Bình lập kỷ lục đặc biệt, năng suất lúa đạt bình quân 5 tấn/1ha. Các hợp tác xã tiên tiến: Vũ Thắng, Thanh Nê (Kiến Xương), Quảng Nạp (Thụy Trình, Thái Thụy) đạt 9 tấn/ha.

Động viên những cố gắng phi thường của Đảng bộ và nhân dân Thái Bình, Bác đã cùng với đồng chí Tô Hữu - Bí thư trung ương Đảng, Hoàng Anh (Bộ trưởng bộ nông nghiệp) về thăm Thái Bình.

Sẩm tối ngày 30 tháng 12 năm 1966, đoàn xe qua phà Triều Dương, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đón và dẫn Bác về bên phà tạm ở Đồng Cống. Vì thủy triều xuống gấp, phà không thể áp mạn, Ty giao thông cấp tốc tìm được chiếc thuyền gỗ đưa Bác lên bờ rồi đi thẳng về văn phòng sơ tán Ban thường vụ.

Đón Bác tại Tân Hòa có đông đủ các đồng chí trong Ban thường vụ, ngoài các đồng chí bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch còn có đồng chí Nguyễn (Trưởng ty công an), Tiến Chinh (chính trị viên tỉnh đội), Nguyễn Thị Định (Phó chủ tịch ủy ban hành chính tỉnh).

Theo lời kể của cố Bí thư tỉnh ủy Ngô Duy Đông, Ban thường vụ tỉnh ủy tiếp Bác tại phòng họp thường vụ (Phòng số 3). Bác ngồi ghế chủ tọa, đồng chí Tô Hữu, đồng chí Hoàng Anh và Thường vụ ngồi hai dãy ghế mây phía bàn chữ U. Tuy không phải là buổi làm việc, nhưng mỗi câu chuyện từ thực tế Thái Bình hay bên Pháp, bên Ấn Độ hình như Bác đều ngụ ý răn bảo cán bộ.

Đêm ấy, 31 tháng 12 năm 1966, Bác ngồi tại phòng số 1 chong đèn sửa bài nói chuyện buổi hôm sau, khuya lắm Bác mới đi nghỉ. Sáng sớm, trời rét đậm, Bác khoác khăn, mặc áo rét, xách đèn bão xuống nhà bảo vệ chúc sức khỏe các chiến sỹ và nhân viên cơ quan. Đồng chí bí thư tỉnh ủy như chột tỉnh, vì vui mừng gặp Bác đã quên ngày, quên tháng, không biết sớm ấy là ngày mừng 1 tháng 1 dương lịch (năm 1967), vừa cảm động ứa nước mắt, vừa ân hận “một đời mới được Bác khai xuân trên đất tỉnh mình mà con cháu quên đi nghỉ lễ chúc xuân”. Bác âu yếm, thông cảm và cười vui.

Quá 7 giờ sáng, Bác cùng đồng chí Tô Hữu, Hoàng Anh chốc chốc lại

xem đồng hồ, đồng chí Bí thư tỉnh ủy được ở gần Bác mà cứ bồn chồn, đứng ngòai không yên. Thì ra mãi tới 31, Văn phòng Tỉnh ủy từ Việt Hùng điện về, hôm sau là phiên chợ Búng. Bác về hội trường Tân Phong, sát cổng chợ quần chúng đến quá đông sợ xảy ra sự kiện như tại sân vận động Thị xã năm 1959, nhất là sợ máy bay phát hiện, oanh tạc, xin chuyển địa điểm Bác nói chuyện về đình Phương Cáp, xã Hiệp Hòa.

Khoảng 8 giờ sáng ngày 1 tháng 1, Bác và các đại biểu mới lên xe về đình Phương Cáp, xã Hiệp Hòa. Tại đây, Bác động viên khen ngợi phong trào sản xuất chiến đấu của quân dân tỉnh nhà “Bác thấy Thái Bình có nhiều tiến bộ. Bác mong đồng chí, đồng bào cố gắng hơn nữa để xây dựng Thái Bình thành tỉnh gương mẫu về mọi mặt”.

Ngày 2 tháng 9 năm 1969, Bác qua đời tại Phủ chủ tịch. Trước đau thương vô hạn, tưởng nhớ công ơn Bác đối với Đảng bộ và nhân dân Thái Bình, ban thường vụ tỉnh ủy quyết định lấy ngôi nhà sơ tán của Ban thường vụ, địa điểm đã diễn ra nhiều cuộc họp quan trọng chủ đạo quân dân Thái Bình chiến đấu chống Mỹ, vượt lên bom đạn xây dựng quê hương “5 tấn” và nơi Bác về nghỉ lại đêm giao thừa 1966 - 1967 làm khu di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Ngoài khu nhà lá là di tích gốc, năm 1974, Tỉnh ủy và ủy ban nhân dân tỉnh còn quyết định xây dựng bổ sung thêm ngôi nhà trưng bày và nhà khách. Nhà trưng bày được xây dựng hiện đại trên mặt hồ sen nhỏ, nơi đây trưng bày các tài liệu hiện vật về 5 tấn, Thái Bình đón Bác có nhà tiếp khách, có phòng trưng bày chuyên đề về “Thái Bình làm theo lời Bác”.

Hàng năm, vào dịp 19 tháng 5 và 2 tháng 9, Đảng bộ và nhân dân địa phương và các ngành, các cấp của huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình thường tổ chức lễ dâng hương tưởng niệm và tổ chức cho cán bộ nhân dân tham quan khu lưu niệm để tưởng nhớ công ơn của Bác.

Có thể nói trong kháng chiến chống Mỹ, mảnh đất Tân Hòa anh hùng, kiên cường bất khuất đã làm nên những thành tựu quan trọng trong sản xuất và chiến đấu. Nơi đây đã từng ghi dấu sự kiện lịch sử được đón Bác Hồ về thăm.

Đây thực sự là niềm tự hào lớn của nhân dân Tân Hòa nói riêng và nhân dân Thái Bình nói chung. Có thể lúc sinh thời Bác về thăm nhiều địa phương nhưng không có nhiều nơi được may mắn như Tân Hòa: Bác đã nghỉ lại một đêm mà theo Tết Tây thì đó là đêm giao thừa, giữa năm cũ và năm mới. Đó là di sản vô cùng quý giá mà suốt mấy chục năm qua Đảng bộ và nhân dân Tân Hòa trân trọng gìn giữ. Với sự quan tâm của các cấp chính quyền, khu di tích này đã và đang được tu bổ, mở rộng quy mô và ngày càng trở nên khang trang bề thế hơn chắc chắn sẽ là điểm đến vồn cùng hấp dẫn của du khách thập phương, góp phần mở rộng hình ảnh du lịch văn hóa Thái Bình, đưa du lịch Thái Bình phát triển lên một tầm cao mới. Cùng với những giá trị to lớn về mặt lịch sử, khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được Bộ Văn hóa thông tin xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia ngày 12/12/1986.

❖ *Di chỉ khảo cổ học Tam Đường*

Từ cuối những năm 60 của thế kỷ này bằng những phát hiện ngẫu nhiên, những đợt điều tra dân tộc học, thám sát, khai quật khảo cổ học tại thôn Tam Đường, xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà; di tích khảo cổ học Tam Đường đã nhanh chóng thu hút được sự chú ý của giới nghiên cứu khảo cổ học phong kiến (Thời Trần) ở Việt Nam. Và cho đến tận ngày hôm nay, cũng chưa có một kết luận thỏa đáng về phạm vi, quy mô, niên đại... chuẩn xác của khu phế tích kiến trúc và lăng tẩm mà sử chép là nơi đặt mộ tổ và các hoàng thân, quốc thích của triều đại ấy.

Thứ nhất: Thái Đường xưa, Tam Đường nay là khu mộ địa thời Trần. Có thể chia Tam Đường thành hai khu vực nam và bắc, lấy con đường xuyên xã làm trục, ta thấy xuất hiện các nấm phần như sau:

Phía Nam: Gồm có các phần (tức mộ): Thính, Trung, Đa, Bụt, Cự, mà Tít nằm gần sông Thái Sư (xóm Bép), còn có tên gọi là Vườn Mần. Ngôi mộ này đã bị phá hủy nghiêm trọng. Riêng mộ phần Cự đã được khai quật chữa cháy năm 1979.

Phía Bắc: Gồm nhiều ngôi mộ nằm rải rác trong khu dân cư, phần lớn đã bị phá hủy như: Phần Lợn, phần Ôi, phần Quang, phần Mao. Mộ phần Mao

được khai quật năm 1968. Đầu năm 1975, nhân dân địa phương đã phá hủy mộ có tên “Mã bà già”. Toàn bộ những nấm phần còn tồn tại hoặc đã bị phá hủy là những ngôi mộ thời Trần có quy mô lớn, nằm trong khu “Tiền tam thái, hậu thất tinh” của đất Thái Đường xưa.

Điều rất thú vị đối với các nhà nghiên cứu khảo cổ khi nghiên cứu về cấu trúc mộ ở Tam Đường, đặc biệt là mộ Nấm Sỏi hay còn gọi là phần Bụt nằm ở khu Tam Thái như nhân dân truyền tụng. Nấm Sỏi hay phần Bụt như một trái núi án ngữ phía nam Tam Đường. Thực tế ở đó rất nhiều sỏi nên gọi là Nấm Sỏi. Mộ này bị san bạt nhiều, thậm chí bị đào phá nhưng quy mô, diện mạo của nó vẫn có thể xác định gần 400m², khối lượng đất áp trúc khá lớn. Nếu tính từ dưới lên trên thì quách gỗ đã bị lộ, trên quách gỗ là quách đá, xung quanh và trên mặt rải cuội (đá sỏi). Điều thật thú vị là chính ngay trên mộ ấy xuất hiện những viên gạch kiến trúc tháp, kích thước, phong cách trang trí rất đẹp và rất giống gạch ở tháp Phổ Minh (Nam Định).

Toàn bộ những tài liệu mộ táng ở Tam Đường đã được xử lý nghiên cứu góp phần không nhỏ trong việc nghiên cứu văn hóa - văn minh Đại Việt thời Trần ở nước ta. Sự tồn tại mộ Trần ở Tam Đường với số lượng lớn và tập trung nhất so với toàn quốc đã khẳng định mảnh đất Thái Đường xưa (nay thuộc xã Tiên Đức) là khu mộ địa thời Trần.

Thứ hai: Tam Đường còn bảo lưu rất nhiều phế tích kiến trúc thời Trần

Tháng 12 năm 1972, nhân dân lấy đất làm đường và nhà mẫu giáo đã tìm thấy hàng trăm viên gạch, ở mặt cạnh in nổi chữ “Vĩnh Ninh Trường”, cạnh đó còn tìm thấy nhiều phiến gỗ lớn, nhiều ngói lợp chứng tỏ dấu tích kiến trúc bị sập đổ. Ngoài vật liệu kiến trúc, nơi đây nhân dân còn tìm thấy nhiều đồ dùng sinh hoạt như thông gồm, chậu gồm vẽ hoa nâu, nét vẽ phóng khoáng, khỏe mạnh, nhiều bát đĩa men ngọc, men rạn.

Mùa xuân năm 1973, cách khu vực nói trên 200m về phía đông là bãi tha ma được san làm sân vận động của xã đã bật lên nhiều gạch ngói, gốm sứ thời Trần. Nhân dân đã phát hiện một hàng gạch bó vỉa có chữ “Vĩnh Ninh Trường” phía tây của dải đất này. Đối diện với phần cụt, có địa danh là phần Bia, nhân

dân đã thu lượm được số lượng lớn đầu rồng bằng đất nung, gạch hoa, ngói bờ nóc, có đắp nổi hình rồng phượng, ngói mũi hài có gắn lá đề lợp hiên, mô hình nhà bằng đất nung cùng nhiều viên gạch hoa cỡ lớn, gạch đề trơn hình chữ nhật.

Trong hai năm 1979 và 1980, Viện khảo cổ học đã phối hợp với Ty văn hóa - Thông tin tỉnh khai quật khu vực Cồn Nhãn và khu phần bia. Với trên 600 m², các nhà khảo cổ học đã thu được 296 hiện vật lớn và hàng ngàn hiện vật gốm, đất nung. Những hiện vật đó có thể chia thành bốn nhóm chính như sau:

- Nhóm vật liệu kiến trúc gồm có: Ngói chiếu, ngói hiên gắn lá đề, ngói bờ trang trí hình rồng phượng, ngói bờ lá dâu, ngói bờ đại bờ, ngói đao gắn lá đề, ngói bờ có gắn con giống và ngói bờ cổ rồng.

- Nhóm tượng tròn trang trí kiến trúc gồm có đầu rồng tả thực, đầu rồng đuôi tôm, đầu chim, phượng

- Nhóm đồ gốm sứ gồm có: Chậu sứ men trắng hoa nâu, bát sứ, đĩa men ngọc và nậm rượu men nâu.

Những năm sau đó Sở văn hóa - Thông tin vẫn tiếp tục nghiên cứu điều tra, thám sát khảo cổ học trên mảnh đất Tam Đường, nơi lăng tẩm các vua Trần - nơi đất phát tích của một dòng họ, một triều đại đã làm vẻ vang lịch sử phong kiến nước nhà. Với khối lượng phế tích kiến trúc và mộ táng rất lớn ở khu vực Tam Đường đã, đang và sẽ là những tài liệu quan trọng để nhận diện khu hành cung Long Hưng - Thái Đường trải qua gần 8 thế kỷ đầy biến động.

Với hệ thống các đền đài, lăng tẩm, hành cung đã đưa chúng ta trở về với Tam Đường - nơi chứa đựng những dấu ấn lịch sử gắn chặt với triều đại nhà Trần. Những chiến công lừng lẫy của ba lần đánh thắng quân xâm lược Nguyên Mông cùng với các cuộc chinh phạt quân chiêm thành phía nam đã làm cho khoa học và nghệ thuật quân sự của triều Trần đạt được những thành tựu vượt bậc. Tam Đường đã thực sự trở thành một khu di chỉ khảo cổ học, là nơi an táng thi hài các hoàng thân quốc thích và các vua của vương triều Trần. Đồng thời đây cũng là nơi diễn ra các sự kiện tiêu biểu khi các vua Trần làm lễ hiến tiếp mừng thắng trận báo công với tổ tiên. Với những phế tích kiến trúc còn lưu lại và những giá trị lịch sử quý báu trên, khu di tích nhà Trần đã được Bộ văn hóa

thông tin xếp hạng là di chỉ khảo cổ học cấp quốc gia ngày 30/10/1990. Trong những năm qua cùng với các dự án tu bổ, tôn tạo, khu di tích thực sự trở thành một điểm đến hấp dẫn không chỉ của các nhà nghiên cứu, nhà văn hóa mà còn là một điểm du lịch có giá trị đặc biệt, là nơi liên quan đến cội nguồn dân tộc hấp dẫn đông đảo du khách trong và ngoài nước tới thăm.

❖ *Từ đường văn thân yêu nước Ngô Quang Bích*

Trong số các danh nhân tiêu biểu của Thái Bình thời cận đại, Ngô Quang Bích là một văn thân yêu nước chống Pháp rất nổi tiếng. Ông quê ở làng Trình Phố, huyện Kiến Xương, nay là xã An Ninh, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo, có tinh thần yêu nước, ông thi đỗ Hoàng giáp và ra làm quan trong hoàn cảnh đất nước đang có nạn ngoại xâm. Qua cuộc sống và hành động thực tiễn cho chúng ta thấy Ngô Quang Bích ảnh hưởng nhiều truyền thống và đạo lý trong sáng của nhân dân lao động trên quê hương đất nước. Làm quan ở nơi nào ông cũng liêm khiết, hết lòng yêu thương nhân dân. Ông làm quan to mà vẫn thanh bạch, nhân dân đương thời coi ông là Phật sống, vua khen là quan thanh liêm. Ông đề cao tư tưởng trung quân ái quốc nhưng khi không còn vị vua yêu nước nữa thì về hình thức ông vẫn nêu “trung quân” song thực chất là trung với nước, với dân. Ông đứng hẳn về phe chủ chiến và kiên quyết kháng chiến chống Pháp đến hơi thở cuối cùng và được coi là một văn thân yêu nước nổi tiếng của đất nước ta vào cuối thế kỷ XIX.

Từ vùng đất Tiên Động (Tiên Lương, Sông Thao, Phú Thọ), trong cuộc kháng chiến chống Pháp lần thứ nhất, là trung tâm kháng chiến của cả vùng thượng du Bắc Kỳ. Hơn 10 năm, từ 1883 khi triều đình nhà Nguyễn ký hàng ước Pa - tơ - nôt bán nước ta cho Pháp đến năm 1893, nhân dân đã đi theo cụ Tuần Bính (Ngô Quang Bích), Đốc Giáp, Đốc Ngữ và hàng chục ông đề, ông lãnh đánh Pháp góp phần viết lên những trang sử vẻ vang của dân tộc.

Tuy bị hạn chế bởi những điều kiện lịch sử, sự nghiệp chống Pháp của Ngô Quang Bích cũng như các văn thân yêu nước đương thời đã thất bại. Song tấm lòng thiết tha yêu quê hương đất nước, ý chí bất khuất của ông và nghĩa quân tiếp nối truyền thống ngoại xâm ngàn đời của dân tộc vẫn sống mãi với

non sông đất nước, nó đã cô vũ mạnh mẽ nhân dân cả nước nói chung, nhân dân Bắc Kỳ nói riêng bền bỉ đứng lên tiếp tục chiến đấu khiến giặc Pháp phải nhiều phen lao đao trên con đường “bình định” Bắc Kỳ.

Ngô Quang Bích không những là lãnh tụ chống Pháp lớn nhất ở Bắc Kỳ mà ông còn là nhà thơ lớn ở thế kỷ XIX, ông đã để lại cho đời hai tác phẩm “Ngư phong thi tập” và “Ngư phong văn tập” nổi tiếng.

Từ đường Ngô Quang Bích trên quê hương Trình Phố làm theo kiểu kiến trúc cổ, đã tu sửa nhiều lần. Đây là địa điểm lịch sử - nơi sinh ra và lớn lên của Thuần trung tướng - Lễ bộ Thượng thư Ngô Quang Bích - một thủ lĩnh xuất sắc của phong trào Cần Vương ở Bắc Kỳ khi Pháp tiến hành xâm lược nước ta. Toàn thể khu di tích bao gồm:

- Từ đường: Kiến trúc kiểu chữ Nhị, tòa bái đường năm gian hồi văn năn đầu gồm sáu vì kèo kiểu chồng đầu hoa sen. Tòa hậu cung ba gian, các vì theo kiểu kèo cầu chửa bang. Giữa hai tòa bái đường và hậu cung là một hiên mái bằng. Mặt tiền của tòa bái đường ba gian giữa cửa ô khung khách, hai gian tả hữu đóng chữ Thọ trở thủng. Sân từ đường lát gạch bát, có hệ thống tắc môn hoành mã, tường hoa bao quanh.

- Cây đa Gò Chài: Là địa điểm gắn liền với cuộc đời ông sau khi đỗ cử nhân năm 1861. Ông cáo quan về nhà cư tang mẹ và mở trường dạy học trong ba năm, nơi ông thường lui tới để ngắm suy thế sự, đón gió ngấm trăng. Tương truyền nơi đây là khởi nguồn hiệu “Ngư Phong” trong bút danh của ông.

- Mộ phần của Ngô Quang Bích: Ngô Quang Bích mất ngày 15 tháng chạp năm Canh Dần (5/1/1891) tại bản doanh nghĩa quân ở núi Tôn Sơn, châu Yên Lập. Khi hết tang (1893), hài cốt của ông được đưa về quê Đê Kiều chôn tạm. Hai năm sau (1895) được đưa về quê đặt cách từ đường 25m. Mộ ông xây hình lục lăng mỗi chiều 1,5m; cao 1m.

Với những đặc điểm nêu trên, “Từ đường văn thân yêu nước Ngô Quang Bích” mang giá trị lịch sử văn hóa to lớn. Di tích đã khắc họa cho ta thấy tiểu sử và sự nghiệp hoạt động cách mạng của danh nhân đồng thời giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống đấu tranh cách mạng ở một vùng quê văn hiến.

Đây thực sự là niềm tự hào của cán bộ, nhân dân huyện Tiền Hải. Ngày nay với sự quan tâm đầu tư của các cấp lãnh đạo, di tích ngày càng trở nên khang trang rộng lớn, thu hút hàng vạn du khách thập phương đến với quê hương vùng biển. Di tích “Từ đường văn thân yêu nước Ngô Quang Bích” đã được Bộ Văn hóa thông tin công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia năm 1986.

2.2.2. Các di sản văn hóa phi vật thể

2.2.2.1. Đánh giá chung

Thái Bình là một tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng với bề dày lịch sử của hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Trong quá trình tồn tại và phát triển, người dân nơi đây đã đoàn kết một lòng cùng nhau lao động để xây dựng quê hương và tạo nên nhiều truyền thống văn hóa tốt đẹp thể hiện tập trung trong các di sản văn hóa phi vật thể Thái Bình.

Di sản văn hóa phi vật thể được biểu hiện trong đời sống của người dân địa phương bao gồm phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian, ngôn ngữ, chữ viết, lễ hội, làng nghề, văn hóa ẩm thực, văn hóa nghệ thuật dân gian... Đây thực sự là nguồn di sản có giá trị cao đối với phát triển du lịch mà nhân dân Thái Bình đang tìm cách giữ gìn và khai thác.

Lễ hội truyền thống là một loại hình văn hóa dân gian tổng hợp vừa độc đáo, vừa phong phú, đa dạng của dân tộc Việt Nam vốn có nguồn gốc phát sinh và phát triển trong lòng lịch sử văn hóa nước nhà. Đây là hình ảnh thu nhỏ của nền văn hóa dân gian cổ truyền dân tộc đồng thời phản ánh đầy đủ và sinh động đời sống văn hóa xã hội. Nhiều yếu tố tinh thần được lễ hội bảo lưu và truyền tụng từ đời này sang đời khác và thực sự trở thành di sản văn hóa vô giá.

Do là tỉnh có nền văn minh lúa nước lâu đời nên Thái Bình có nhiều lễ hội truyền thống phản ánh khá rõ nét con người, truyền thống, phong tục của nền văn minh lúa nước. Điều dễ nhận thấy ở các lễ hội tại Thái Bình là mang ý nghĩa tín ngưỡng tôn giáo đến tinh thần thượng võ gắn liền với các trò chơi truyền thống như chọi gà, chọi cò, múa lân cùng với các cuộc thi và những giải thưởng càng làm cho lễ hội thêm phần hấp dẫn. Lễ hội ở Thái Bình phân bố ở hầu khắp các huyện, thành trong tỉnh. Dưới đây là một số lễ hội truyền thống của tỉnh đã

được duy trì và khai thác phục vụ du lịch.

Bảng 2.1: Một số lễ hội điển hình ở Thái Bình

| STT | Tên lễ hội | Địa điểm | Thời gian tổ chức |
|-----|----------------------|---------------------------|-------------------|
| 1 | Hội chùa Keo | Xã Duy Nhất - Vũ Thư | 04/01 và 13/9 |
| 2 | Hội làng Bồng Diên | Xã Tân Lập - Vũ Thư | 14/02 |
| 3 | Hội đền Đồng Bằng | Xã An Lễ - Quỳnh Phụ | 20/08 |
| 4 | Hội làng Lộng Khê | Xã An Khê - Quỳnh Phụ | 10/03 |
| 5 | Hội đền La Vân | Xã Quỳnh Hồng - Quỳnh Phụ | 20/03 |
| 6 | Hội đền Đồng Xâm | Xã Hồng Thái - Kiến Xương | 01/04 |
| 7 | Hội chùa Am | Xã Vũ Tây - Kiến Xương | 02/09 |
| 8 | Hội đền Tiên La | Xã Đoan Hùng - Hưng Hà | 10/03 |
| 9 | Hội làng Hới | Xã Tân Lễ - Hưng Hà | 06/01 |
| 10 | Hội làng Dương Xá | Xã Tiến Đức - Hưng Hà | 05/01 |
| 11 | Hội làng Quang Lang | Xã Thụy Hải - Thái Thụy | 13/04 |
| 12 | Hội đình An Cố | Xã Thụy An - Thái Thụy | 10/02 |
| 13 | Hội đền Hét | Xã Thái Hưng - Thái Thụy | 08/01 |
| 14 | Hội làng Thượng Liệt | Xã Đông Tân - Đông Hưng | 10/01 |

(Nguồn: *Sở Văn hóa thể thao và du lịch Thái Bình*)

Thái Bình là một tỉnh nằm trong vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, thuộc cái nôi của nền văn hóa Việt Nam. Cùng với bề dày lịch sử của Tổ quốc, mảnh đất lịch sử này cũng có một nền tảng về vốn văn hóa nghệ thuật dân gian hết sức phong phú và đa dạng như: *Rối nước Nguyên Xá (Đông Hưng) - một di sản văn hóa độc đáo, chèo làng Khuốc (Đông Hưng), chèo Sáo Đền (Vũ Thư), ca trù Đồng Xâm (Kiến Xương)*. Tất cả những nguồn di sản của cha ông để lại này đều là những vốn quý giá của Thái Bình trong phát triển kinh tế và du lịch. Vấn đề đặt ra cho thành phố là khai thác, kế thừa và phát triển để giữ gìn, phát huy tác dụng phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.

Mỗi khi nhắc đến Thái Bình người ta không chỉ biết đến tỉnh với vai trò là

vừa lúa lớn của miền Bắc mà còn được biết đến là tỉnh có nhiều làng nghề truyền thống được hình thành và phát triển từ nhiều đời nay. Vượt qua những thăng trầm của lịch sử, kể từ khi thực hiện Nghị quyết 01 của tỉnh ủy về phát triển làng nghề, nghề và làng nghề Thái Bình đã phát triển rất mạnh. Cho đến nay đã có tới 93 làng đạt tiêu chuẩn làng nghề. Thái Bình còn được đánh giá là tỉnh đứng đầu cả nước về làng nghề. Ta có thể kể tới một số địa danh nổi tiếng như: *Làng nghề chạm bạc Đồng Xâm (Kiến Xương), làng dệt đũi Nam Cao (Kiến Xương), làng dệt vải Phương La, làng nghề thêu Minh Lãng (Vũ Thư), làng dệt chiếu Hới (Hưng Hà), làng nghề Nguyễn Xá (Đông Hưng), nghề đan mũ ở xã Tây An (Tiền Hải), làng trồng cây cảnh ở Tân Lập (Vũ Thư), làng nghề bún ở Vũ Hội (Vũ Thư).*

Các sản phẩm từ các làng nghề truyền thống không chỉ để phục vụ cuộc sống hàng ngày mà dưới bàn tay tài hoa của các nghệ nhân đã trở thành sản phẩm mang tính nghệ thuật cao, kích thích sự tò mò, hiếu kỳ của khách du lịch. Nghề và làng nghề Thái Bình sẽ góp phần tích cực vào việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội của tỉnh, góp phần đưa Thái Bình tiến nhanh trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong cuộc sống hàng ngày, ăn uống là một nhu cầu không thể thiếu được của con người. Nhưng ăn uống trong du lịch cũng là một nghệ thuật, nó thể hiện nét đặc sắc riêng của từng vùng miền, được nâng lên mức độ cao và tinh tế hơn là văn hóa ẩm thực. Thương thức ẩm thực không chỉ bằng vị giác mà còn bằng thị giác, khứu giác. Đó là sự cầu kỳ, hấp dẫn trong cách chế biến và việc trình bày món ăn trên bàn tiệc.

Trong quá trình hình thành và phát triển, thiên nhiên, đất đai, sông nước đã ban tặng cho người dân Thái Bình những sản vật quý giá, khá phong phú mang bản sắc độc đáo của địa phương và của vùng đồng bằng Bắc Bộ với nhiều đặc sản ẩm thực, nổi bật là các giống lúa đặc sản như bắc thơm, nếp nổi tiếng ở Tiền Hải, Kiến Xương và các huyện phía Bắc của tỉnh.

Mỗi khi nhắc tới ẩm thực Thái Bình người ta không thể nào quên được món “*Canh cá Quỳnh Côi*” - một món ăn dân dã mang đặc trưng riêng của

người Thái Bình. Cũng vẫn những nguyên liệu ấy nhưng món canh cá Quỳnh Côi lại mang một hương vị riêng mà không một nơi nào có thể có được.

Đến với các huyện ven biển Tiền Hải, Thái Thụy ta có thể thưởng thức một số món ăn mang đậm hương vị biển như: *Gỏi nhệc Diêm Điền, sứa muối*.

Đông Hưng không chỉ biết đến với quê hương của các loại hình nghệ thuật văn hóa dân gian đặc sắc mà nơi đây còn nổi tiếng với một đặc sản đó là “*Bánh Cáy*”- một trong những loại bánh mang hương vị của vùng quê lúa và trở thành “*Đặc sản làng Nguyễn*”.

Ngoài ra Thái Bình còn được biết đến với một số đặc sản khác như: *Ôi Bo (Hoàng Diệu), bánh gai Đại Đồng (Vũ Thư), cốm Thanh Hương (Vũ Thư), xôi cốm xã Doan, mọc mò Thái Thụy, bánh giò Bến Hiệp (Quỳnh Phụ)*.

2.2.2.2. Một số di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu

❖ Lễ hội chùa Keo

- Hội vui xuân:

Hội này vừa có tính chất hội lễ nông nghiệp vừa có tính chất là hội thi tài. Vì thế ngoài việc lễ Phật, hình thức của hội được tổ chức bằng ba trò vui thi tài gắn bó với sinh hoạt của cư dân nông nghiệp vùng sông nước là thi bắt vịt, thi ném pháo và thi nấu cơm.

- Hội tháng chín

Hội mở chính thức trong ba ngày, từ ngày 13 đến 15/9. Sư Không Lộ tịch ngày 3/6 đến 13/9 là tuần bách nhật. Vì thế hội chùa Keo mở từ 13/9 để kỷ niệm 100 ngày mất của sư Không Lộ. Ngày 14/9 lại kỷ niệm ngày sinh của ông. Hội mở thêm ngày 15 là lễ tiết ngày rằm hàng tháng của đạo Phật. Nếu hội vui xuân làng Keo mang tính chất hội lễ nông nghiệp, hội thi tài thì hội tháng 9, ngoài tính chất hội thi tài nó còn mang đậm tính chất hội lịch sử, hội văn nghệ. Ở hội này phần chủ yếu cuộc đời Không Lộ được biểu hiện như một điển xưng lịch sử, nhiều lễ tiết mang màu tôn giáo lại đậm đà sắc thái của những sinh hoạt văn hóa dân gian. Vì thế hội có sức hấp dẫn, cuốn hút mọi lứa tuổi trong nhân dân.

“Dù cho cha đánh mẹ treo

Em không bỏ hội chùa Keo đêm rằm”

Là câu nói vẫn biểu hiện sự đông vui, nô nức của nhân dân mỗi khi đi trải hội chùa Keo. Do ý nghĩa về nội dung của hội và do nhu cầu giải trí không thể thiếu trong đời sống tinh thần của nhân dân, hội chùa Keo được chuẩn bị rất chu đáo: Từ tiết kỵ thánh mồng 3 - 6, tám giáp làng Keo bầu một ông chủ hội. Sau đó làng bầu tám người đại diện của tám giáp để giúp ông chủ hội điều hành mọi việc trong hội. Từ tiết kỵ thánh đến 15 - 8, dân làng chọn ngày để trang hoàng tượng Thánh. Ngày 15 - 8, sau khi tượng thánh được trang hoàng ông chủ hội và tám người đại diện cho các giáp vào lễ phật rồi làm lễ thánh. Từ 15 - 8 đến 10 - 9, chọn ngày tốt, dân làng làm lễ thay áo. Xiêm áo cũ của tượng làm lộc phát cho dân trong các giáp.

Ngày 11- 9, dân làng dựng cây phướn ở sân cỏ trước tam quan ngoại. Cũng trong ngày này những trai tân khỏe mạnh làng Keo kéo nhau đến khoảng sân lát đá trước tam quan ngoại để dự cuộc chọn trai vào kiệu. Kết thúc cuộc tuyển trai này ông chủ hội chọn lấy 12 trai làng khỏe mạnh để rước kiệu, rước nhang án, long đình, thuyền rồng và tiểu đình. Ngày 12/9, 12 trai làng đã được tuyển chọn ngày hôm trước lại dự cuộc kéo kén lần nữa để chọn ra bốn người vào đò chính, tám người vào đò gông. Các buổi chiều từ mùng 10 đến 12/9, tám giáp hạ tám trái bơi tập từ sông con trước cửa chùa ra sông cái.

Sáng 13/9 là ngày đầu hội. Hôm nay kỷ niệm 100 ngày tịch của thiền sư Không Lộ. Mở đầu là một cuộc rước chỉ có nhang án, long đình, thuyền rồng và tiểu đình. Sáng rước ra tam quan ngoại, tối rước vào tòa Thiêu Hương. Chiều ngày 13/9, diện hoạt động của hội chùa Keo mở rộng trên một phạm vi lớn từ khu vực chùa ra tận hai bờ khúc sông Hồng dài khoảng 5 cây số. Sau cuộc rước buổi sáng, người ta nô nức đi xem cuộc đua trái buổi chiều. Trên đoạn sông Trà Lĩnh trước cửa chùa được cắm tám cây tre làm tám tiêu cho tám trái của tám giáp. Khi ba hồi chín tiếng trống cái nổi lên, các trái lần lượt đến đầu để đuôi trái sát tiêu của mình thành một hàng dọc quay dần về phía trái trước cửa chùa. Cũng chiều ngày 13, tại tòa giá roi có cuộc thi thầy đọc. Đây là các thầy cúng có giọng tốt, làm văn hay của các vùng hai bờ hạ lưu sông Hồng đến dự cuộc. Kết thúc cuộc thi, ông chủ hội chọn lấy bốn người xuất sắc xếp loại thứ tự và trao

giải thưởng từ một đến ba quan tiền. Buổi tối ở hội chùa Keo ngày xưa quang cảnh thực là huyền ảo. Tối ngày 13, sau cuộc rước nhang án, long đình, thuyền rồng và tiêu đình về tòa Thiêu Hương có cuộc lễ thánh. Lễ thánh xong còn có hai cuộc thi văn nghệ rất hấp dẫn là thi kèn và thi trống. Khoảng 12h đêm ngày 13 còn có tục lễ gốc cây phước. Người làng Keo thường gọi tục ấy là “long nhan cây phước”. Lễ tuy giản đơn nhưng vẫn phải do ông chủ hội chủ trì.

Sáng 14, hôm nay kỷ niệm ngày sinh của thiền sư Không Lộ. Mở đầu là một cuộc rước kiệu thánh rất linh đình và quy củ. Khoảng 3h sáng, ông chấp hiệu đánh ba hồi chín tiếng trống cái giục những người vào việc rước ăn cơm. Sau đó nửa giờ lại đánh ba hồi ba tiếng trống làm hiệu lệnh đi tắm. Khoảng 4h có một hồi ba tiếng trống cho những người chân kiệu ra bao. Ra bao tức là đóng khô và quấn bao vải nhồi trấu ngang thắt lưng, trông như một chiếc phao bơi nhỏ. 5h sáng lại đánh một hồi trống làm hiệu lệnh thu quân kéo kén tại sân trước cửa chùa. 6h sáng cuộc rước bắt đầu. Người bốn phương đổ về đông nghịt từ hai phía khúc đê gần chùa. Lá cờ hội tung bay phấp phới. Trong chùa, tiếng chuông trống nổi lên, cuộc rước khởi đầu từ tòa thượng điện ra tam quan ngoài. Đến tới lại rước bài vị thánh vào tòa Thiêu Hương. Rước ra rước vào đi theo hình chữ Á khép kín, người ta gọi là “xuất Á nhập Á”.

Chiều 14, ngoài sông vẫn diễn ra cuộc thi chèo trải nhưng trong chùa tại tòa giá roi được tiến hành một nghi lễ châu thánh mang tính văn nghệ. Đó là một điệu múa cô, người làng Keo gọi là múa ếch vồ.

Ngày 15 là lễ thường nguyệt của đạo phật. Mọi nghi thức được tiến hành tương tự như ngày 14. Nhưng hôm nay cuộc lễ thánh của 12 người chân kiệu được tổ chức bằng một lễ chèo trải cạn châu thánh vào ban đêm sau khi đã rước kiệu thánh hoàn cung. Đây cũng là cuộc lễ để kết thúc ba ngày hội chùa Keo.

Nhìn lại tiến trình của hội chùa Keo cho chúng ta thấy nội dung của nó phong phú, hình thức khá đa dạng. Bằng những nghi lễ tôn giáo để kỷ niệm một vị thánh, hội chùa Keo đã phản ánh được nhiều tình tiết của sự tích sư Không Lộ. Thông qua lễ hội đã phần nào cho ta thấy được những giá trị về truyền thống và văn hóa dân gian đặc sắc. Bên cạnh mảng truyền thống dân gian về cuộc đời

không Lộ được lưu truyền trong nhân dân thì những cuộc thi nấu cơm, thi ném pháo, thi bắt vịt là những tập tục lành mạnh đáng được kế thừa và phát triển. Trong những năm qua, việc tôn tạo và phục dựng lễ hội truyền thống ở chùa Keo đã được tiến hành thường xuyên là những việc làm đẹp, thể hiện tinh thần văn hóa cao của Đảng và Nhà nước. Hàng năm, nhân dân trong tỉnh và du khách thập phương đều về tham quan, thưởng ngoạn danh thắng và dự lễ hội đang là một nét sinh hoạt văn hóa mới. Với những giá trị to lớn về mặt tôn giáo tín ngưỡng, lễ hội chùa Keo đang là điểm đến khá hấp dẫn, thú vị của du khách góp phần làm phát triển loại hình du lịch văn hóa - du lịch di sản của tỉnh.

❖ *Lễ hội đèn Đồng Bằng*

Là một trong những hội làng mùa thu có tiếng. Lễ hội đèn Đồng Bằng tỉnh Thái Bình xứng đáng được người dân vùng châu thổ Bắc Bộ truyền đời nhắc với nhau ghi nhớ:

Dù ai buôn xa bán xa
Hai mươi tháng tám giỗ cha thì về
Dù ai buôn bán trăm nghề
Hai mươi tháng tám thì về Đào Thôn

Hội đèn Đồng Bằng mở hàng năm, từ ngày 20 đến ngày 26 tháng 8 âm lịch thu hút hàng vạn người trong tỉnh và khách thập phương về dự. Ngõi đền nằm cạnh một bến sông mang tên là sông Đồng Bằng, đất xưa thuộc thôn Đào Động, tổng Vọng Lỗ, huyện Phụ Phụng (nay là xã An Lễ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình). Tục đua thuyền bơi chải là hoạt động nổi bật trong các ngày hội tại đền Đồng Bằng. Tục đua thuyền đã xuất hiện nhiều thế kỷ gắn với việc quản tụ cư dân ở vùng này. Những truyền thuyết dân gian và một quần thể các di tích lịch sử, cảnh quan văn hóa, địa lý đã hé mở phần nào cho thấy tính chất cổ xưa của tục này.

Dân làng Đào Động thường truyền ngôn rằng: Vào thời Trần, có hai người trong đội quân đánh giặc ở vùng cửa biển, khi giặc tan họ chia tay nhau tại một quán nước làng Nuôi (thuộc phủ Nội, Thanh Miện, Hải Dương). Một người ở lại phủ Nội chiêu dân lập ấp, một người trở về Đào Động mở làng, lập

nên tám trang Đào Động. Sau này dân hai làng kết nghĩa giao chạ với nhau và hàng năm tổ chức đua thuyền vui chạ. Sông Đồng Bằng và sông Nuôi trở thành đường đua truyền thống của hai làng. Bơi trải được tiến hành vào các ngày 22, 23 và 24 tháng 8 âm lịch.

Làng Đào Động có ba trải, mỗi trải gọi là một “tích” do người cai mạn đứng đầu. Cai mạn là người có uy tín, có kỹ thuật bơi cao nhất và tinh thông luật lệ. Trải không cùng một kích cỡ, cụ thể như sau:

- Trải Trung Toán (tích Trung) dài 20 thước.
- Trải Đào Động (tích Đông) dài 25 thước.
- Trải Thượng Thắng (tích Thượng) dài 22 thước.

Tuy vậy chúng lại hoàn toàn giống nhau về cấu tạo, cách bố trí, trang bị. Trên mỗi trải có khoảng 30 người có sức vóc khỏe mạnh, nếu trung bình mỗi người là 60 kg thì trải có sức trở là 1,5 đến 1,8 tấn. Trong tổng số đó gồm một người chấp hiệu (đánh mõ), hai người lái, một người phát cờ, hai người tát nước và 24 trải bơi. Tất cả chuẩn bị xong xuôi, ngày 22 tháng 8 là ngày hạ trải, tiến hành cuộc đua đầu tiên. Cả ba trải Thượng Thắng, Đào Động và Trung Toán đều lần lượt được đưa ra và xếp thành một hàng ngang tại điểm xuất phát. Ba tiếng công nổi lên tại điểm xuất phát vào cuối giờ Ngọ (1h chiều), người ta kiểm tra lại số người, trang bị và bắt đầu xuống trải của “tích mình”. Tới 13h rưỡi, trên bờ có cuộc tế Nhị vị do hội đồng kỳ mục gồm các bô lão và các chức sắc có uy tín tiến hành. Một tràng pháo nổ giòn đánh vừa báo giờ tế, vừa hiệu lệnh xuất phát cuộc bơi. Các trải đồng loạt xuất phát từ đình bơi (nay là chợ Đồng Bằng) các trải sẽ thực hiện một vòng tới thềm Thượng (Đồng Đống) rồi tới thềm Hạ (tức Cổng Đồi và nay còn gọi là cầu Vật) và trở về đình bơi. Cuộc thi sau 3h (đến khoảng 16h rưỡi) thì kết thúc. Trải nào thắng cuộc được trao thưởng một bánh pháo dài 1,2m, một mâm xôi và một thủ lợn do hội đồng kỳ mục trao. Tuy nhiên trong ngày 22 và 23 tháng 8 mới là giải “thăm thể” chỉ do ba trải của Đào Động đua với nhau. Ngày 24 tháng 8 là ngày chính tịch (hóa thân) cuộc đua, ngoài ba trải của Đào Động còn có thêm ba trải của làng Nuôi. Trước tiên ba trải của Đào Động cùng thi bơi lên Nuôi trước mang tính chất mời chạ và chịu sự giám sát

của làng Nuôi. Sau đó trái làng Nuôi bơi xuống Đào Động dự đua. Vẫn đường đua hôm trước nhưng lần này cả sáu trái dàn hàng ngang xuất phát. Trái nào thắng cuộc trong lần này được thưởng từ 20 - 30 vuông lụa điều, một bánh pháo, 10 quan tiền xanh (sau này những năm 30 - 40 của thế kỷ được thay bằng 5 - 10 đồng Đông Dương). Cuộc thi kéo dài đến hết ngày 24 thì kết thúc. Chiều ngày 25 trái bơi lại tập trung làm lễ cất trái, đưa ba trái vào quán trái giữ gìn.

Lễ hội đền Đồng Bằng diễn ra thật đông vui tấp nập với nhiều nghi lễ và những tập tục cổ truyền trong đó lễ hội đã tái diễn cho ta thấy tục đua thuyền ở Đào Động. Đây là một nét sinh hoạt văn hóa dân gian hàm chứa nhiều giá trị truyền thống tốt đẹp: giá trị thể thao, giá trị văn hóa, truyền thống thượng võ và tinh thần cố kết cộng đồng. Hàng năm lễ hội đền Đồng Bằng đã thu hút một lượng lớn khách du lịch đến thăm và nơi đây thực sự là một điểm dừng chân không thể thiếu của du khách mỗi khi đến với Thái Bình.

❖ Làng nghề chạm bạc Đồng Xâm

Nghề chạm bạc bí truyền Đồng Xâm phát triển vào năm 1681 ở tổng Đồng Xâm thuộc xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương. Đời nọ nối tiếp đời kia, như bao nghề khác nghề chạm bạc Đồng Xâm trải qua nhiều bước thăng trầm.

Dưới chế độ phong kiến, việc truyền nghề, dạy nghề của Đồng Xâm rất khắt khe cộng với việc giao lưu hàng hóa hạn chế, thị trường tiêu thụ hẹp do vậy nghề chạm bạc phát triển chậm.

Hòa bình lập lại, từ năm 1954 những người thợ Đồng Xâm đã quy tụ lại, quyết tâm phục hồi nghề truyền thống của làng. Các hợp tác xã được thành lập và sản xuất các mặt hàng gia công của nhà nước như gạt tàn thuốc lá, cây đèn, hộp con giống. Thời gian này hàng chạm bạc Đồng Xâm chủ yếu xuất sang các nước Đông Âu và Liên Xô cũ.

Trong những năm đổi mới, nghề chạm bạc Đồng Xâm phát triển nhanh chóng, đã hình thành hai xã nghề (Hồng Thái và Lê Lợi) và một làng nghề là làng nghề Trà Nam với hơn 2.500 lao động. Người Đồng Xâm khéo tay chỉ với những dụng cụ đơn sơ, bất kể già trẻ gái trai có thể cho ra đời những sản phẩm chạm bạc hết sức tinh tế. Thợ Đồng Xâm hiện nay phần lớn hành nghề ở làng,

hiều gia đình trở nên giàu có. Một số thợ, nhất là thợ trẻ vẫn toả đi khắp nơi, vừa sản xuất vừa dạy nghề. Ở môi trường nào cũng vậy, từ xa xưa đến nay, thợ bạc Đồng Xâm luôn lấy chữ Tín, chữ Tài làm trọng. Họ giữ phẩm chất, lương tâm người thợ và tinh hoa kỹ thuật nghề nghiệp của đất nước quê hương.

Về Đồng Xâm hôm nay, chúng ta như được chứng kiến sự năng động, náo nhiệt của một làng nghề truyền thống. Bằng sự khéo léo tỉ mỉ, những người thợ Đồng Xâm đã cho ra đời những sản phẩm chạm bạc nổi trội và khác hẳn hàng chạm bạc của các nơi khác ở kiểu thức lạ về hình khối, dáng vẻ sản phẩm, ở cách trang trí tinh vi mà cân đối, lộng lẫy nổi rõ chủ đề chính, ở thủ pháp về xử lý sáng - tối nhờ tận dụng đặc tính phản quang của chất liệu bạc. Đặc trưng của sản phẩm Đồng Xâm là sự điêu luyện, tế nhị và hoàn hảo tới mức tối đa. Có thể nói rằng tài năng và tính cẩn trọng của nghệ nhân chạm bạc Đồng Xâm đã và đang có thể đáp ứng được yêu cầu sử dụng của những khách hàng khó tính và am tường nghệ thuật cao. Với những thành tựu như trên, làng nghề chạm bạc Đồng Xâm sẽ còn hứa hẹn nhiều điều mới lạ hơn nữa để đưa làng nghề hội nhập và phát triển.

❖ Làng nghề thêu Minh Lãng

Làng nghề thêu Minh Lãng thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Mặc dù chỉ mới bắt đầu được hình thành ở những năm đầu thế kỷ XX nhưng Minh Lãng đã nổi tiếng trong làng thêu Việt Nam bởi sự năng động, sáng tạo của một làng nghề tương đối trẻ và sự bắt phá đi lên từ khó khăn. Suốt hơn một thế kỷ miệt mài theo nghề thêu, từ những bước đầu sơ khai học nghề tích lũy kinh nghiệm đến nay Minh Lãng đã chinh phục được những tuyệt đỉnh của nghệ thuật thêu tay truyền thống và là một trong những cánh chim đầu đàn trong làng thêu Việt Nam.

Đến với nghề thêu truyền thống, cả xã Minh Lãng thực sự trở thành một xưởng thợ. Ngoài hai hợp tác xã thêu chuyên nghệp với hơn 800 lao động còn có một hợp tác xã nông nghiệp có kiêm cả nghề thêu với trên 1500 lao động. Ngày ấy, nhà ít nhất thì một khung thêu, nhà nhiều thì 2 - 3 khung. Ở Minh Lãng từ nam thanh nữ tú đến thiếu niên và cả những người đã 50 - 60 tuổi đều

thêu. Thời gian như trôi chậm lại để cảm nhận từng đường kim, mũi chỉ miệt mài của dân làng từ sáng đến chiều, quanh năm suốt tháng.

Trong thời kỳ Pháp thuộc, nghề thêu chủ yếu là sản xuất ra các sản phẩm phục vụ nhu cầu của nhân dân trong nước, những năm 1970 đến 1985 nghề thêu Minh Lãng tham gia sản xuất hàng xuất khẩu sang các nước Xã hội chủ nghĩa thuộc Đông Âu và Liên Xô cũ.

Từ năm 1985, do sự đổ vỡ của các nước Xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô nên nghề thêu Minh Lãng bị mất thị trường truyền thống. Không dừng lại ở đó người thợ thêu Minh Lãng vốn chịu khó, thông minh, cần cù nay được hưởng luồng gió mới của cơ chế thị trường nên năng động sáng tạo tìm thị trường mới.

Những năm gần đây, xã Minh Lãng nổi lên như một điểm sáng về sản xuất kinh doanh của thời kỳ đổi mới. Với nỗ lực của chính mình, những người thợ thêu Minh Lãng đã được đền đáp xứng đáng bởi nhiều khách hàng từ châu Âu, châu Á tìm đến ký hợp đồng ngày càng nhiều. Đặc biệt với các khách hàng khó tính như Nhật Bản, Hàn Quốc thì thêu Minh Lãng là một sản phẩm được ưa chuộng bởi tính mỹ thuật cao. Nhìn những sản phẩm Kimono Nhật bản, Hàn phục đường nét thêu cực kỳ tinh xảo mà chỉ riêng tiền gia công của người thợ đã lên đến gần 1000 đô la Mỹ ta mới thấy hết sự khéo léo, sáng tạo của những người thợ thêu Minh Lãng. Có thể nói nghề thêu những năm gần đây phát triển khá mạnh, nhiều cơ sở thêu ở một số huyện trước đây chỉ làm gia công cho các doanh nghiệp thêu ở Minh Lãng nay đã tự vươn ra tìm kiếm thị trường và làm trực tiếp cho các đối tác nước ngoài. Năm 2001 đã sản xuất được 64.638 bộ. Năm 2003 sản phẩm tăng 20% so với năm 2001. Số lao động nghề thêu toàn tỉnh hiện nay khoảng 20.000 người, giá trị gia công năm 2003 đạt 35 tỷ đồng.

Đến với Minh Lãng ngày nay chúng ta không khỏi bất ngờ trước một miền quê nghèo nay đã từng bước thay da đổi thịt. Nghề thêu phát triển đã đem đến cho Minh Lãng sự phồn thịnh và tấp nập trong cuộc sống. Với bàn tay tài hoa, khéo léo những nghệ nhân đã cho ra đời những sản phẩm thủ công độc đáo, mang giá trị nghệ thuật cao. Nghề thêu Minh Lãng đang từng bước hội nhập và

phát triển. Với những điều kiện và định hướng phát triển đất nước chắc chắn nghề thêu Minh Lãng ngày càng có những bước phát triển hơn nữa, đưa Minh Lãng nói riêng và Thành phố Thái Bình nói chung tiến nhanh trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

❖ *Canh cá Quỳnh Côi*

Từ thế kỷ XVII, Canh cá Quỳnh Côi đã được ghi vào sử sách là món ăn dân tộc, dân dã mang hương vị thơm ngon của vùng quê Quỳnh Côi Thái Bình. Từ thuở ông bà Nguyễn Tần, sinh hạ cậu bé Cung (tên Nguyễn Công Trứ thuở nhỏ) món canh cá nơi đây đã lan tỏa hương vị đậm đà đi khắp bốn phương. Ngày ấy Quỳnh Côi là tên huyện, ngày nay chữ Quỳnh Côi chỉ còn là tên của Thị trấn trung tâm huyện Quỳnh Phụ nhưng món canh cá Quỳnh Côi thì đã là món ăn dân tộc, nó theo những cư dân nơi đây đến mọi miền đất nước. Buổi ban đầu cư dân địa phương chỉ làm canh cá với loại cá rô đồng có màu vàng mượt sống ở vùng có đất sét màu đỏ. Vào tháng 3 hàng năm khi bắt đầu có những trận mưa rào đầu mùa thì cá rô sinh sôi nảy nở. Đến tháng 10 lúa trở bông, cá ăn hoa lúa nên rất béo và thơm. Cá rô bắt được sẽ dùng làm canh cá và một phần đem muối để ăn khi mùa lạnh đến.

Ngày nay cá rô tự nhiên không còn nhiều, muốn làm canh cá có thể dùng một số loại cá nuôi khác để thay thế. Trải qua thời gian, tùy theo từng khẩu vị khác nhau, món canh cá Quỳnh Côi có nhiều cách làm khác nhau đôi chút. Nhưng thông thường thì cá dùng làm canh phải còn tươi ngon. Cho cá vào bếp nướng, rán hoặc luộc đến vừa chín tới thì đưa ra khỏi bếp. Sau khi khử sạch vảy, vây và xương thì cắt cá thành miếng hoặc dằm toi. Tới đây ta có thể để nguyên mà làm thành canh hoặc có thể tiếp tục đưa cá vào chảo hấp hoặc rán với gừng cho miếng cá trở nên cứng, có mùi thơm và vị cay nóng của gừng già. Cá sau khi được chế biến như trên được dùng làm canh với bánh đa hoặc cháo, nước dùng và gia vị chanh, ớt, mùi tàu, thì là, rau răm. Theo người dân sở tại, món canh cá dùng với sợi bánh đa là ngon nhất. Sợi bánh đa (nhiều nơi gọi là sợi mỳ gạo) dùng làm canh cá phải được làm từ gạo chiêm mùa trước, sợi phải mỏng, mịn và dai thì bát canh cá mới ngon.

Canh cá thì có lẽ miền quê nào cũng có nhưng “*Canh cá Quỳnh Côi*” lại mang một hương vị đặc trưng riêng của vùng quê lúa. Với những nguyên liệu truyền thống sẵn có, người dân nơi đây đã cho ra đời một đặc sản độc đáo, hấp dẫn. Mỗi khi đến với Thái Bình, du khách dừng chân bên đường và thưởng thức bát canh cá bốc hơi nghi ngút với rau rút vào mùa hè hoặc rau cải cúc vào mùa đông thì quả thực là một nét văn hóa ẩm thực tao nhã, thú vị không dễ gì có được.

❖ ***Bánh Cáy làng Nguyễn***

Từ các sản vật nông nghiệp dễ có đến hàng nghìn loại bánh, kẹo hoặc hơn nữa được làm ra ở các vùng quê Việt Nam. Bánh chưng, bánh dày thì đã trở thành bánh của cả dân tộc. Nhưng cũng có những loại bánh được gắn liền với từng vùng quê nơi sinh ra nó như: Bánh đậu xanh Hải Dương, mè xừng Huế, bánh phu thê, bánh xèo, kẹo dừa, kẹo cu đơ. Bánh cáy cũng là một loại bánh dân dã mà ngoài quê lúa Thái Bình thì chưa thấy ở đâu có. Ngay cả ở trong tỉnh Thái Bình, chỉ “*Bánh Cáy*” được làm bởi những nghệ nhân làng Nguyễn (huyện Đông Hưng) mới là loại ngon nhất và có tiếng nhất.

Từ thành phố Thái Bình theo quốc lộ 10 tới thị trấn Đông Hưng, rẽ trái sang quốc lộ 39, đi một đoạn là tới làng Nguyễn - quê hương của Bánh Cáy. Làng Nguyễn rất nổi tiếng với các sản phẩm của nghề dệt, nghề chế biến thực phẩm song đồ quý tiến vua thì chỉ có bánh Cáy. Các cụ già trong làng kể lại: ngày xưa khi quan đại thần triều đình đi kinh lý vùng châu thổ, khi qua làng Nguyễn được dân dâng lên tiến vua vào mỗi dịp tết đến.

Làm bánh Cáy khá phức tạp. Nguyên liệu chính của bánh Cáy là gạo nếp nhưng các nguyên liệu phụ thì rất nhiều như: gấc, quả hoặc là lá dành dành, lạc, vừng, cà rốt, gừng, vỏ quýt, mỡ lợn.

Gạo nếp làm bánh được chia làm hai phần, một phần đồ xôi với nước quả gấc tạo nên màu hồng thắm; phần còn lại đồ xôi với nước quả dành dành tạo nên màu vàng tươi. Hai loại xôi này đều được giã bằng chày như làm bánh giầy. Sau khi giã nhuyễn đều, cán mỏng, cắt thành lát như mút bí rồi sấy khô. Sấy xong cho vào chảo mỡ lợn đang sôi đảo đều tới khi lát bánh thơm giòn.

Các nguyên liệu phụ như lạc, vừng được rang chín ròn, xát bỏ vỏ. Gạo nếp hoa vàng được rang nổ bông, nở tung, sạch trấu, dậy mùi thơm. Mỡ lợn khâu muối đường hơn nửa tháng, đem ra thái nhỏ như hạt lựu, xào ngọt lấy độ trong, giòn. Cà rốt xào nước đường, nước gừng, vỏ quýt tươi được chuẩn bị đầy đủ.

Cho các nguyên liệu đã chuẩn bị trộn đều với đường mía, hâm nóng trên chảo đến khi đạt tới mùi thơm kỹ thuật thì đưa vào khuôn gỗ được chuẩn bị sẵn có lót vừng bên trong, nhồi nén cho bánh trở nên cứng, sau đó lấy ra cho vào bao bì, ta sẽ được bánh cáy thành phẩm. Bánh không phơi nắng, không sấy qua lửa nhưng để được rất lâu nếu làm đúng kỹ thuật.

Nghe tên bánh Cáy nhiều người ngỡ đây là loại bánh làm từ con cáy biển, nhưng không phải. Bánh Cáy được làm hoàn toàn bằng gạo nếp, lạc, vừng và các gia vị cũng như các loại hoa lá để tạo màu cho bánh. Dân gian có truyền thuyết rằng loại bánh này là do thần cáy biển ban cho. Thuở ấy, cả một vùng phía tây tỉnh Thái Bình vẫn còn là những bãi lầy ven biển, cửa biển Đan Nhài cách không xa làng Nguyễn là mấy. Không biết truyền thuyết kia đúng được bao nhiêu phần nhưng nếu nhìn kỹ lát bánh Cáy, những màu vàng trắng xen lẫn hồng cam cho ta cảm giác nó giống như trứng cáy. Cũng có thể đây là lý do mà loại bánh cổ truyền này có tên là bánh Cáy. Nhưng có lẽ do loại bánh cổ truyền này có vị hơi cay khi ăn nên gọi là bánh cay, rồi dần dần gọi lệch sang thành Bánh Cáy.

Không biết tự bao giờ, bánh Cáy đã trở thành một đặc sản nổi tiếng của Thái Bình. Với các nguyên liệu và cách chế biến công phu, những người dân làng Nguyễn đã cho ra đời một sản phẩm độc đáo hấp dẫn. Nhìn miếng bánh Cáy chúng ta liên tưởng tới món “Trứng Cáy” như tên gọi của địa phương. Khi thưởng thức ta cảm nhận một hương vị khá đặc biệt vừa dai giòn, vừa thơm ngậy. Những hôm thời tiết se lạnh, có đĩa bánh Cáy xắt miếng, ăn nhẩn nha bên ấm trà xanh nóng thì thật tuyệt vời. Cảm giác ngọt bùi đan chen độ dẻo mềm mại người ăn thấy khoan khoái nhẹ nhàng. Vị gừng hơi cay nhưng nóng làm cho người thưởng thức như khỏe ra, tiết trời như ấm lại.

❖ *Rối nước Nguyên Xá*

Múa rối nước là một trong những sản phẩm sáng tạo văn hóa của cư dân lúa nước Đồng bằng sông Hồng. Từ xa xưa, cha ông ta đã sử dụng những con rối bằng gỗ biểu diễn trên mặt nước để phục vụ lễ hội ở các địa phương. Cho đến nay, múa rối nước truyền thống đã có gần một nghìn năm lịch sử (1121), chủ yếu tồn tại và nằm phân tán trong các phường hội dân gian nơi làng quê.

Là một trong những chiếc nôi của múa rối nước Việt Nam, phường rối Nguyên Xá (Thái Bình) đã ra đời vào thời gian đầu khi nghệ thuật múa rối nước phát triển mạnh mẽ ở làng quê. Trong suốt quá trình hoạt động, Nguyên Xá đã đóng góp nhiều công sức cho ngành múa rối chuyên nghiệp. Nhà hát Múa rối Trung ương và Thăng Long đã về tận Nguyên Xá học 15 trò hay nhất của phường để tổ chức thành những chương trình biểu diễn lớn cho khán giả trong nước và du khách nước ngoài xem. Nhiều địa phương như: Hà Tây, Từ Liêm, Đông Anh... cũng cử người đến học nghề Múa rối nước của làng Nguyên Xá. Trong thập kỷ 80, nghệ thuật Múa rối cổ truyền Việt Nam nói chung và Rối nước Nguyên Xá nói riêng có nguy cơ mai một. Chiến tranh đã làm cho những buổi biểu diễn bị hạn chế, nhiều quân rối của Phường Nguyên Xá bị hỏng, mục nát. Hơn nữa, các trò hay, độc đáo đã theo những nghệ nhân cao tuổi mất dần và thất truyền. Các buổi biểu diễn thường không bán vé nên không có kinh phí hoạt động, nhiều nghệ nhân đã bỏ nghề kiếm việc khác hoặc quay về làm ruộng. Cũng giống như các phường rối khác, Nguyên Xá đứng trước sự tan rã. Nhưng lòng say rối nước của những người con đất làng Nguyễn như vẫn gắn kết họ lại với nhau. Tuy không hoạt động thường xuyên, những người trong phường rối vẫn gặp gỡ, gìn giữ cẩn thận quân rối và thỉnh thoảng vẫn mang diễn cùng nhau để không quên nghề. Tưởng đâu tinh hoa văn hóa dân tộc ấy sẽ mai một dần ở nơi làng quê nhỏ bé xa xôi.

Năm 1984, phường Rối Nguyên Xá gồm 5 người lần đầu tiên được “xuất ngoại”, sang Pháp biểu diễn. Chuyến ấy phường chỉ mang đi được 15 trò, nhưng là những trò sinh động, hấp dẫn nhất. Sau chuyến xuất ngoại ấy cả phường rối như được hồi sinh, được thế giới biết đến, trong nước đặc biệt quan tâm sau 30

năm bị quên lãng. Tuy không trực tiếp biểu diễn nhưng những nghệ nhân cao tuổi lại đóng vai trò rất quan trọng trong việc: cố vấn, nghĩ ra nhiều trò hay, sắp xếp những màn biểu diễn sinh động và phong phú. Các trò diễn luôn được nối tiếp với nhau và ít khi xảy ra tình trạng “thời gian chết” trên sân khấu. Các buổi biểu diễn đều sử dụng nhạc cổ, nhạc chèo, hát chèo... Những con rối được điều khiển khi diễn các vai trong vở tuồng sinh động giống hệt con người từ điệu bộ, tiếng quát, lời đối thoại.

Năm 1994, Phường rối Nguyễn Xá đã đoạt bốn huy chương vàng cho các trò: sản xuất, sư chạy đàn, đánh đu, cáo bắt vịt và hai huy chương bạc cho vở Thi cá chép hóa rồng.

Rối nước cỗ truyền làng Nguyễn đã thực sự trở thành một di sản văn hóa độc đáo. Nó chính là sự kết tinh óc sáng tạo, trí thông minh, tài khéo léo của người dân nơi đây qua bao đời tạo nên. Rối nước làng Nguyễn vốn bình dị như hạt lúa, củ khoai, ăn sâu bám chắc vào mảnh đất dân gian, gắn bó chặt chẽ với truyền thống hội hè, đình đám và nó là một nét sinh hoạt văn hóa đặc sắc. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, rối nước Nguyễn Xá vẫn trường tồn với thời gian, cùng sự quan tâm của Đảng, Nhà nước nhằm giữ gìn một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Cùng với sự yêu nghề của những người dân nơi đây, nghệ thuật rối nước sẽ ngày càng phát triển đem lại sự đa dạng phong phú cho kho tàng văn hóa dân gian thái Bình.

❖ *Chiếng chèo làng Khuốc*

Làng Khuốc tên dân gian thường gọi là làng Cổ Khúc, huyện Thần Khê, phủ Tiên Hưng, nay là xã Phong Châu, huyện Đông Hưng, Thái Bình. Làng nằm cách thị trấn Đông Hưng 5km. Người dân nơi đây tự hào vì làng Khuốc là làng văn hiến, từng được triều đình phong kiến ban tặng danh hiệu “Mỹ tục khả phong” và “Thuần phong mỹ tục”. Những danh hiệu này được khắc vào bia đá đặt tại cửa đình làng. Hội làng năm xưa là dịp các gánh chèo trở tài trước dân làng cũng là để thể hiện võ mới để sau đó đi diễn ở các nơi. Vì vậy hội làng cũng là ngày hội chèo. Xem chèo, hát và diễn chèo đã ngấm vào máu của người làng Khuốc:

“Chẳng thèm ăn chả ăn nem

Thèm no cơm tẻ, thèm xem hát chèo”

Các nghệ nhân chèo Khuốc đã sáng tạo đóng góp cho nghệ thuật chèo cả nước hai vở chèo “Từ Thức gặp tiên”, “Phan Trần”. Theo nhà nghiên cứu, nhà giáo ưu tú Hoàng Kiều có 151 làn điệu và ca khúc chèo thì riêng các phường chèo Thái Bình với hai vở chèo trên và trích đoạn “Tuần Ty - Đào Huế” đã có 30 ca khúc và bốn kiểu hát nói, chiếm 1/5 trong tổng số các điệu chèo trong các vở chèo cung đình. Đánh giá về chèo Khuốc, nhạc sỹ, nghệ sỹ Trần Vinh (Nhà hát chèo Trung ương) đã viết: “Nói đến chèo Thái Bình thì phải nói ngay đến chèo Khuốc... chèo Khuốc là tiêu biểu cho dòng chèo Thái Bình”.

Hiện nay tất cả mọi người dân của làng Khuốc ở mọi lứa tuổi già, trẻ đều biết hát chèo. Nhiều gia đình 2 - 3 thế hệ biết hát, diễn chèo; nhiều gia đình cả nhà đều biết hát chèo. Trong số 155 nghệ sỹ chèo là người Thái Bình trong các đoàn chèo cả nước thì riêng làng Khuốc có 50 người.

Mỗi khi nhắc đến Thái Bình, người ta lại nhớ đến đây là quê hương của những làn điệu chèo nổi tiếng và đặc sắc. Thói quen thưởng thức chèo trong ngày vui, ngày hội trở thành một nét đẹp văn hóa của người dân nơi đây làm cho đời sống tinh thần của con người thêm phong phú. Trong quá trình phát triển, cần có sự quan tâm đầu tư để nghệ thuật chèo cổ không bị mai một và trở thành một loại hình nghệ thuật văn hóa dân gian tiêu biểu của Thái Bình.

2.3. THỰC TRẠNG KHAI THÁC DU LỊCH ĐỐI VỚI CÁC DI SẢN VĂN HÓA Ở THÁI BÌNH

Là một vùng đất có bề dày lịch sử, Thái Bình còn lưu giữ được nhiều truyền thống tốt đẹp trong quá trình dựng nước và giữ nước. Các truyền thống tốt đẹp đó được kết tinh trong vốn di sản văn hóa dân tộc và đang được địa phương giữ gìn, phát huy cho đến ngày nay. Công tác phát huy vốn di sản văn hóa dân tộc ở Thái Bình đã được thực hiện ở hai lĩnh vực văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể.

2.3.1. Thực trạng các di sản văn hóa vật thể

Di sản văn hóa vật thể ở Thái Bình chủ yếu là các di tích lịch sử văn hóa

và danh lam thắng cảnh đã được phát hiện trên địa bàn toàn tỉnh. Trong đó có những di tích đã được công nhận bảo vệ và chưa công nhận bảo vệ.

Theo thống kê toàn tỉnh Thái Bình có 2176 thiết chế tín ngưỡng dân gian và tín ngưỡng tôn giáo. Hiện Thái Bình có 455 di tích được xếp hạng trong đó có 364 di tích cấp tỉnh và 91 di tích cấp quốc gia. Các di tích đó bao gồm di tích lịch sử, di tích khảo cổ và di tích kiến trúc nghệ thuật. Nổi bật nhất phải kể đến chùa Keo, đền Tiên La, đền Đồng Bằng, đền Đồng Xâm, chùa Tiên Kỳ Bá và một số di tích khác cũng thu hút khách du lịch thập phương. Những di tích lịch sử tôn tạo, các danh thắng thiên nhiên, cảnh quan nhân văn là những nguồn di sản văn hóa có giá trị phục vụ cho việc phát triển du lịch.

❖ Công tác kiểm kê, phân loại di tích

Công tác kiểm kê, phân loại di tích có vị trí rất quan trọng cho việc giữ gìn và phát huy tác dụng các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đồng thời là cơ sở đầu tiên tạo tiền đề cho các bước công tác khác tiến hành có kết quả cao.

Tính đến hết năm 2010, qua đợt tổng kiểm kê di tích phát hiện ở Thái Bình có tất cả là 2176 di tích các loại, được phân bố ở các huyện thị như sau:

Bảng 2.2: Bảng số lượng và sự phân bố các di tích lịch sử văn hóa ở Thái Bình năm 2010

| STT | Địa danh | Diện tích (km ²) | Tổng số di tích | Số di tích được xếp hạng | Mật độ (Di tích/km ²) |
|---------|--------------|------------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------------------------|
| 1 | TP Thái Bình | 1.542 | 47 | 15 | 0,03 |
| 2 | Quỳnh Phụ | 205,6 | 349 | 69 | 1,69 |
| 3 | Hung Hà | 200,2 | 551 | 65 | 2,75 |
| 4 | Thái Thụy | 270,3 | 260 | 66 | 0,96 |
| 5 | Đông Hưng | 191,8 | 230 | 71 | 1,19 |
| 6 | Vũ Thư | 195,2 | 303 | 62 | 1,55 |
| 7 | Kiến Xương | 199,2 | 265 | 53 | 1,33 |
| 8 | Tiền Hải | 225,9 | 171 | 54 | 0,75 |
| Tổng số | | 3030,2 | 2.176 | 455 | 10,25 |

(Nguồn: Sở Văn hóa thể thao và du lịch Thái Bình)

Qua bảng số liệu trên ta thấy mật độ phân bố di tích của các huyện ở Thái Bình không đều: Đông Hưng là huyện có diện tích nhỏ nhất nhưng mật độ di tích lại tập trung khá nhiều, trong khi đó Thành phố Thái Bình có diện tích rộng nhất nhưng số di tích lại ít hơn tất cả. Những huyện có mật độ di tích dày đặc là Hưng Hà, Vũ Thư, Quỳnh Phụ, Kiến Xương.

Trong tổng số 2176 di tích thì nhiều nhất là đình với số lượng 601, chùa 738, đền miếu 538, văn chỉ 22, lăng mộ 26, từ đường - nhà thờ họ 173, phủ - điện quán 59, nhà lưu niệm 7, địa điểm lịch sử 12. Kết quả kiểm kê di tích đã hệ thống được các di tích phản ánh các vấn đề lịch sử văn hóa như sau:

- Những công trình kiến trúc đó đã phản ánh các sự kiện lịch sử, đời sống kinh tế văn hóa, phong tục tập quán, tín ngưỡng của mỗi làng quê nói riêng và của nhân dân Thái Bình nói chung qua các thời kỳ lịch sử.

- Phản ánh về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng vào những năm đầu công nguyên (40 - 43): Di tích đền Tiên La (xã Đoan Hùng - Hưng Hà), đình Hiệp Lực (xã An Khê - Quỳnh Phụ), đình và đền Bồng Điền (xã Tân Lập - Vũ Thư)...

- Các di tích lịch sử ở Thái Bình phản ánh nhiều nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử dưới vương triều Lý: Miếu và chùa làng Riệp (xã Hòa Tiến - Hưng Hà), Đền Tiến Trật (xã Đô Lương - Đông Hưng).

- Phản ánh về thời đại nhà Trần: Quần thể di tích các di tích lịch sử này tập trung nhiều nhất tại huyện Hưng Hà. Đó là khu lăng tẩm các vua Trần, có hành cung Long Hưng với nhiều điện, đài xưa kia nguy nga tráng lệ. Nơi đây đã diễn ra nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước dưới triều Trần.

- Những di tích lịch sử ở Thái Bình còn phản ánh các cuộc khởi nghĩa nông dân dưới thời Lê - Trịnh: Di tích Từ đường Hoàng Công Chất (xã Nguyên Xá - Vũ Thư), Đền Hạ Đồng (xã Thụy Sơn - Thái Thụy), Đình Phương Xá (xã Đông Phương - Đông Hưng)...

- Phản ánh về cuộc khởi nghĩa của Phan Bá Vành và các thủ lĩnh trong phong trào Cần Vương kháng Pháp: Đình Tổ (xã Tây Giang - Tiền Hải), đình Bình Trật (xã An Bình - Kiến Xương), đền chùa Bách Tính (xã Bách Thuận -

Vũ Thư)...

- Phản ánh về phong trào cách mạng và kháng chiến của nhân dân ta: Di tích Trường Vệ Sĩ (xã Chí Hòa - Hưng Hà), Đình Nho Lâm - Thanh Giám (xã Đông Lâm - Tiền Hải)...

Cũng qua kết quả kiểm kê cho thấy về di tích của Thái Bình nổi lên đặc thù phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức, nhiều về số lượng. Đó là vốn di sản văn hóa lớn mà lịch sử đã để lại cho Thái Bình.

❖ ***Việc lập hồ sơ di tích xếp hạng***

Việc xếp hạng di tích là công tác so sánh, đánh giá mức độ giá trị của các di tích lịch sử văn hóa tạo cơ sở pháp lý có tính nhà nước nhằm tiến hành phát huy tác dụng di tích trong tương lai.

Tính đến hết năm 2010, Thái Bình đã xếp hạng được 455 di tích các loại trên tổng số 2176 di tích đã được kiểm kê.

Bảng 2.3: Biểu mẫu kiểm kê, phân loại các loại hình di tích đã được xếp hạng tính đến hết năm 2010 (Phần Phụ Lục)

Trong số các di tích chưa xếp hạng còn nhiều di tích có giá trị lịch sử văn hóa cần được lập hồ sơ khoa học pháp lý để tiếp tục xếp hạng đáp ứng nhiệm vụ phát huy các di sản văn hóa và yêu cầu của xã hội.

❖ ***Công tác tu sửa di tích***

Từ năm 2008 đến năm 2010, ở huyện Tiền Hải đầu tư khoảng 18,4466 tỷ đồng từ nguồn vốn khác so với tổng mức đầu tư 23,927 tỷ đồng cho trùng tu tôn tạo, tu bổ chi tiết. Ở huyện Kiến Xương là 9,9687 tỷ đồng so với 10,4888 tỷ. Ở huyện Vũ Thư là 7,476 tỷ đồng so với 8,576 tỷ. Ở Thành phố Thái Bình là 9,445 tỷ so với 10,117 tỷ. Ở huyện Thái Thụy là 32,799 tỷ so với 33,990 tỷ. Ở huyện Đông Hưng là 7,735 tỷ so với 10,403 tỷ. Ở huyện Hưng Hà là 12,400 tỷ so với 24,522 tỷ và ở Quỳnh Phụ là 8,008 tỷ so với 11,791 tỷ.

Bảng 2.4: Bảng tổng hợp các di tích trùng tu tôn tạo giai đoạn 2008 - 2010 (Phần Phụ Lục)

Như vậy trong ba năm qua cả tỉnh Thái Bình đã đầu tư cho việc trùng tu, tôn tạo di tích là 133,82 tỷ đồng trong đó chỉ có 13,16 tỷ đồng từ ngân sách nhà

nước trong khi số vốn huy động từ các nguồn khác là 106,3 tỷ đồng.

Ở các địa phương trong tỉnh, ủy ban nhân dân xã và ban quản lý di tích đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động để huy động vốn phục vụ cho việc trùng tu, tôn tạo, tu bổ di tích ở địa phương mình. Ngoài vốn do nhà nước cấp từ ngân sách trung ương hoặc ngân sách của tỉnh, huyện, các địa phương còn huy động được nguồn ngân sách lớn do nhân dân đóng góp, do các tổ chức và cá nhân (chủ yếu là những người có quan hệ họ hàng hoặc người gốc ở địa phương) ở các tỉnh trong nước và từ nước ngoài ủng hộ. Ở nhiều nơi, việc huy động nguồn lực khác còn lớn hơn ngân sách do nhà nước cấp. Điều đó cho thấy mặc dù còn rất nhiều khó khăn song nhân dân Thái Bình rất có ý thức trong việc đầu tư cho bảo tồn và phát huy các giá trị di tích lịch sử văn hóa.

❖ ***Công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa***

Để tăng cường công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đã có chỉ thị phân cấp, giao toàn bộ các di tích lịch sử văn hóa và các di tích kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cho chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã trực tiếp quản lý.

Nhìn chung các di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng đều có Ban quản lý di tích. Việc giữ gìn và phát huy tác dụng di tích đều được phép của các cấp, các ngành liên quan. Các lễ hội diễn ra tốt đẹp góp phần giữ gìn thuần phong mỹ tục, khách trong và ngoài tỉnh đến thăm di tích đều có ấn tượng đẹp. Các nguồn kinh phí đem lại cho di tích hoàn toàn chính đáng và chi phí đúng mục đích. Do có sự đóng góp của các địa phương nên bộ mặt các di tích ngày một thêm khang trang, đẹp đẽ hơn.

2.3.2. Thực trạng các di sản văn hóa phi vật thể

Văn hóa phi vật thể ở Thái Bình phản ánh ở nhiều lĩnh vực nhưng góp phần phục vụ phát triển du lịch thì chủ yếu là các loại hình như lễ hội, văn hóa ẩm thực, làng nghề truyền thống, nghệ thuật văn hóa dân gian.

Việc phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở Thái Bình cũng đã phần nào nhận được sự quan tâm của ban lãnh đạo tỉnh như tổ chức các cuộc hội thảo khoa học về bảo tồn và phát huy vốn di sản văn hóa của tỉnh, Nghị quyết

01/ NQ - TU của Ban thường vụ tỉnh ủy về đầu tư phát triển làng nghề truyền thống, bảo tồn nghệ thuật chèo cổ. Bằng các hội thảo này, ta sẽ phân nào đánh giá đúng thực chất những tiềm năng văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Thái Bình để có biện pháp tăng cường phát huy giá trị hơn nữa.

❖ **Lễ hội**

Lễ hội cũng là một loại tài nguyên nhân văn có sức hấp dẫn và khả năng thu hút khách du lịch cao. Ở mức độ nào đó du khách có thể thấy được, hiểu được phong tục tập quán của nhân dân địa phương. Lễ hội là một loại hình di sản văn hóa đặc sắc phản ánh đời sống của mỗi dân tộc, thường gắn với các di tích lịch sử. Chính vì vậy mà sự phân bố các lễ hội truyền thống ở Thái Bình khá đều về không gian, phổ biến hầu khắp ở 8 huyện, thành trong tỉnh.

Bảng 2.5: Tổng hợp lễ hội truyền thống đang duy trì ở Thái Bình

| Đ.danh Tháng | Hưng Hà | Quỳnh Phụ | Đông Hung | Vũ Thư | Thái Thụy | Kiến Xương | Tiền Hải | Thành Phố | Tổng Số |
|-----------------|------------|--------------|--------------|-----------|--------------|---------------|-------------|--------------|------------|
| 1 | 16 | 5 | 9 | 13 | 6 | 2 | 1 | 2 | 54 |
| 2 | 7 | 2 | 6 | 4 | 2 | 5 | 1 | 1 | 28 |
| 3 | 14 | 6 | 9 | 6 | 2 | 7 | 6 | 1 | 51 |
| 4 | 1 | 1 | 3 | 0 | 3 | 2 | 1 | 0 | 11 |
| 5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 2 |
| 6 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 |
| 7 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 3 |
| 8 | 4 | 9 | 6 | 6 | 7 | 1 | 2 | 1 | 36 |
| 9 | 1 | 0 | 0 | 1 | 2 | 3 | 0 | 0 | 7 |
| 10 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 |
| 11 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 2 |
| 12 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 3 |
| Tổng | 45 | 23 | 34 | 32 | 25 | 22 | 15 | 5 | 201 |

(Nguồn: Bảo tàng Thái Bình)

Cũng như hầu hết các lễ hội ở Việt Nam, hoạt động lễ hội ở Thái Bình chủ yếu diễn ra vào mùa xuân, tập trung từ tháng 1 đến tháng 3 âm lịch và lễ hội chỉ dừng lại ở quy mô làng xã là chính.

Theo kết quả điều tra của Bảo tàng Thái Bình năm 2010 thì toàn tỉnh Thái

Bình có tất cả 201 lễ hội các loại diễn ra hàng năm tại các thôn làng, di tích trên địa bàn toàn tỉnh. Cụ thể như sau:

Bảng 2.6: Bảng thống kê các loại hình lễ hội trên địa bàn tỉnh Thái Bình

| S TT | Địa danh | Tổng Số | Hội Đình | Hội Chùa | Hội Miếu | Hội Đền | Hội làng | Hội Từ | Lễ hội khác |
|---------|--------------|------------|-------------|-------------|-------------|------------|-------------|-----------|----------------|
| 1 | Tp Thái Bình | 5 | 1 | 2 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 |
| 2 | Quỳnh Phụ | 23 | 5 | 0 | 2 | 8 | 7 | 0 | 1 |
| 3 | Hung Hà | 45 | 1 | 2 | 0 | 9 | 32 | 0 | 1 |
| 4 | Thái Thụy | 26 | 7 | 3 | 2 | 10 | 3 | 1 | 0 |
| 5 | Đông Hưng | 34 | 10 | 6 | 3 | 7 | 6 | 0 | 2 |
| 6 | Vũ Thư | 32 | 6 | 15 | 2 | 2 | 5 | 0 | 2 |
| 7 | Kiến Xương | 22 | 8 | 0 | 1 | 5 | 8 | 0 | 0 |
| 8 | Tiền Hải | 14 | 5 | 2 | 1 | 3 | 2 | 0 | 1 |
| Tổng số | | 201 | 44 | 30 | 11 | 45 | 64 | 1 | 7 |

(Nguồn: Bảo tàng Thái Bình)

Qua đây ta có thể thấy rằng ở nơi nào có nhiều di tích thì ở nơi đó tập trung nhiều lễ hội như: Hưng Hà, Đông Hưng, Vũ Thư, Thái Thụy, Quỳnh Phụ. Trong những năm qua, Thái Bình đã mở và duy trì tốt một số lễ hội truyền thống như: Lễ hội chùa Keo, lễ hội đền Đồng Bằng, lễ hội đền Tiên La... Đây thực sự là những điểm du lịch văn hóa tâm linh có sức hút lớn đối với du khách trong và ngoài nước mỗi khi họ đến với mảnh đất Thái Bình.

Trong tổng số các loại hình lễ hội đang duy trì ở Thái Bình thì đã có 12 lễ hội được đưa vào chương trình bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể. Đó là: Hội làng Vọng Lỗ (xã An Vũ - Quỳnh Phụ), hội làng Đông Linh (xã An Bài - Quỳnh Phụ), hội làng An Bài (xã An Bài - Quỳnh Phụ), hội làng Dục Linh (xã An Ninh - Quỳnh Phụ), lễ hội ông Đùng bà Đà (xã Thụy Hải - Thái Thụy), hội rước miếu Hai Thôn (xã Thụy Hải - Thái Thụy), hội chùa Keo (xã Duy Nhất - Vũ Thư), hội Sáo Đền (xã Song An - Vũ Thư), hội làng Bạt Trung (xã Hòa Bình - Kiến Xương), hội làng Đa Cốc (Kiến Xương), hội chùa Tổng Vũ (xã Vũ Chính - Thành phố Thái Bình).

❖ ***Văn hóa nghệ thuật dân gian***

Khi nói đến nghệ thuật văn hóa dân gian ở Thái Bình, người ta đặt tên cho Thái Bình là đất chèo, là quê hương rối nước. Trong lịch sử, hai loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian này là thế mạnh trong đời sống tinh thần của các cộng đồng làng xã ở Thái Bình.

Nhưng hiện nay, vốn nghệ thuật dân gian truyền thống này cũng đã bị mai một dần và không còn được phát triển rộng khắp. Nghệ thuật múa rối chỉ còn thấy trong lễ hội chùa Keo, nghệ thuật hát chèo chỉ còn chiếu chèo làng Khuốc nhưng cũng không được tổ chức thường xuyên. Điều này đòi hỏi sự quan tâm của các sở ban ngành cần có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển hơn nữa để vực dậy và tiếp tục duy trì vốn nghệ thuật văn hóa dân gian của tỉnh.

❖ ***Làng nghề truyền thống***

Nói tới làng nghề truyền thống Thái Bình ta có thể nhắc tới một số làng nghề truyền thống nổi tiếng như: Làng nghề chạm bạc Đồng Xâm, làng dệt chiếu Hới, làng thêu Minh Lãng, làng dệt đũi Nam Cao...Xưa kia những làng nghề này đã nổi tiếng, nhiều sách đã ghi chép. Tuy nhiên hiện nay một số làng nghề này vẫn đang đứng trước những khó khăn thách thức:

Từ năm 2008, nghề mây tre đan xuất khẩu gặp nhiều khó khăn, một số doanh nghiệp chuyển sang móc sợi, làm đệm cói. Nghề thảm len cũng đang có xu hướng thu hẹp thị trường do không cạnh tranh được về giá cả với sản phẩm của Thái Lan, Trung Quốc. Một số hợp tác xã dệt thảm đã chuyển sang nghề khác. Giá trị sản xuất năm 2010 ước đạt 15 tỷ đồng. Nghề dệt khăn, dệt vải, dệt đũi: ngoài các sản phẩm truyền thống, làng nghề còn dệt vải thổ cẩm, vải lụa tiêu thụ tại các tỉnh phía Nam và xuất khẩu sang Lào, Thái Lan, Campuchia. Giai đoạn 2005 - 2007 thị trường dệt đũi sụt giảm 30 - 40% so với những năm trước, nhưng từ cuối năm 2007 trở lại đây nghề dệt đũi đang có chiều hướng phát triển trở lại. Giá trị sản xuất năm 2010 ước đạt 45 tỷ đồng.

Bên cạnh đó vẫn còn một số làng nghề vẫn giữ được tốc độ phát triển ổn định, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng của nhân dân trong và ngoài tỉnh: Nghề chạm bạc ra đời cách đây 600 năm ở Đồng Xâm. Hiện nay chủ yếu phát triển ở các xã

Lê Lợi (Đông Xâm cũ), Hồng Thái, Trà Giang (Kiến Xương), Đông Kinh (Đông Hưng). Từ năm 2005 đến nay nghề chạm bạc phát triển trở lại tương đối tốt, thị trường tiêu thụ đã mở rộng tới các tỉnh: Lào Cai, Sơn La, Lạng Sơn... hướng tới phục vụ khách du lịch. Giá trị sản xuất hàng năm đạt trên 70 tỷ đồng.

Nghề thêu phát triển phong phú ở nhiều địa phương. Toàn tỉnh có 26 doanh nghiệp tham gia tổ chức sản xuất kinh doanh các loại hình sản phẩm này. Giá trị sản xuất hàng năm đạt trên 100 tỷ đồng.

Nghề dệt chiếu cói tập trung ở Hưng Hà, Quỳnh Phụ, Đông Hưng. Mỗi năm sản xuất trung bình 16 triệu lá chiếu các loại, tiêu thụ ở thị trường trong nước và Trung Quốc, Hàn Quốc. Có nhiều doanh nghiệp đưa máy móc vào thay lao động thủ công. Giá trị sản xuất năm 2010 ước đạt 150 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho hàng chục nghìn lao động ở nông thôn.

Để các làng nghề truyền thống được hồi sinh và lưu truyền rộng rãi ở địa phương đồng thời tạo sức hấp dẫn lớn đối với du khách trong và ngoài nước thì các cấp, các ngành mà trực tiếp là ủy ban nhân dân các huyện, thành có làng nghề đã phối hợp chặt chẽ với cư dân các làng nghề để tìm giải pháp phát triển phù hợp với tình hình hiện nay.

2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ DI SẢN

2.4.1. Giá trị lịch sử

Các di sản văn hóa ở Thái Bình rất phong phú và đa dạng, nó đã phần nào cho ta thấy dấu tích của thời kỳ tiền sử. Qua khai quật các di chỉ khảo cổ đã phát hiện được những công cụ sản xuất và vũ khí cùng với những phế tích mộ cổ, khu cư trú cổ. Những di chỉ này nằm trải khắp trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Từ đó có thể khẳng định cách đây 2000 năm, vào cuối thời kỳ đồ đồng, đầu thời kỳ đồ sắt đã có cư dân đến cư trú và tương đối đông tạo nên sự quần tụ của thời kỳ lịch sử văn minh Đông Sơn.

Hệ thống di sản văn hóa vật thể ở Thái Bình góp phần nghiên cứu lịch sử các triều đại Lý, Trần, Nguyễn và Lê Trịnh. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, nhà Trần cũng có nhiều công lao to lớn đó là ba lần đánh thắng quân xâm lược Nguyên - Mông đem lại sự hưng thịnh cho đất nước. Quần thể di tích thời

Trần còn lại ở Hưng Hà và một số địa danh khác chứng tỏ trong suốt thời kỳ giao tranh giữa các triều đại, mảnh đất lịch sử này dường như không có chiến sự lan đến nên các di sản văn hóa mới có điều kiện phát triển mạnh như vậy.

Cũng qua đây ta thấy được chứng tích của một nền kinh tế phát triển và cõi mở. Chỉ có kinh tế phát triển, xã hội yên bình, nhà nước và nhân dân mới có điều kiện xây dựng lên những công trình di sản văn hóa như các đền, chùa, đình, miếu. Sự phát triển của kiến trúc, tượng thờ, các di vật bằng đồng, gốm sứ đã cho thấy sự phát triển của nghề thủ công dưới các triều đại này. Hệ thống tượng Phật trong các di sản văn hóa vật thể rất đông đúc và độc đáo chứng minh sự phục hưng khá mạnh của Phật giáo. Các di sản văn hóa thời Trần, thời Nguyễn và thời Lý ở Thái Bình góp phần đánh giá vị trí và vai trò của các vương triều này trong lịch sử. Ngày nay từ những tư liệu khảo cổ học ở Hưng Hà đã thấy được những đóng góp tiến bộ, đáng kể về văn hóa, kinh tế, xã hội của nhà Trần, chứng tỏ nhà Trần đã đạt được những thành tựu mới trong công cuộc xây dựng đất nước.

2.4.2. Giá trị nhân văn

Trong kho tàng di sản văn hóa ở Thái Bình thì chùa là loại hình chiếm số lượng lớn, dày đặc. Dưới thời Nguyễn, những ngôi chùa nói chung đều có địa vị trong xã hội, Phật điện đông dần lên với tượng tam thế, quan âm, tứ pháp và một số tượng khác. Đó là những Phật điện với các tượng thánh nhân của thế giới siêu nhiên Phật giáo hay các lực lượng thiên nhiên gắn với cuộc sống nông nghiệp được Phật giáo hóa. Tượng Phật phần nhiều mang tư cách phản ánh tư tưởng thời đại, đầy sức sống, tạo nên sự bừng tỉnh đậm tính nhân văn, gần gũi với đời để như qua đó lòng người được hòa quyện với Phật tâm. Những pho tượng, những con người đích thực trong sáng, hồn nhiên, nhân hậu không nét đau thương khắc khoải, đó là sản phẩm của lòng sung kính dân dã theo lối tôn thờ “thế gian trụ trì Phật pháp”.

Bước vào đất chùa, người Phật tử lòng thành gạt bỏ mọi điều xấu xa, nhất tâm kính lễ hồi tưởng về cõi di Đà. Trong lặng im, trước Phật đài, con người dễ xuất thần phiêu diêu về miền thường trụ để rồi mượn khói đèn hương gửi lời cầu

khẩn tự trong tâm lên đáng vô cùng. Con người thường đến chùa cầu mong sức khỏe, may mắn và hạnh phúc.

Chùa Việt cùng với các loại hình di sản văn hóa vật thể khác là sản phẩm văn hóa nổi bật theo bước thăng trầm quá khứ của người Việt. Cũng như nhiều tín ngưỡng tôn giáo khác, với giáo lý cơ bản của nó, đạo Phật luôn đặt một trọng tâm vào việc giáo dục thiện tâm, mọi điều tốt lành cho mọi người. Ở khía cạnh nào đó các loại hình di sản văn hóa đều là một trong những nơi giáo dục về những truyền thống tốt đẹp của con người đó là tình người, là lòng yêu quê hương xứ sở. Qua đó rất nhiều vấn đề thuộc lĩnh vực lịch sử xã hội, ước vọng được biểu hiện cụ thể và sinh động.

2.4.3. Giá trị điêu khắc

Nhiều loại hình điêu khắc trong các di sản văn hóa vật thể ở Thái Bình đều tập trung phổ biến ở các nơi khác, trước hết là chất liệu. Về căn bản, di vật điêu khắc thời Trần, thời Lý, thời Nguyễn ở các di tích là gỗ. Điều đó chứng tỏ loại chất liệu này đã phổ biến ở đây từ lâu. Điêu khắc trong các công trình kiến trúc cũng có nhiều đề tài như: tượng nghệ đồng, thành chạm rồng, mây, hoa lá. Nổi bật nhất là các tượng quan âm, trang trí trên các áo tượng, các bệ tượng có vô số các biến thể rồng nghệ và các đề tài khác như hình mặt trời, mây và các loại hoa lá. Các hình tượng đó được trang trí ở nhiều thành phần kiến trúc như gạch, đá, thành bậc nhưng nhiều nhất vẫn là trên các tượng thờ. Về loại hình điêu khắc chủ yếu đều được chạm nổi rất tinh vi, tinh xảo.

Từ điêu khắc còn lại trong các loại hình di sản văn hóa vật thể ở Thái Bình ta thấy được nét đặc trưng và phong cách nghệ thuật các thời Nguyễn, thời Trần... những nền nghệ thuật giữ vị trí quan trọng trong bước đi của nghệ thuật điêu khắc Việt Nam.

2.4.4. Giá trị thẩm mỹ

Các di sản văn hóa vật thể đã khắc họa cho ta thấy vẻ đẹp thiêng liêng cổ kính và lộng lẫy của các công trình kiến trúc dưới các triều đại. Nhìn chung kiến trúc chùa có cùng các thành phần cơ bản của một ngôi chùa truyền thống, đó là kiến trúc gỗ, kiến trúc tiền đường, hậu cung, thiêu hương, thượng điện được bố

trí theo kiểu nội công ngoại quốc. Nói về các loại hình di sản văn hóa ở Thái Bình thì chất liệu và kiến trúc gỗ vẫn chiếm vai trò chủ đạo và còn giữ được các thành bậc kích thước lớn với lối trang trí cầu kỳ, đẹp mắt như chùa Keo, đền Đồng Bằng... giữa chạm rồng, hai bên chạm mây lá.

Về bố cục thì các công trình đều được bố trí đăng đối hài hòa tạo thành một tổng thể rộng lớn mang vẻ đẹp tráng lệ nhưng vẫn giữ được vẻ đẹp cổ kính nguyên sơ.

Các đề tài, đường nét, kiểu dáng trang trí cũng mang vẻ đẹp duyên dáng lạ thường đó là các đề tài như tứ linh, tứ quý, long - ly - quy - phượng, tùng - cúc - trúc - mai tạo thành một bức trạm trổ huyền ảo nhưng rất hiện thực, dung dị và sống động.

Các di sản văn hóa ở Thái Bình góp phần tìm hiểu giá trị vị trí nghệ thuật của thời Nguyễn, thời Lê trong lịch sử nghệ thuật Việt Nam. Đồng thời các công trình này cũng cung cấp những tư liệu về sự tiếp nối của nghệ thuật Nguyễn với nghệ thuật các triều đại khác.

2.4.5. Giá trị đạo đức, hướng về nguồn cội

Đây là một trong những giá trị cao đẹp được kết tinh trong các di sản văn hoá từ ngàn đời xưa. Đến với các di sản văn hóa vật thể, con người bày tỏ tấm lòng thành kính của mình đối với các vị thành hoàng làng, những anh hùng dân tộc có công với đất nước, những vị tổ nghề đã truyền dạy nghề cho dân làng. Đó là những biểu hiện của tấm lòng biết ơn, của đạo lý uống nước nhớ nguồn đã tồn tại trong lòng lịch sử dân tộc.

Khi kinh tế phát triển, đời sống tinh thần của con người được nâng cao thì nhu cầu hưởng thụ các di sản văn hóa phi vật thể ngày càng nhiều. Vì vậy mà họ đến với các lễ hội ngày một đông hơn, hướng về cội nguồn với niềm tin chân thành, niềm vui dào dạt và niềm hy vọng sâu sắc cho bản thân cũng như cho cộng đồng. Với các hình thức diễn xướng dân gian, lễ hội đã tái hiện lại cuộc đời, chiến tích của các nhân vật lịch sử. Loại hình di sản văn hóa này ẩn chứa một giá trị cao đẹp đó là làm cho ta sống lại truyền thống nhớ về cội nguồn để khẳng định sức mạnh và niềm tự hào dân tộc đồng thời để cổ vũ, nhắc nhở tinh

thần yêu nước và thái độ của nhân dân đối với các bậc tiền nhân đã khai phá, mở đường làm nên những thành tựu lớn lao cho dân tộc.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Toàn bộ chương 2 của bài khóa luận đã nêu lên được các loại hình di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Thái Bình, trên cơ sở đó đã nêu lên thực trạng khai thác du lịch đối với các di sản văn hóa của tỉnh trong thời gian qua. Toàn bộ nội dung trên đã đáp ứng được mục tiêu của chương 2 là nêu lên thực trạng khai thác du lịch để đưa ra những giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả khai thác du lịch đối với các di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Thái Bình sẽ được triển khai trong chương 3.

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ KHAI THÁC DU LỊCH ĐỐI VỚI CÁC DI SẢN VĂN HÓA Ở THÁI BÌNH

3.1. CÔNG TÁC PHÁT HUY CÁC DI SẢN VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH

Một trong những mục đích chính của khách du lịch khi đến Thái Bình nói riêng và Việt Nam nói chung là để tìm hiểu về nền văn hóa, về lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc. Do đó, việc phát huy giá trị của các di tích lịch sử văn hóa, lễ hội, làng nghề truyền thống không chỉ có ý nghĩa giáo dục về giá trị văn hóa đối với những thế hệ trẻ mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động phát triển du lịch. Chính vì vậy, ngành Văn hóa thông tin Thái Bình cần phối hợp với các ban ngành liên quan thực hiện tốt công tác này.

3.1.1. Công tác phát huy các di sản văn hóa phi vật thể

3.1.1.1. Một số vấn đề còn tồn tại

Thực hiện chương trình “Phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể” của Đảng và Nhà nước, Sở Văn hóa thể thao và du lịch Thái Bình đã tiến hành thực hiện nhiều đề tài cấp bộ, cấp tỉnh nhằm mục đích giữ gìn và phát huy vốn di sản văn hóa dân tộc góp phần tích cực trong công cuộc đổi mới, xây dựng Thái Bình ngày càng giàu đẹp, văn minh. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện công tác phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở Thái Bình vẫn còn gặp một số hạn chế như:

- Kinh phí hỗ trợ còn thấp, công tác chỉ đạo chưa chặt chẽ, thiếu lực lượng cán bộ chuyên môn giỏi, nhân dân chưa nhận thức rõ được giá trị của các di sản văn hóa phi vật thể.

- Một số lễ hội ở Thái Bình hiện đang có xu hướng biến đổi theo phong trào mà không dựa trên những giá trị văn hóa lịch sử của chính các lễ hội đó.

+ Các nghi lễ còn hình thức mà chưa thể hiện được hết ý nghĩa tôn giáo tâm linh.

+ Các trò chơi mang tính cờ bạc còn phổ biến và thường nhiều hơn các trò chơi dân gian truyền thống.

- Tại các làng nghề truyền thống ngày nay cũng đang mất dần đi những giá trị vốn có của nó như các nghệ nhân giỏi ngày càng hiếm dần, thiếu thị trường tiêu thụ, thiếu lớp bồi dưỡng đào tạo nghề cho thế hệ trẻ.

3.1.1.2. Một số đề xuất

- Nhà nước cần đầu tư thích đáng về ngân sách, cơ sở vật chất kỹ thuật kết hợp với việc xã hội hóa hoạt động phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở các địa phương.

- Tuyên truyền rộng rãi để mọi người dân hiểu và tự hào về truyền thống văn hóa quý báu của tỉnh để họ có trách nhiệm giữ gìn và phát huy.

- Đối với các lễ hội thì phân nghi lễ cần phải được cải tiến, việc dâng rượu, dâng hương cần phải hạn chế. Phân hội cần loại trừ những trò chơi mang lại hiệu quả xấu như đánh bạc, tổ tôm ăn tiền và thay vào đó là các trò chơi thi tài, giải trí phù hợp để khuyến khích tất cả mọi người tham gia. Các trò đua tài như bơi lội, đấu vật, đua thuyền nên treo giải thưởng để động viên, khích lệ người thắng cuộc vì người ta coi đó là hình thức cầu may mắn cho cả năm. Làm tốt công tác này thì sẽ hạn chế được những tác động tiêu cực, tinh thần hội nờ đó sẽ năng động và có ý nghĩa hơn.

- Có chính sách ưu tiên đối với các nghệ nhân có công giữ gìn, phát huy các truyền thống văn hóa như phong tặng danh hiệu và huy hiệu nghệ nhân dân gian cho các ngành ca, múa, nhạc, danh hiệu nghệ nhân bàn tay vàng cho các nghề thủ công mỹ nghệ nhằm tôn vinh các nghệ nhân nắm giữ vốn di sản văn hóa phi vật thể. Khuyến khích các nghệ nhân truyền dạy lại nghề cho thế hệ trẻ, đồng thời khuyến khích họ sáng tạo những giá trị văn hóa mới trên cơ sở những giá trị văn hóa truyền thống mà họ đang nắm giữ.

3.1.2. Công tác phát huy các di sản văn hóa vật thể

3.1.2.1. Một số vấn đề còn tồn tại

Trong những năm gần đây, việc phát huy tác dụng di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn tỉnh Thái Bình nhìn chung đã đi vào nền nếp, khuôn khổ theo luật định song trong quá trình thực hiện, công tác này vẫn còn gặp phải một số hạn chế như:

- Kinh phí nhà nước hỗ trợ trong công tác phát triển, mở rộng, nâng cấp các di tích còn thấp.

- Nhận thức của nhân dân về giá trị của các di tích chưa đầy đủ nên hiện tượng muốn làm mới, thay mới hơn là giữ gìn và phát huy những giá trị nguyên gốc của di tích còn khá phổ biến.

- Công tác xã hội hóa trong quá trình chống xuống cấp di tích ở một số địa phương còn hạn chế nên chưa huy động được tối đa nguồn nhân lực và vật lực của nhân dân cho công tác này.

- Chưa có cơ chế chính sách cho Ban quản lý di tích các địa phương hoạt động nên ban hoạt động không có hiệu quả.

- Những di tích chưa được xếp hạng thì vấn đề quản lý còn gặp nhiều khó khăn. Trong những trường hợp này, người dân tự quản lý theo phong tục tập quán và những quy định của làng xã và đã ảnh hưởng không nhỏ tới việc giữ gìn và phát huy giá trị lịch sử của nó.

- Đối với những di tích đã được xếp hạng, mặc dù đã phân cấp quản lý nhưng các khâu: quản lý hồ sơ, quản lý đất đai, quản lý cổ vật đôi khi còn buông lỏng dẫn tới tình trạng mất mát hồ sơ, cổ vật, xâm chiếm đất đai ảnh hưởng xấu đến di tích.

- Vấn đề quản lý và khai thác giá trị di tích, danh thắng còn nhiều bất cập, chưa có tiếng nói đồng thuận giữa các ngành, các cấp có liên quan.

Đó là những khó khăn chung mà nhân dân Thái Bình, ngành Văn hóa Thông tin cùng các ban ngành và địa phương cần phải khắc phục.

3.1.2.2. Một số đề xuất

Sở Văn hóa thể thao và du lịch Thái Bình, Ban quản lý di tích tỉnh Thái Bình phối hợp với Phòng Văn hóa Thông tin các huyện, thành phố:

- Có cơ chế chính sách cụ thể hỗ trợ cho Ban quản lý di tích cơ sở để ban hoạt động có trách nhiệm và hiệu quả.

- Tiến hành kiểm tra, nắm tình hình quản lý các di tích đã được Bộ Văn hóa thông tin xếp hạng hoặc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bảo vệ, có báo cáo về Ban quản lý di tích để nắm tình hình.

- Đối với các di tích chưa được công nhận: Phòng văn hóa thông tin phối hợp với Ban quản lý di tích đánh giá, xây dựng kế hoạch cho việc lập hồ sơ khoa học và pháp lý đề nghị nhà nước xếp hạng, hướng dẫn cụ thể ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức nâng cấp theo quy định của Luật di sản văn hóa trong khi chờ nhà nước xếp hạng.

- Hướng dẫn Ban quản lý di tích trồng những cây gỗ quý trong phạm vi đất đai di tích vừa để bảo vệ môi trường sinh thái, vừa làm vật liệu để tu sửa di tích khi cần thiết.

- Nhà nước phải trừng trị nghiêm với khung hình phạt cao những cá nhân hoặc tổ chức buôn bán, trao đổi cổ vật, di vật một cách trái phép.

- Nhà nước cũng nên có cơ chế khen thưởng thích đáng về vật chất cho những cơ sở, đơn vị có công phát hiện, xử lý các vụ vi phạm về việc giữ gìn các di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh.

- Trường hợp di tích bị lấn chiếm, xâm phạm đất đai hoặc tranh chấp quyền sử dụng đất, phòng văn hóa thông tin phải có văn bản báo cáo ngay ủy ban nhân dân huyện, thành phố để có biện pháp giải quyết kịp thời.

3.2. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ KHAI THÁC DU LỊCH ĐỐI VỚI CÁC DI SẢN VĂN HÓA Ở THÁI BÌNH

3.2.1. Những khó khăn trong hoạt động khai thác du lịch đối với các di sản văn hóa ở Thái Bình

Văn hóa trong du lịch hiện đang là mục tiêu mang tính định hướng và là nhận thức toàn diện về nội dung, bản chất của hoạt động du lịch. Các loại hình văn hóa được xác định là những thành tố quan trọng tạo nên sản phẩm du lịch. Văn hóa bao gồm tất cả những giá trị tốt đẹp mà thông qua hoạt động du lịch có thể tạo nên sự phát triển tích cực đối với con người và xã hội. Đó là những giá trị vật chất và tinh thần hay nói cách khác là di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể được khai thác tốt trong hoạt động du lịch. Bởi vậy để có thể khai thác tốt các di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch, ngành du lịch Thái Bình cần phối kết hợp với các ban ngành, địa phương trong tỉnh khắc phục những hạn chế như:

- Công tác tuyên truyền quảng bá du lịch thiếu chiến lược dài hạn, công tác đảm bảo vệ sinh môi trường tại các khu, điểm du lịch còn nhiều bất cập.
- Hiện nay mới có số lượng không lớn các di tích được đưa vào chương trình du lịch nên lượng khách du lịch đến Thái Bình còn ít, chủ yếu tập trung vào mùa lễ hội.
- Nhận thức của các cấp, các ngành còn hạn chế nên chưa có sự quan tâm đúng mức.
- Sản phẩm du lịch còn đơn điệu, việc đầu tư du lịch chưa có tính xã hội hóa cao.
- Lực lượng lao động hoạt động trong lĩnh vực du lịch còn thiếu về cả số lượng và chất lượng.
- Các doanh nghiệp lữ hành còn ít, chưa có doanh nghiệp lữ hành quốc tế, thiếu hướng dẫn viên chuyên nghiệp.
- Cơ sở lưu trú và hệ thống dịch vụ du lịch chất lượng cao chưa có.
- Công tác quy hoạch, phát triển du lịch tại các địa phương triển khai còn chậm.

3.2.2. Một số giải pháp

3.2.2.1. Giải pháp tuyên truyền, quảng bá hình ảnh du lịch văn hóa Thái Bình

Hiện nay, đa số khách du lịch đến Thái Bình còn thiếu thông tin về du lịch địa phương. Các nguồn thông tin chính thức được phát hành không được phong phú và còn nhiều hạn chế. Những thông tin không chính thức qua kinh nghiệm và truyền khẩu của khách hiện nay được đánh giá là những nguồn thông tin quan trọng để khách du lịch biết được và đến với Thái Bình.

Để góp phần đẩy nhanh sự phát triển của ngành du lịch, nâng cao hiệu quả kinh doanh, trong thời gian tới đây phải có đầu tư công tác xúc tiến, tuyên truyền, quảng cáo du lịch để công tác này thực sự trở thành một nội dung hoạt động quan trọng. Khi giới thiệu các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh và các lễ hội truyền thống cùng những nét đẹp văn hóa của quê hương đất nước cần đa dạng các loại hình tuyên truyền, quảng bá du lịch như:

- Dựng biển quảng cáo tầm lớn về du lịch, làm pa nô, áp phích, xuất bản

những ấn phẩm thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, loa phát thanh, các chuyên mục du lịch, các cuộc thi tìm hiểu để mọi người dân đều hiểu rõ tầm quan trọng của ngành du lịch từ đó có ý thức bảo vệ, giữ gìn tài nguyên du lịch một cách bền vững.

- Xây dựng và phát hành rộng rãi các phim, ảnh tư liệu về lịch sử văn hóa, các công trình kiến trúc, di tích, các danh lam thắng cảnh, các làng nghề, lễ hội và cả những cơ hội, khả năng đầu tư phát triển du lịch Thái Bình để giới thiệu với du khách trong và ngoài nước. Những thông tin này là hết sức bổ ích không chỉ đối với du khách có mục đích tìm hiểu những truyền thống văn hóa Thái Bình mà còn cần thiết đối với những nhà đầu tư muốn đến hợp tác ở địa phận tỉnh Thái Bình.

- Phát hành những ấn phẩm có chất lượng và thông tin chính thức về du lịch Thái Bình để giới thiệu với khách du lịch về hình ảnh quê hương và con người Thái Bình, xây dựng một hình ảnh mang tính đặc trưng riêng vốn có của tỉnh trước con mắt du khách để phát triển, cần xây dựng những thông tin cần thiết cho du khách như các điểm lưu trú, hệ thống các điểm tham quan du lịch, các nhà hàng, các điểm vui chơi giải trí, giá cả sinh hoạt, ăn uống, đi lại... và địa chỉ trung tâm thông tin tư vấn cung cấp thông tin cho khách du lịch.

- Ngành du lịch Thái Bình cần tận dụng các cơ hội để tham gia vào các hội nghị, hội thảo, hội chợ du lịch quốc tế để có điều kiện tuyên truyền, tiếp thị những sản phẩm đặc sắc của du lịch địa phương mình.

3.2.2.2. Giải pháp phát triển sản phẩm du lịch văn hóa

Thái Bình là một tỉnh có thể nói là có tiềm năng để phát triển du lịch văn hóa. Nhưng trong những năm qua nguồn tài nguyên này chưa được khai thác triệt để phục vụ cho việc phát triển du lịch cùng với sự đơn điệu của sản phẩm du lịch, điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động du lịch của tỉnh. Do vậy cần có sự nâng cao ý thức cho nhân dân bảo vệ giữ gìn và khai thác nguồn tài nguyên quý giá này, tạo sự hấp dẫn cho du khách trong và ngoài nước. Ta có thể đưa ra một số biện pháp thực hiện sau:

- Tiến hành điều tra, khảo sát, đánh giá một cách có hệ thống, cụ thể về

hiện trạng các sản phẩm du lịch văn hóa của tỉnh, phát hiện bổ sung những tiềm năng còn chưa khai thác.

- Tiến hành khôi phục, nâng cấp và tổ chức chu đáo các lễ hội truyền thống trên địa bàn tỉnh để phục vụ du khách và có chính sách xúc tiến, quảng bá đối với loại sản phẩm này.

- Quy hoạch các làng nghề, tăng cường đầu tư phát triển hơn nữa để tăng sản phẩm du lịch của địa phương và phục vụ khách du lịch đặc biệt là khách du lịch quốc tế.

- Khuyến khích các nhà hàng, khách sạn mở rộng thêm nhiều loại hình dịch vụ để tạo sự đa dạng, hấp dẫn hơn của các sản phẩm du lịch văn hóa trong lĩnh vực này.

- Khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ khách du lịch đặc biệt là các dịch vụ ăn, nghỉ, vui chơi giải trí ở gần các điểm du lịch, chú trọng việc tạo nên sắc thái riêng, kéo dài số ngày lưu trú của khách.

3.2.2.3. Giải pháp về khuyến khích thu hút đầu tư

Thực tế cho thấy muốn phát triển du lịch không chỉ dựa vào nguồn tài nguyên vốn có trừ khi nguồn tài nguyên đó đặc biệt nổi trội, có thể gây sự hiếu kỳ cho du khách. Do vậy, để thúc đẩy du lịch phát triển thì trước hết phải đầu tư xây dựng được các khu, điểm du lịch có đủ sức thu hút du khách đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ đi kèm. Vì vậy nhà nước cần nghiên cứu xây dựng một số cơ chế ưu đãi đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh du lịch đặc biệt là du lịch văn hóa, du lịch lễ hội, du lịch làng nghề.

3.2.2.4. Giải pháp về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Du lịch là một ngành kinh tế đòi hỏi có sự giao tiếp rộng và trực tiếp hơn đối với khách, đòi hỏi trình độ nghiệp vụ, phong cách và thái độ giao tiếp của cán bộ, nhân viên trong ngành đặc biệt là hướng dẫn viên, lễ tân rất cao. Phát triển nguồn nhân lực du lịch là điều kiện tiên quyết đối với phát triển du lịch bền vững.

- Để phát triển nguồn nhân lực trong du lịch, trước tiên phải có chính sách

thu hút nguồn nhân lực trẻ có trình độ chuyên môn về du lịch. Thực hiện một số chính sách ưu đãi, chủ động đề xuất, tuyển dụng những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi vào công tác trong các đơn vị hoạt động du lịch. Đồng thời thực hiện xã hội hóa trong các chương trình đào tạo, đào tạo lại lao động trong các ngành du lịch ở các cấp trình độ khác nhau. Phối hợp với các đơn vị chuyên ngành đào tạo du lịch, mời các giảng viên và các chuyên gia có kinh nghiệm trong ngành du lịch, mở các lớp đào tạo ngắn hạn theo chương trình phục vụ mọi đối tượng du lịch địa phương.

- Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng kiến thức cộng đồng về phát triển du lịch. Từ đó người dân có thể nhận thức được lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài nhằm tăng cường ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa, văn minh du lịch và bảo vệ môi trường cảnh quan, tài nguyên du lịch tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hợp tác trao đổi kinh nghiệm nghiệp vụ thông qua các chuyên công tác, khảo sát và tham gia hội nghị, hội thảo khoa học ở các địa phương trong nước và các nước có ngành du lịch phát triển.

- Kiến nghị tổng cục du lịch, thông qua chương trình hành động quốc gia về du lịch giúp Thái Bình xây dựng và xúc tiến một chương trình đặc biệt nhằm nâng cao hiểu biết về du lịch, về cách ứng xử đối với khách du lịch cho nhân dân trong vùng đặc biệt là ở các khu, điểm du lịch của tỉnh.

Việc thực hiện các giải pháp trên cần được sự chỉ đạo trực tiếp của ban chỉ đạo phát triển du lịch tỉnh Thái Bình, sự ủng hộ của các cán bộ ngành có liên quan ở Trung ương và hợp tác ở các tỉnh bạn.

3.2.2.5. Giải pháp bảo vệ môi trường đảm bảo sự phát triển du lịch bền vững

Đối với bất kỳ ngành kinh tế nào sự phát triển bền vững cũng gắn liền với vấn đề môi trường. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với sự phát triển của ngành du lịch, nơi môi trường được xem là yếu tố sống còn quyết định sự tồn tại của các hoạt động du lịch. Thực trạng môi trường du lịch ở Thái Bình hiện nay mặc dù chưa có những vấn đề nghiêm trọng song từng lúc, từng nơi đã có sự suy thoái và ô nhiễm môi trường gây những tác động tiêu cực đến các hoạt động phát triển du lịch. Chính vì vậy để đảm bảo cho việc ngăn chặn sự suy thoái môi

trường và đảm bảo cho sự phát triển bền vững của du lịch trên quan điểm môi trường cần phải quan tâm đến một số giải pháp như:

- Xây dựng quy hoạch tổng thể đối với du lịch văn hóa trên nguyên tắc đảm bảo sự phát triển bền vững của môi trường sinh thái.

- Đối với các khu, điểm du lịch văn hóa trọng điểm cần thiết phải xây dựng phương án phòng chống sự cố và khắc phục hậu quả để có thể giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường.

- Tổ chức các khóa đào tạo về môi trường du lịch văn hóa cho các cán bộ lao động trong lĩnh vực này với sự tham gia của các giảng viên, các chuyên gia, các nhà khoa học và quản lý môi trường.

- Xây dựng các quy định cụ thể tại từng địa phương và tại các khu, điểm du lịch văn hóa. Mọi hành vi vi phạm pháp luật ảnh hưởng xấu đến môi trường đều phải bị xử lý.

- Ưu tiên các dự án đầu tư cho du lịch văn hóa có các giải pháp cụ thể trong vấn đề giảm thiểu và giải quyết ô nhiễm để gìn giữ môi trường trong sạch, mang lại hiệu quả trực tiếp cho cộng đồng và hiệu quả lâu dài cho toàn xã hội.

- Tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, truyền hình những hiểu biết về lợi ích của việc bảo vệ môi trường đối với sinh hoạt và sức khỏe cộng đồng dần dần được nâng cao trong nhận thức của người dân.

- Trong những điều kiện thuận lợi có thể tổ chức những buổi sinh hoạt, nói chuyện về chuyên đề môi trường đặc biệt ở các vùng nông thôn nơi có các tiềm năng du lịch văn hóa.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Toàn bộ chương 3 đã nêu lên một số vấn đề còn tồn tại trong công tác phát huy các di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Trên cơ sở đó, tác giả đã đưa ra một số giải pháp để tăng cường hiệu quả khai thác du lịch đối với các di sản văn hóa. Hy vọng những giải pháp đó sẽ góp phần nhỏ bé vào việc thúc đẩy hoạt động du lịch Thái Bình phát triển hơn nữa, đưa Thái Bình tiến nhanh trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

KẾT LUẬN

Di sản văn hóa được biểu hiện trong đời sống của người dân hiện nay bao gồm hai lĩnh vực: di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể. Di sản văn hóa vật thể ở đây chủ yếu là các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã và đang được nhà nước đưa vào danh mục xếp hạng giữ gìn và phát huy tác dụng. Di sản văn hóa phi vật thể ở Thái Bình phản ánh ở nhiều lĩnh vực nhưng tiêu biểu vẫn là các lễ hội, các làng nghề truyền thống, đặc sản văn hóa ẩm thực và văn hóa nghệ thuật dân gian. Các di sản văn hóa này đã và đang được các cấp chính quyền, các ngành hữu quan và các tổ chức xã hội cùng nhân dân khai thác, phát triển phục vụ cho việc tham quan du lịch để thu hút sự chú ý, quan tâm của du khách trong và ngoài nước tới Thái Bình nhằm tạo điều kiện cho Thái Bình phát triển hơn nữa, góp phần làm cho Thái Bình giàu đẹp cùng cả nước đi lên trong giai đoạn mới. Đó chính là ý nguyện chung cho tâm tư, tình cảm của mỗi người dân Thái Bình. Ai cũng muốn quê hương Thái Bình giàu đẹp, ai cũng muốn du khách đến thăm Thái Bình nhiều hơn nữa. Mỗi chuyến đi ấy kết quả thu được cho mỗi người nhiều hơn và có ấn tượng, tình cảm tốt đẹp hơn về mảnh đất Thái Bình.

Nhưng muốn du khách đến với Thái Bình nhiều hơn lại phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố trong đó yếu tố phát huy giá trị di sản văn hóa là một yếu tố đóng vai trò quan trọng. Thông qua việc tìm hiểu các di sản văn hóa mọi người sẽ hiểu thêm về mảnh đất và con người Thái Bình. Từ đó du khách sẽ thấy được bản sắc dân tộc ở mảnh đất anh hùng này xem nó giống và khác nhau thế nào so với các vùng đất khác ở Việt Nam và trên thế giới. Nhưng cho đến nay, vấn đề tham quan du lịch ở Thái Bình vẫn còn là vấn đề bức bối. Nguyên nhân dẫn đến vấn đề trên thì có nhiều nhưng nguyên nhân liên quan nhiều nhất là công tác phát huy giá trị di sản văn hóa đối với phát triển du lịch Thái Bình. Trên cơ sở đó, tác giả mạnh dạn nghiên cứu một số di sản văn hóa tiêu biểu của Thái Bình và đưa ra một số giải pháp tăng cường hiệu quả khai thác du lịch đối với các di sản văn hóa của tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Di tích lịch sử văn hóa Thái Bình* (1999), NXB Bảo tàng Thái Bình.
2. Phạm Đức Duật, Bùi Duy Lan (1985), *Chùa Keo*, NXB Sở Văn hóa Thông tin Thái Bình.
3. *Địa chí Thái Bình* (2008), NXB Văn hóa thông tin.
4. *Luật Di sản văn hóa và văn bản hướng dẫn thi hành* (2002), NXB Chính trị Quốc gia.
5. Nguyễn Thanh (2000), *Lễ hội truyền thống ở Thái Bình*, NXB Khoa học xã hội.
6. Trần Đức Thanh (1999), *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Tổng cục du lịch Việt Nam, Trung tâm công nghệ thông tin du lịch (2007), *Non nước Việt Nam*, NXB Hà Nội.
8. Sở Văn hóa thể thao và du lịch Thái Bình, *Báo cáo tổng kết 10 năm phát triển nghệ và làng nghề Thái Bình 2001 - 2010*.
9. GS.TS. Nguyễn Như Ý (chủ biên), *Đại từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn hóa thông tin.
10. GS. Yoo Byeong Kuk (4/2005), *Du lịch văn hóa, quảng bá văn hóa*, *Tạp chí du lịch Việt Nam (Vietnam tourism review)*.

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC DI TÍCH ĐÃ ĐƯỢC XẾP HẠNG Ở THÁI BÌNH**1. THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

| TT | Tên di tích | Địa điểm | Cấp Bộ | Cấp Tỉnh | Loại hình |
|----|--------------------|----------------------|------------|------------|---------------|
| 1 | Chùa Đoan Túc | Phường Tiên Phong | 14/11/1989 | | DTLS |
| 2 | Từ đường họ Tống | Xã Vũ Chính | | 31/08/1995 | DTLS |
| 3 | Chùa Bồ Xuyên | Phường Bồ Xuyên | | 08/03/1996 | DTLS |
| 4 | Đền Quan | Phường Hoàng Diệu | | 25/02/1998 | DTLS |
| 5 | Đình Bo | Phường Kỳ Bá | | 09/10/2002 | DTLS |
| 6 | Đình, chùa Đại Lai | Xã Phú Xuân | | 09/10/2003 | KTNT |
| 7 | Đình Nhân Thanh | Phường Tiên Phong | | 09/10/2003 | DTLS, KTNT |
| 8 | Đình, chùa Tống Vũ | Xã Vũ Chính | | 01/10/2004 | DTLS |
| 9 | Chùa Chành | Xã Vũ Chính | | 09/10/2003 | KTNT |
| 10 | Chùa Phú Lạc | Xã Phú Xuân | | 01/10/2004 | DTLS |
| 11 | Đình Hiệp Trung | Xã Đông Hòa | | 01/10/2004 | DTLS |
| 12 | Đình Lạc Đạo | Phường Trần Lãm | | 05/04/2005 | DTLS |
| 13 | Chùa Sam | Xã Vũ Chính | | 12/10/2005 | DTLS |
| 14 | Miếu Vua Lãm | Xã Đông Hòa | | 12/10/2005 | DTLS |
| 15 | Chùa Ngái | Xã Phú Xuân | | 01/10/2004 | DTLS |

2. HUYỆN ĐÔNG HƯNG

| TT | Tên di tích | Địa điểm | Cấp Bộ | Cấp Tỉnh | Loại hình |
|----|---|--------------|------------|----------|-----------|
| 1 | Miếu Bắc | Xã Đông Sơn | 14/11/1989 | | DTLS |
| 2 | Cụm di tích đình và miếu Hậu Trung, miếu Hậu Thượng | Xã Bạch Đằng | 14/11/1989 | | DTLS |

| | | | | | |
|----|---|----------------|------------|------------|------|
| 3 | Chùa Thiên Quý | Xã Đông Xuân | 14/11/1989 | | KTNT |
| 4 | Chùa Độ | Xã Đông Sơn | 14/11/1989 | | KTNT |
| 5 | Đình Cô Dũng - Đền Nghè | Xã Đông La | 14/11/1989 | | KTNT |
| 6 | Cụm di tích đình, chùa Thượng Liệt | Xã Đông Tân | 14/11/1989 | | KTNT |
| 7 | Đình Lưu | Xã Đông Phương | 30/10/1990 | | KTNT |
| 8 | Từ đường Tiến sỹ Đào Vũ Thường | Xã Đông Quang | 16/12/1993 | | DTLS |
| 9 | Từ đường Phạm Huy Quang | Xã Đông Sơn | 16/12/1993 | | DTLS |
| 10 | Đình Tổng Thô | Xã Đông Mỹ | 16/12/1993 | | KTNT |
| 11 | Đình, chùa, miếu Bình Cách | Xã Đông Xá | 06/12/1993 | | KTNT |
| 12 | Làng kháng chiến Nguyễn Xá và Nghĩa trang liệt sỹ huyện Đông Hưng | Xã Nguyễn Xá | 31/08/1992 | | DTLS |
| 13 | Lăng Thái Bảo | Xã Hồng Việt | 12/07/1999 | | DTLS |
| 14 | Đình Kênh | Xã Đông Xuân | 12/07/1999 | | KTNT |
| 15 | Đền Tiên Trật | Xã Đô Lương | 12/07/1999 | | DTLS |
| 16 | Đình Lịch Động | Xã Đông Các | 10/10/2006 | | DTLS |
| 17 | Đình Phú Xuân | Xã Đông Á | | 31/08/1995 | DTLS |
| 18 | Chùa Tổng Khê | Xã Đông Hoàng | | 31/08/1995 | DTLS |
| 19 | Đình, chùa Hội Châu | Xã Đông Huy | | 08/03/1996 | KTNT |
| 20 | Miếu Hội | Xã Đông Động | | 08/03/1996 | KTNT |
| 21 | Đình Bến Hòa | Xã Đông Động | | 08/03/1996 | KTNT |
| 22 | Miếu Đài Vương | Xã Minh Tân | | 08/03/1996 | DTLS |
| 23 | Miếu Thái Hòa | Xã Đông Hoàng | | 08/03/1996 | DTLS |

| | | | | | |
|----|-----------------------------------|-----------------|--|------------|---------------|
| 24 | Đình Hoành Từ | Xã Đông Cường | | 08/03/1996 | DTLS |
| 25 | Đình An Lễ | Xã Hoa Nam | | 08/03/1996 | DTLS |
| 26 | Đình Phạm | Xã Phú Châu | | 05/1996 | KTNT |
| 27 | Chùa Quán Xá | Xã Hồng Châu | | 05/1996 | DTLS |
| 28 | Chùa Lãm Khê | Xã Đông Kinh | | 05/1996 | DTLS |
| 29 | Đình Thanh Long | Xã Đông Hoàng | | 02/04/1997 | DTLS |
| 30 | Đền, chùa Gia Lễ | Xã Đông Mỹ | | 02/04/1997 | DTLS |
| 31 | Chùa Long Bồi | Xã Đông Hợp | | 02/04/1997 | DTLS |
| 32 | Đình Thôn Đoài | Xã Hồng Việt | | 24/04/1997 | DTLS |
| 33 | Đền Thánh Mẫu | Xã Đông Sơn | | 24/04/1997 | DTLS |
| 34 | Từ đường họ Đặng | Xã Đông Động | | 24/04/1997 | DTLS |
| 35 | Chùa Càn | Xã Đông Dương | | 24/04/1997 | KTNT |
| 36 | Miếu, chùa Duyên Tục | Xã Phú Lương | | 25/02/1998 | KTNT |
| 37 | Đình Bá Thôn | Xã Hồng Việt | | 25/02/1998 | KTNT |
| 38 | Đền, chùa Xuân Thọ | Xã Đông Cường | | 25/02/1998 | DTLS |
| 39 | Đình Hưng Đạo | Xã Đông Quang | | 25/02/1998 | KTNT |
| 40 | Đình Thuận Túy | Xã Đông La | | 25/02/1998 | KTNT |
| 41 | Miếu Giàng | Xã Đông Á | | 09/10/2002 | DTLS |
| 42 | Miếu, chùa Tâm Phương | Xã Đông Á | | 09/10/2002 | DTLS |
| 43 | Đền thờ, lăng mộ Phạm Huy Đĩnh | Xã Chương Dương | | 09/10/2002 | DTLS |
| 44 | Chùa Cả | Xã Mê Linh | | 09/10/2003 | DTLS |
| 45 | Đình Thượng Phú | Xã Đông Phong | | 09/10/2003 | DTLS, KTNT |
| 46 | Đình Cổ Hội | Xã Đông Phong | | 09/10/2003 | KTNT |
| 47 | Đền Sảnh | Xã Liên Giang | | 09/10/2003 | DTLS |
| 48 | Đình Tàu | Xã Đông Sơn | | 09/10/2003 | KTNT |

| | | | | | |
|----|---|-----------------|--|------------|------|
| 49 | Đình Hùng Việt | Xã Đông Hoàng | | 09/10/2003 | DTLS |
| 50 | Chùa Lan | Xã Đông Tân | | 09/10/2003 | DTLS |
| 51 | Đình Sông | Xã Trọng Quan | | 09/10/2003 | KTNT |
| 52 | Đình Nam Thọ | Xã Đông Thọ | | 09/10/2003 | KTNT |
| 53 | Đình Quán | Xã Đông Xuân | | 09/10/2003 | DTLS |
| 54 | Từ đường họ Phạm Đông | Xã Đông Phú | | 09/10/2003 | DTLS |
| 55 | Đình Đông Lang | Xã Đông Vinh | | 01/10/2004 | DTLS |
| 56 | Đình Nha | Xã Đông Xuân | | 01/10/2004 | DTLS |
| 57 | Từ đường tộc Bùi Đặng | Xã Đông Phú | | 05/04/2005 | DTLS |
| 58 | Đình Quốc Tuấn | Xã Đông Phương | | 05/04/2005 | DTLS |
| 59 | Miếu Đạt | Xã Đông La | | 05/04/2005 | DTLS |
| 60 | Từ đường cho họ Bùi Văn | Xã Đông La | | 05/04/2005 | DTLS |
| 61 | Từ đường họ Vũ Gia | Xã Đông La | | 05/04/2005 | DTLS |
| 62 | Đình Long Bồi | Xã Đông Hợp | | 05/04/2005 | DTLS |
| 63 | Đình Phong Lôi | Xã Đông Hợp | | 05/04/2005 | DTLS |
| 64 | Miếu, chùa Phong Lôi | Xã Đông Hợp | | 05/04/2005 | DTLS |
| 65 | Chùa Thổ Khôi | Xã Hợp Tiến | | 12/10/2005 | DTLS |
| 66 | Chùa Quai | Xã Đông Sơn | | 12/10/2005 | DTLS |
| 67 | Chùa Cổ Cốc | Xã Phú Châu | | 12/10/2005 | DTLS |
| 68 | Chùa Bơn | Xã Hồng Châu | | 12/10/2006 | DTLS |
| 69 | Đình Cao Mỗ | Xã Chương Dương | | 17/01/2007 | DTLS |
| 70 | Chùa Đông An | Xã Đông Lĩnh | | 17/01/2007 | DTLS |
| 71 | Từ đường Thượng thư Lương Quy Chính | Xã Hồng Việt | | | DTLS |

3. HUYỆN HÙNG HÀ

| TT | Tên di tích | Địa điểm | Cấp Bộ | Cấp Tỉnh | Loại hình |
|----|--|--------------|------------|------------|-----------|
| 1 | Từ đường Lê Quý Đôn (1726 - 1748) | Xã Độc Lập | 12/12/1986 | | DTLS |
| 2 | Đền Tiên La | Xã Đoan Hùng | 12/12/1986 | | DTLS |
| 3 | Đền Buộm, Đền Rầy và nghĩa trang Tiên Tiến | Xã Tân Tiến | 30/10/1990 | | DTLS |
| 4 | Đền Lưu Xá - Chùa Bảo Quốc | Xã Canh Tân | 30/10/1990 | | DTLS |
| 5 | Lăng tâm các vua Trần | Xã Tiến Đức | 30/10/1990 | | KCH |
| 6 | Đền thờ Phạm Đôn Lễ | Xã Tân Lễ | 30/10/1990 | | DTLS |
| 7 | Đền Quốc Mẫu, lăng và đình thờ Trần Thủ Độ | Xã Liên Hiệp | 16/12/1993 | | DTLS |
| 8 | Đình, miếu, chùa làng Diệc | Xã Tân Hòa | 16/12/1993 | | DTLS |
| 9 | Đình Khả | Xã Duyên Hải | 16/12/1993 | | DTLS |
| 10 | Đình, chùa Hú | Xã Hòa Tiến | 12/07/1999 | | DTLS |
| 11 | Nhà thờ Tiến sỹ Nguyễn Tông Quai | Xã Hòa Tiến | 12/07/1999 | | DTLS |
| 12 | Đình, đền Cô Trai | Xã Hồng Minh | 12/07/1999 | | DTLS |
| 13 | Đình Ngừ | Xã Liên Hiệp | 11/10/2006 | | DTLS |
| 14 | Đình Thọ Phú | Xã Hồng Minh | 11/10/2006 | | DTLS |
| 15 | Đình, chùa Hoàng Nông | Xã Diệp Nông | | 31/08/1995 | DTLS |

| | | | | | |
|----|-----------------------------------|--------------------|--|------------|---------------|
| 16 | Từ đường họ Đinh | Xã Chi Lăng | | 08/03/1996 | DTLS |
| 17 | Đền Vĩnh Truyền | Xã Văn Lang | | 02/04/1997 | DTLS |
| 18 | Đình Phương La | Xã Thái Phương | | 02/04/1997 | KTNT |
| 19 | Đình Cao Tháp | Xã Minh Tân | | 24/04/1997 | KTNT |
| 20 | Cụm di tích Đình Bái, Trung, Đình | Xã Dân Chủ | | 24/04/1997 | KTNT |
| 21 | Đình Thôn Châu | Thị trấn Hưng Nhân | | 24/04/1997 | KTNT |
| 22 | Đình Phụng Công | Xã Minh Tân | | 25/02/1998 | KTNT |
| 23 | Đình Xuân Lôi | Xã Hồng Minh | | 25/02/1998 | KTNT |
| 24 | Đình Me | Xã Tân Hòa | | 25/02/1998 | DTLS |
| 25 | Đình Trang | Xã Văn Lang | | 25/02/1998 | KTNT |
| 26 | Đình Bông Thôn | Xã Hòa Bình | | 25/02/1998 | DTLS |
| 27 | Đình Hòa Hú | Xã Hòa Tiến | | 25/02/1998 | DTLS |
| 28 | Miếu Lộc Thọ | Xã Độc Lập | | 09/10/2002 | DTLS |
| 29 | Đền Trần | Xã Hồng Minh | | 09/10/2002 | DTLS |
| 30 | Đình Kiều Trai | Xã Minh Tân | | 09/10/2002 | DTLS |
| 31 | Đình Bù | Xã Duyên Hải | | 09/10/2002 | DTLS, KTNT |
| 32 | Đình Hà Lang | Xã Dân Chủ | | 09/10/2003 | DTLS |
| 33 | Đình Vũ Thôn | Xã Cộng Hòa | | 09/10/2003 | DTLS |
| 34 | Đền, đình Ngũ | Xã Điệp Nông | | 09/10/2003 | DTLS |
| 35 | Miếu Mậu Lâm | Xã Đông Đô | | 09/10/2003 | DTLS, KTNT |
| 36 | Đền Khánh Lai | Xã Tây Đô | | 09/10/2003 | KTNT |
| 37 | Đình Quán | Xã Duyên Hải | | 09/10/2003 | DTLS |
| 38 | Đình Thượng Ngàn | Xã Văn Lang | | 09/10/2003 | DTLS, KTNT |
| 39 | Đình Tịnh Xuyên | Xã Hồng Minh | | 09/10/2003 | DTLS |
| 40 | Chùa Địa | Xã Hồng An | | 09/10/2003 | DTLS, |

| | | | | | |
|----|------------------------|--------------------|--|--------------------------|------|
| | | | | | KTNT |
| 41 | Đình, miếu Tổng Xuyên | Xã Thái Hưng | | 09/10/2003 | DTLS |
| 42 | Đình, chùa Hợp Đông | Xã Hồng Lĩnh | | 09/10/2003 | KTNT |
| 43 | Đình, chùa Đồng Lâm | Xã Hồng Minh | | 01/10/2004 | KTNT |
| 44 | Đình, chùa Hoành Mỹ | Xã Thống Nhất | | 01/10/2004 | DTLS |
| 45 | Đình Nguộn | Xã Hòa Tiến | | 01/10/2004 | KTNT |
| 46 | Đền Vân Đài | Xã Chí Hòa | | 01/10/2004 | DTLS |
| 47 | Miếu, đền Tứ Xã | Xã Bắc Sơn | | 05/04/2005 | KTNT |
| 48 | Đền Đồng Hàn | Xã Hồng Lĩnh | | 05/04/2005 | DTLS |
| 49 | Từ đường họ Trần Ích | Xã Hồng An | | 05/04/2005 | DTLS |
| 50 | Từ đường họ Nguyễn Văn | Xã Hồng An | | 05/04/2005 | DTLS |
| 51 | Miếu Tân Hà | Xã Tân Lễ | | 05/04/2005 | DTLS |
| 52 | Đình Khổng | Xã Phúc Khánh | | 05/04/2005 | DTLS |
| 53 | Đình, miếu Thôn Sòi | Xã Phúc Khánh | | 05/04/2005 | DTLS |
| 54 | Đình Nhuệ | Xã Chí Hòa | | 05/04/2005 | DTLS |
| 55 | Trường Vị Sỹ | Xã Chí Hòa | | 05/04/2005 | DTLS |
| 56 | Đình, đền Thanh Lãng | Xã Minh Hòa | | 05/04/2005 | KTNT |
| 57 | Đình Duyên Lãng | Xã Minh Hòa | | 05/04/2005 | KTNT |
| 58 | Đền Vua Lê | Xã Chi Lãng | | 05/04/2005 | DTLS |
| 59 | Đình Thượng Đông | Xã Điệp Nông | | 05/04/2005 | DTLS |
| 60 | Đình, chùa Xuân Trúc | Thị trấn Hưng Nhân | | 05/04/2005 (Đổi bằng) | DTLS |

| | | | | | |
|----|--------------------------------|--------------|--|------------|------|
| 61 | Chùa Phụng Công | Xã Minh Tân | | 12/10/2005 | DTKH |
| 62 | Đình, chùa, phủ Triều Quyển | Xã Hòa Tiến | | 12/10/2005 | KTNT |
| 63 | Đình Hiệu Vũ | Xã Cộng Hòa | | 12/10/2005 | KTNT |
| 64 | Chùa Nhân Phú | Xã Hùng Dũng | | 17/01/2007 | KTNT |
| 65 | Đình Thượng Lãng | Xã Minh Hòa | | 05/04/2005 | DTLS |

4. HUYỆN KIẾN XƯƠNG

| TT | Tên di tích | Địa điểm | Cấp Bộ | Cấp Tỉnh | Loại hình |
|----|---|----------------|------------|------------|---------------|
| 1 | Nhà lưu niệm Nguyễn Mậu Kiến | Xã Vũ Trung | 21/01/1989 | | DTLS |
| 2 | Đình Lai Vi | Xã Quang Minh | 14/11/1989 | | DTLS, KTNT |
| 3 | Đền Cả, đền Mộ Đạo | Xã Vũ Bình | 30/10/1990 | | |
| 4 | Nhà thờ 4 quận công và văn thân Nguyễn Năng Thố | Xã Vũ Quý | 30/10/1990 | | DTLS |
| 5 | Đình Thượng Phúc | Xã Quang Trung | 30/10/1990 | | DTLS, KTNT |
| 6 | Cụm di tích đình Luật Nội, đình Luật Ngoại | Xã Quang Lịch | 30/10/1990 | | DTLS, KTNT |
| 7 | Đền Đồng Sâm | Xã Hồng Thái | 30/10/1990 | | KTNT |
| 8 | Cơ sở xứ ủy Bắc Kỳ | Xã Đình Phùng | 16/12/1993 | | DTLS |
| 9 | Chùa Lãng Đông | Xã Trà Giang | 06/12/1993 | | DTLS |
| 10 | Đình Cả | Xã An Bình | 16/12/1993 | | KTNT |
| 11 | Đền Tổ | Xã Hồng Thái | 30/10/1990 | | DTLS |
| 12 | Đình Nguyên Kinh | Xã Minh Hưng | | 31/08/1996 | DTLS |

| | | | | | |
|----|------------------------------|----------------|--|------------|------|
| 13 | Chùa Thượng Cầm | Xã Vũ Lạc | | 31/08/1995 | KTNT |
| 14 | Đình Lập Ấp | Xã Bình Thanh | | 05/1996 | KTNT |
| 15 | Đình Thụy Lũng | Xã Quốc Tuấn | | 02/04/1997 | DTLS |
| 16 | Từ đường họ Phạm | Xã Đình Phùng | | 02/04/1997 | DTLS |
| 17 | Từ đường họ Phạm | Xã Vũ Hòa | | 02/04/1997 | DTLS |
| 18 | Đình Trà Xương Đông | Xã Quang Trung | | 02/04/1997 | KTNT |
| 19 | Đình An Cơ | Xã Thanh Tân | | 24/04/1997 | KTNT |
| 20 | Đình, chùa Lai Thanh | Xã Quang Minh | | 24/04/1997 | DTLS |
| 21 | Đền Đông, đền và chùa Nam | Xã Minh Tân | | 24/04/1997 | DTLS |
| 22 | Từ đường họ Bùi Xuân | Xã Minh Tân | | 24/04/1997 | DTLS |
| 23 | Đình Lai Trì, chùa Am | Xã Vũ Tây | | 25/02/1998 | KTNT |
| 24 | Từ đường họ Nguyễn Phúc | Xã Hòa Bình | | 25/02/1998 | DTLS |
| 25 | Đình, chùa Phú Mỹ | Xã Bình Minh | | 25/02/1998 | DTLS |
| 26 | Đền Vua Rộc | Xã Vũ An | | 09/10/2002 | KTNT |
| 27 | Chùa Phúc Lâm | Xã Vũ Lễ | | 09/10/2002 | KTNT |
| 28 | Chùa Tây Phúc | Xã Lê Lợi | | 09/10/2002 | DTLS |
| 29 | Từ đường Phạm Văn Đễ | Xã Minh Tân | | 09/10/2003 | DTLS |
| 30 | Đền Bạt Trung Ngoại | Xã Hòa Bình | | 09/10/2003 | KTNT |
| 31 | Đình, chùa Thái Công | Xã Vũ Công | | 09/10/2003 | DTLS |
| 32 | Đình Sơn Tĩnh | Xã Bình Định | | 09/10/2003 | DTLS |

| | | | | | |
|----|----------------------------|-------------------|--|------------|------|
| 33 | Đình Ngái | Xã Quang Bình | | 09/10/2003 | DTLS |
| 34 | Đền Đông Thổ | Xã Lê Lợi | | 09/10/2003 | DTLS |
| 35 | Từ đường Trần Ngọc Dư | Xã An Bồi | | 01/10/2004 | DTLS |
| 36 | Từ đường họ Hoàng | Xã Bình Định | | 01/10/2004 | DTLS |
| 37 | Từ đường họ Trần | Xã Minh Hưng | | 01/10/2004 | DTLS |
| 38 | Chùa Thanh Quang | Xã Quyết Tiến | | 01/10/2004 | DTLS |
| 39 | Chùa Hạnh Cù | Xã Vũ Quý | | 05/04/2005 | DTLS |
| 40 | Đình Cao Mại Nhân | Xã Quang Hưng | | 05/04/2005 | DTLS |
| 41 | Đình Thái Cao | Xã Nam Bình | | 05/04/2005 | KTNT |
| 42 | Từ đường họ Lại | Xã Vũ Ninh | | 05/04/2005 | DTLS |
| 43 | Đình, chùa Cao Mại Đòai | Xã Quang Trung | | 05/04/2005 | DTLS |
| 44 | Đình Đa Cốc | Xã Nam Bình | | 05/04/2005 | DTLS |
| 45 | Đình Hữu Tiệm | Xã Quang Hưng | | 05/04/2005 | DTLS |
| 46 | Đình Thượng Hiền | Xã Nam Bình | | 05/04/2005 | DTLS |
| 47 | Miếu Nguyệt Giám | Xã Minh Tân | | 05/04/2005 | DTLS |
| 48 | Đình Đông Trì | Xã Vũ Đông | | 05/04/2005 | DTLS |
| 49 | Chùa Lai Vy | Xã Quang Minh | | 12/10/2005 | DTLS |
| 50 | Đình Đông | Xã Thượng Hiền | | 12/10/2005 | KTNT |
| 51 | Đền Đắc Chúng | Xã Quốc Tuấn | | 12/10/2005 | DTLS |
| 52 | Từ đường Trương Đăng Quỳ | Thị trấn Thanh Nê | | 26/05/1996 | DTLS |
| 53 | Đình, chùa Dương Liễu Trại | Xã Bình Định | | 10/10/2002 | KTNT |

5. HUYỆN QUỲNH PHỤ

| TT | Tên di tích | Địa điểm | Cấp Bộ | Cấp Tỉnh | Loại hình |
|----|-------------------------------------|-----------------|------------|------------|-----------|
| 1 | Đền Đồng Bằng | Xã An Lễ | 12/12/1989 | | KTNT |
| 2 | Miếu Hòe Thị | Xã Đồng Tiến | 21/01/1989 | | DTLS |
| 3 | Đình - đền - chùa La Vân, chùa Công | Xã Quỳnh Hồng | 21/04/1989 | | KTNT |
| 4 | Đình Đông Linh | Xã An Bài | 30/10/1990 | | KTNT |
| 5 | Đền Lộng Khê | Xã An Khê | 30/10/1990 | | KTNT |
| 6 | Đền Năm Thôn | Xã Quỳnh Sơn | 30/10/1990 | | DTLS |
| 7 | Đền Ngọc Quế | Xã Quỳnh Hoa | 30/10/1990 | | DTLS |
| 8 | Đền Hồng Phong | Xã An Tràng | 16/12/1993 | | DTLS |
| 9 | Đình Hiệp Lực | Xã An Khê | 30/10/1990 | | DTLS |
| 10 | Miếu Rọc | Xã An Dục | 11/10/2006 | | DTLS |
| 11 | Đình Nam Đài | Xã Quỳnh Bảo | | 31/08/1995 | KTNT |
| 12 | Đình Cầu Xá | Xã Quỳnh Hải | | 31/08/1995 | KTNT |
| 13 | Chùa Phương Cả | Xã Quỳnh Nguyên | | 31/08/1995 | DTLS |
| 14 | Miếu Miếu Go | Xã An Vũ | | 31/08/1995 | DTLS |
| 15 | Đình Ngọc Chi | Xã Quỳnh Bảo | | 23/07/1996 | DTLS |
| 16 | Đình Hải An | Xã Quỳnh Nguyên | | 08/03/1996 | DTLS |
| 17 | Chùa Am Qua | Xã An Đông | | 08/03/1996 | DTLS |
| 18 | Miếu Cổ Đăng | Xã Đồng Tiến | | 08/03/1996 | DTLS |
| 19 | Đình Vược | Xã An Hiệp | | 05/2006 | KTNT |
| 20 | Đình, đền Vũ Hạ | Xã An Vũ | | 05/2006 | KTNT |
| 21 | Đình Sồ | Xã Quỳnh Thọ | | 05/2006 | DTLS |
| 22 | Đình Bương Thượng | Xã Quỳnh Ngọc | | 02/04/1997 | DTLS |
| 23 | Đình Bương Tạ | Xã Quỳnh Ngọc | | 02/04/1997 | DTLS |
| 24 | Miếu Hoàng Bà | Xã Quỳnh Hoa | | 02/04/1997 | KTNT |
| 25 | Chùa Địa Đồ | Xã Quỳnh Lâm | | 02/04/1997 | DTLS |

| | | | | | |
|----|------------------------------|-----------------|--|------------|------|
| 26 | Đình, miếu Hoàng Xá | Xã Quỳnh Châu | | 24/04/1997 | DTLS |
| 27 | Chùa Mai Trạng | Xã An Quý | | 24/04/1997 | DTLS |
| 28 | Chùa Cô Tuyết | Xã An Vinh | | 24/04/1997 | KTNT |
| 29 | Đình Trình Uyên | Xã Quỳnh Nguyên | | 24/04/1997 | DTLS |
| 30 | Chùa Tràng Lũ | Xã An Tràng | | 24/04/1997 | DTLS |
| 31 | Chùa Phụng Công | Xã Quỳnh Hội | | 24/04/1997 | DTLS |
| 32 | Chùa Tài Giá | Xã Quỳnh Hưng | | 24/04/1997 | DTLS |
| 33 | Chùa Lộng Khê | Xã An Khê | | 25/02/1998 | DTLS |
| 34 | Đình Tô Hải | Xã An Mỹ | | 25/02/1998 | DTLS |
| 35 | Miếu, chùa Mỹ Xá | Xã Quỳnh Châu | | 25/02/1998 | DTLS |
| 36 | Đình Vũ Xá | Xã An Đông | | 09/10/2002 | DTLS |
| 37 | Đình, chùa Cẩn Du | Xã Quỳnh Sơn | | 09/10/2002 | DTLS |
| 38 | Đình An Ký | Xã Quỳnh Minh | | 09/10/2002 | KTNT |
| 39 | Đình Sài | Xã An Quý | | 09/10/2002 | KTNT |
| 40 | Miếu Phong Xá | Xã An Bài | | 09/10/2002 | KTNT |
| 41 | Đình Đồng Châu | Xã Quỳnh Ngọc | | 09/10/2002 | KTNT |
| 42 | Đình, đền A Sào Và Bền Tượng | Xã An Thái | | 09/10/2003 | DTLS |
| 43 | Đình, miếu Vạn Niên | Xã Quỳnh Hoàng | | 09/10/2003 | KTNT |
| 44 | Đền Giành | Xã An Ninh | | 09/10/2003 | DTLS |
| 45 | Đền Bà Chúa | Xã An Ấp | | 09/10/2003 | DTLS |
| 46 | Đình Đà Thôn | Xã Quỳnh Khê | | 09/10/2003 | DTLS |
| 47 | Chùa Đồn Xá | Xã Quỳnh Hồng | | 09/10/2003 | KTNT |
| 48 | Đình Vạn Phúc | Xã An Ninh | | 09/10/2003 | KTNT |
| 49 | Lăng Hưng Nghĩa Hầu | Xã An Mỹ | | 09/10/2003 | DTLS |
| 50 | Đình Lương Mỹ | Xã Quỳnh Hội | | 01/10/2004 | KTNT |

| | | | | | |
|----|------------------------------|----------------|--|------------|------|
| 51 | Đình, miếu Cổ Tuyết | Xã An Vinh | | 01/10/2004 | DTLS |
| 52 | Đình Chung Linh | Xã Quỳnh Khê | | 01/10/2004 | DTLS |
| 53 | Đình Lý Xá | Xã An Bài | | 01/10/2004 | DTLS |
| 54 | Đền Đồng Tâm | Xã An Đông | | 01/10/2004 | DTLS |
| 55 | Từ đường họ Phạm | Xã An Vũ | | 01/10/2004 | DTLS |
| 56 | Đền Quận Công | Xã Quỳnh Hội | | 05/04/2005 | DTLS |
| 57 | Đình Bồ Trang | Xã Quỳnh Hoa | | 05/04/2005 | DTLS |
| 58 | Miếu Ngọc | Xã Quỳnh Hồng | | 05/04/2005 | DTLS |
| 59 | Đền Bình Ngọc | Xã Quỳnh Hồng | | 05/04/2005 | DTLS |
| 60 | Đình, chùa Sơn Đông | Xã Quỳnh Giao | | 05/04/2005 | DTLS |
| 61 | Đình An Bài | Xã An Bài | | 05/04/2005 | DTLS |
| 62 | Đình, miếu thôn Vang Đông | Xã An Thanh | | 05/04/2005 | DTLS |
| 63 | Đình Vĩnh Phúc | Xã Quỳnh Trang | | 05/04/2005 | DTLS |
| 64 | Đình, chùa Khả Lang | Xã Quỳnh Châu | | 05/04/2005 | DTLS |
| 65 | Đình Kỹ Trang | Xã Quỳnh Khê | | 05/04/2005 | DTLS |
| 66 | Từ đường họ Nguyễn Quốc | Xã An Đông | | 05/04/2005 | DTLS |
| 67 | Đình Đông Trụ | Xã Quỳnh Minh | | 12/10/2005 | DTLS |
| 68 | Đình Mỹ Giá | Xã Quỳnh Hưng | | 12/10/2005 | DTLS |
| 69 | Miếu Kiến Quan | Xã An Ninh | | 12/10/2005 | DTLS |

6. HUYỆN THÁI THỤY

| TT | Tên di tích | Địa điểm | Cấp Bộ | Cấp Tỉnh | Loại hình |
|----|-------------------|--------------------|------------|----------|-----------|
| 1 | Đình An Cố | Xã Thụy An | 28/04/1962 | | KTNT |
| 2 | Khu lưu niệm đồng | Thị trấn Diêm Điền | 12/12/1986 | | DTLS |

| | | | | | |
|----|--|----------------------|------------|------------|------|
| | chí Nguyễn Đức Cảnh | | | | |
| 3 | Cụm di tích lưu niệm danh nhân Quách Đình Bảo, Từ đường họ Quách, đình Côn Giang | Thái Phúc - Thái Hòa | 21/01/1989 | | DTLS |
| 4 | Nhà lưu niệm Phạm Thế Hiển | Xã Thụy Phong | 21/01/1989 | | DTLS |
| 5 | Đình Phát Lộc | Xã Thái Giang | 21/01/1989 | | KTNT |
| 6 | Cụm di tích Đền Chòi - chùa Bến - chùa Chỉ Bồ | Xã Thụy Trường | 14/11/1989 | | DTLS |
| 7 | Đình Vạn Đồn, Lưu Đồn và Tu Trình | Xã Thụy Hồng | 30/10/1990 | | DTLS |
| 8 | Đền Hệ | Xã Thụy Ninh | 30/10/1990 | | DTLS |
| 9 | Miếu Ba Thôn, chùa Hưng Quốc | Xã Thụy Hải | 30/10/1990 | | DTLS |
| 10 | Đền Hạ Đồng | Xã Thụy Sơn | 30/10/1990 | | DTLS |
| 11 | Miếu Đông | Xã Thái Hồng | 30/10/1990 | | DTLS |
| 12 | Đình Tử Các | Xã Thái Hòa | 16/12/1993 | | DTLS |
| 13 | Từ và chùa Hoàn Sơn | Xã Thụy Văn | 16/12/1993 | | DTLS |
| 14 | Đền Hét | Xã Thái Thượng | 16/12/1993 | | DTLS |
| 15 | Đình Các Đông | Xã Thái Thượng | 16/12/1993 | | DTLS |
| 16 | Đình Bích Đào | Xã Thái Nguyên | 16/12/1993 | | KTNT |
| 17 | Từ Giành | Xã Thụy Văn | 30/10/1990 | | DTLS |
| 18 | Đền Cá | Xã Thụy Hà | 12/07/1999 | | DTLS |
| 19 | Đình Phương Man | Xã Thụy Dũng | | 31/08/1995 | DTLS |

| | | | | | |
|----|-------------------------------------|----------------|--|------------|-------|
| 20 | Đền, đình Vũ Thành | Xã Thái Hưng | | 31/08/1995 | KTNT |
| 21 | Đền, miếu Cả | Xã Thụy Chính | | 31/08/1995 | KTNT |
| 22 | Phủ Chúa Muối | Xã Thụy Hải | | 08/03/1996 | DTLS |
| 23 | Miếu Khúc Mai | Xã Thụy Thanh | | 08/03/1996 | DTLS |
| 24 | Đình Đông, chùa Đông Linh | Xã Thụy Lương | | 08/03/1996 | DTLS |
| 25 | Đình Tuân Nghĩa | Xã Thái Thành | | 21/05/1996 | DTLS |
| 26 | Đền Vị Thủy | Xã Thái Dương | | 26/05/1996 | DTLS |
| 27 | Đền thờ, lăng, chùa thôn Trung Liệt | Xã Thái Giang | | 28/05/1996 | DTLS |
| 28 | Đình Đồng Hòa | Xã Thụy Phong | | 28/05/1996 | DTLS |
| 29 | Chùa, đền Quài | Xã Thái Sơn | | 02/04/1997 | KTNT |
| 30 | Đền Vô Hối | Xã Thụy Thanh | | 02/04/1997 | DTLS |
| 31 | Đền Cây Xanh | Xã Thụy Trình | | 02/04/1997 | DTLS |
| 32 | Đình Thọ Cách | Xã Thụy Quỳnh | | 02/04/1997 | KTNT |
| 33 | Đền, chùa Bái Thượng | Xã Thụy Phúc | | 24/04/1997 | KTNT |
| 34 | Đền Mai Diêm | Xã Thụy Hà | | 24/04/1997 | DTLS |
| 35 | Đình Đồng Nhân | Xã Thái Thành | | 24/04/1997 | DTLS |
| 36 | Từ đường thờ Tiến sỹ Uông Sỹ Đoan | Xã Thái Hưng | | 25/02/1998 | DTLS |
| 37 | Từ đường thờ Tiến sỹ Uông Sỹ Diên | Xã Thái Hưng | | 25/02/1998 | DTLS |
| 38 | Đình Chỉ Thiện | Xã Mỹ Lộc | | 25/02/1998 | DTLS |
| 39 | Đình Hà My | Xã Thái Nguyên | | 25/02/1998 | DTLS |
| 40 | Đình Phú Uyên | Xã Thái Tân | | 25/02/1998 | DTLS |
| 41 | Đình Đông | Xã Thái Dương | | 25/02/1998 | KTNT |
| 42 | Đền Bến Trán | Xã Thụy Hưng | | 09/10/2002 | DTLS |
| 43 | Đình Sơn Cao | Xã Thái Hòa | | 09/10/2002 | DTLS, |

| | | | | | |
|----|-------------------------------------|----------------|--|------------|------------|
| | | | | | KTNT |
| 44 | Đình Đán | Xã Thái Hưng | | 09/10/2002 | DTLS |
| 45 | Đền Sơn Thọ | Xã Thái Thượng | | 09/10/2002 | KTNT |
| 46 | Đình Hạnh Lập | Xã Thái Thọ | | 09/10/2002 | KTNT |
| 47 | Đình Đông | Xã Thái Học | | 09/10/2002 | DTLS |
| 48 | Đình Đoài | Xã Thụy Quỳnh | | 09/10/2003 | KTNT |
| 49 | Đình Đoài (Ngọc Thịnh) | Xã Thái Nguyên | | 09/10/2003 | KTNT |
| 50 | Đình An Tiêm | Xã Thụy Dân | | 09/10/2003 | KTNT |
| 51 | Đền Hóa Tài | Xã Thụy Duyên | | 09/10/2003 | DTLS |
| 52 | Chùa Vỹ Long | Xã Thái Dương | | 09/10/2003 | DTLS |
| 53 | Từ đường thờ Vương Đình Nhâm | Xã Thái Thọ | | 01/10/2004 | DTLS, KTNT |
| 54 | Đình Thượng | Xã Thái Hưng | | 01/10/2004 | DTLS |
| 55 | Chùa Bụi | Xã Hồng Quỳnh | | 01/10/2004 | DTLS |
| 56 | Từ đường Tiên sỹ Nguyễn Công Định | Xã Thái Hưng | | 01/10/2004 | DTLS |
| 57 | Đền An Cố | Xã Thụy An | | 12/10/2005 | KTNT |
| 58 | Đình Bậy | Xã Thụy Xuân | | 12/10/2005 | DTLS |
| 58 | Chùa Nghiêm Phúc | Xã Thái Thịnh | | 12/10/2005 | DTLS |
| 59 | Miếu Quốc Long | Xã Thụy Quỳnh | | 12/10/2005 | DTLS |
| 60 | Đền Tam Lộng | Xã Thụy Hưng | | 12/10/2005 | DTLS |
| 61 | Chùa Phổ Linh | Xã Thái Thủy | | 12/10/2005 | DTLS |
| 62 | Đình Vạn Xuân | Xã Thụy Xuân | | 12/10/2006 | DTLS |
| 63 | Đền Tứ Xã | Xã Thụy Việt | | 17/01/2007 | DTLS |
| 64 | Đền Mẫu Vạn Xuân | Xã Thụy Xuân | | 17/01/2007 | DTLS |
| 65 | Từ đường thờ Tiên sỹ Nghiêm Vũ Đăng | Xã Thái Phúc | | 17/01/2007 | DTLS, KTNT |

7. HUYỆN TIỀN HẢI

| TT | Tên di tích | Địa điểm | Cấp Bộ | Cấp Tỉnh | Loại hình |
|----|---|---------------|------------|------------|-----------|
| 1 | Đình Nho Lâm và Thanh Giám | Xã Đông Lâm | 12/12/1986 | | KTNT |
| 2 | Khu lưu niệm văn thân yêu nước Ngô Quang Bích | Xã An Ninh | 12/12/1986 | | DTLS |
| 3 | Nhà lưu niệm Bùi Viện | Xã An Ninh | 21/01/1989 | | DTLS |
| 4 | Đình Tô, nhà thờ họ Tạ, chùa Thư Điền | Xã Tây Giang | 30/10/1990 | | KTNT |
| 5 | Chùa Trung, Mả Bụt | Xã Vũ Lăng | 16/12/1993 | | DTLS |
| 6 | Đình Tiêu Hoàng, đình Ngoại Đê, lăng tưởng niệm Nguyễn Công Trứ | Xã Tây Sơn | 30/10/1990 | | DTLS |
| 7 | Đình Đông Quách | Xã Nam Hà | 11/10/2006 | | DTLS |
| 8 | Đình Đại Hữu | Xã Tây Ninh | | 31/08/1995 | KTNT |
| 9 | Nhà lưu niệm Vũ Trọng | Xã An Ninh | | 31/08/1995 | DTLS |
| 10 | Đình Phong Lạc | Xã Đông Trung | | 31/08/1995 | DTLS |
| 11 | Chùa Định Cư | Xã Đông Trà | | 31/08/1995 | DTLS |
| 12 | Đền Lộc Trung | Xã Nam Hưng | | 31/08/1995 | DTLS |
| 13 | Đình Kinh Nguyên | Xã Đông Xuyên | | 08/03/1996 | DTLS |
| 14 | Đình Quý Đức Đông | Xã Đông Xuyên | | 08/03/1996 | DTLS |
| 15 | Đình Thiện Tường | Xã Nam Thịnh | | 08/03/1996 | DTLS |
| 16 | Đình Đức Cơ | Xã Đông Cơ | | 05/1996 | DTLS |
| 17 | Đình Quý Đức Tây | Xã Đông Quý | | 02/04/1997 | DTLS |

| | | | | | |
|----|--------------------------------|-------------------|--|------------|------------|
| 18 | Nhà thờ họ Trần | Thị trấn Tiên Hải | | 02/04/1997 | DTLS |
| 19 | Nhà thờ họ Phạm | Xã An Ninh | | 02/04/1997 | DTLS |
| 20 | Đình, đền Hải Nhuận | Xã Đông Quý | | 02/04/1997 | DTLS |
| 21 | Từ đường họ Chu | Xã An Ninh | | 24/04/1997 | DTLS |
| 22 | Đình Đông Hoàng | Xã Đông Hoàng | | 24/04/1997 | DTLS |
| 23 | Miếu Nội Hon | Xã An Ninh | | 24/04/1997 | DTLS |
| 24 | Chùa Minh Châu | Xã Đông Minh | | 24/04/1997 | DTLS |
| 25 | Đình Vĩnh Ninh | Xã Tây Ninh | | 25/02/1998 | DTLS |
| 26 | Đình Tiên | Xã Tây An | | 25/02/1998 | DTLS |
| 27 | Chùa Đường | Xã Tây An | | 25/02/1998 | DTLS |
| 28 | Đình Rượu Trục, miếu Hàng Giáp | Xã Nam Thắng | | 25/02/1998 | DTLS, KTNT |
| 29 | Đình, chùa Nam Đồng | Xã Nam Thắng | | 25/02/1998 | DTLS |
| 30 | Đền Định Cư | Xã Đông Hải | | 25/02/1998 | DTLS |
| 31 | Chùa Tây | Xã Nam Hải | | 25/02/1998 | KTNT |
| 32 | Đền thờ An Dương Vương | Xã Nam Hải | | 25/02/1998 | KTNT |
| 33 | Từ đường họ Ngô | Xã Tây Tiến | | 09/10/2002 | DTLS |
| 34 | Đình Lạc Thành | Xã Tây Ninh | | 09/10/2002 | KTNT |
| 35 | Đình Công Bồi | Xã Phương Công | | 09/10/2002 | DTLS |
| 36 | Từ đường Trần Xuân Sắc | Xã Nam Hải | | 09/10/2002 | DTLS |
| 37 | Đình Phụ Quách | Xã Đông Trung | | 09/10/2002 | DTLS |
| 38 | Đền thờ chủ tịch Hồ Chí Minh | Xã Nam Cường | | 09/10/2002 | DTLS |
| 39 | Đình, đền Trung Thành | Xã Nam Phú | | 09/10/2003 | DTLS |

| | | | | | |
|----|-----------------------------|---------------|--|------------|------------|
| 40 | Đình, đền Thủ Chính | Xã Nam Chính | | 09/10/2003 | DTLS |
| 41 | Đình Hữu Vy, đình Cỗ | Xã Nam Chính | | 09/10/2003 | DTLS, KTNT |
| 42 | Từ đường họ Phạm | Xã Tây Giang | | 09/10/2003 | DTLS |
| 43 | Chùa Linh Quang | Xã Nam Hải | | 09/10/2003 | DTLS, KTNT |
| 44 | Đình An Cư | Xã Đông Xuyên | | 09/10/2003 | DTLS |
| 45 | Đền Trần Hưng Đạo | Xã Nam Thắng | | 09/10/2003 | DTLS |
| 46 | Đình Ốc Nhuận | Xã Đông Quý | | 09/10/2003 | DTLS |
| 47 | Từ đường họ Ngô | Xã An Ninh | | 09/10/2003 | DTLS |
| 48 | Đình, văn chỉ Doãn Thượng | Xã Nam Trung | | 01/10/2004 | KTNT |
| 49 | Đền Thanh Châu | Xã Nam Thắng | | 01/10/2004 | KTNT |
| 50 | Từ đường Tiến sỹ Hoàng Vinh | Xã Tây Lương | | 01/10/2004 | DTLS |
| 51 | Đình Phú Lâm | Xã Nam Hồng | | 01/10/2004 | DTLS |
| 52 | Đình Đông Biên | Xã Nam Hồng | | 12/10/2005 | DTLS |
| 53 | Đền Bắc Lương Phú | Xã Tây Lương | | 12/10/2005 | DTLS |
| 54 | Miếu Mỹ Đức | Xã Đông Hoàng | | 12/10/2006 | DTLS |

8. HUYỆN VŨ THU

| TT | Tên di tích | Địa điểm | Cấp Bộ | Cấp Tỉnh | Loại hình |
|----|-----------------------------------|---------------|------------|----------|-----------|
| 1 | Chùa Keo | Xã Duy Nhất | 28/04/1962 | | KTNT |
| 2 | Khu lưu niệm chủ tịch Hồ Chí Minh | Xã Tân Hòa | 12/12/1986 | | DTLS |
| 3 | Miếu Hai Thôn | Xã Xuân Hòa | 12/12/1986 | | KTNT |
| 4 | Chùa Từ Vân, Từ đường Nguyễn Kim | Xã Bách Thuận | 12/01/1989 | | DTLS |

| | | | | | |
|----|---------------------------------|---------------|------------|------------|------|
| 5 | Đền Thượng, chùa Phúc Thắng | Xã Song Lãng | 21/01/1989 | | DTLS |
| 6 | Cụm di tích đình, đền Bông Điền | Xã Tân Lập | 14/11/1989 | | DTLS |
| 7 | Đền Mỹ Lộc, Lăng mộ bà Quế Hoa | Xã Việt Hùng | 30/10/1990 | | DTLS |
| 8 | Chùa Bách Tính | Xã Bách Thuận | 30/10/1990 | | DTLS |
| 9 | Đình Dũng Thúy | Xã Dũng Nghĩa | 16/12/1993 | | DTLS |
| 10 | Đình Thuận An | Xã Việt Thuận | 16/12/1993 | | DTLS |
| 11 | Đình Phương Cáp | Xã Hiệp Hòa | 16/12/1993 | | DTLS |
| 12 | Từ đường Hoàng Công Chất | Xã Nguyên Xá | 12/07/1999 | | DTLS |
| 13 | Đình Hương Đường | Xã Việt Hùng | 30/10/1990 | | DTLS |
| 14 | Đình Mỹ Bông | Xã Việt Hùng | 30/10/1990 | | DTLS |
| 15 | Miếu Thánh Quận | Xã Đồng Thanh | | 08/03/1996 | DTLS |
| 16 | Chùa Đồng Đại | Xã Đồng Thanh | | 09/10/2003 | KTNT |
| 17 | Đình Thượng Hộ | Xã Hồng Lý | | 31/08/1995 | DTLS |
| 18 | Từ đường Đỗ Văn | Xã Hiệp Hòa | | 24/04/1997 | DTLS |
| 19 | Từ đường thờ Tiến sỹ Đỗ Đô | Xã Song Lãng | | 09/10/2003 | DTLS |
| 20 | Từ đường, lăng mộ Doãn Uẩn | Xã Song Lãng | | 12/10/2005 | DTLS |
| 21 | Từ đường, lăng mộ Doãn Khuê | Xã Song Lãng | | 12/10/2005 | DTLS |
| 22 | Đình Trong, đình Ngoài, phủ Mẫu | Xã Minh Lãng | | 09/10/2002 | DTLS |
| 23 | Từ Đồng Đức | Xã Phúc Thành | | 31/08/1995 | DTLS |
| 24 | Miếu Đại Đồng | Xã Tân Hòa | | 02/04/1997 | DTLS |
| 25 | Đình, phủ Mỹ Cơ | Xã Việt Hùng | | 01/10/2004 | DTLS |

| | | | | | |
|----|--------------------------------------|---------------|--|------------|---------------|
| 26 | Miếu Phú Chữ | Xã Việt Hùng | | 01/10/2004 | KTNT |
| 27 | Đình Vô Ngại Thái | Xã Dũng Nghĩa | | 08/03/1996 | DTLS |
| 28 | Đình Thượng Điền | Xã Tam Quang | | 01/10/2004 | DTLS, KTNT |
| 29 | Đình La Uyên | Xã Minh Quang | | 09/10/2002 | DTLS, KTNT |
| 30 | Đền Sáo, Từ đường họ Đinh | Xã Song An | | 12/10/2006 | DTLS |
| 31 | Từ đường họ Nguyễn Cành Bính | Xã Hòa Bình | | 25/02/1998 | DTLS |
| 32 | Từ đường họ Nguyễn Đại Tộc | Xã Vũ Hội | | 09/10/2002 | DTLS |
| 33 | Từ đường Tiến sỹ Nguyễn Xuân Huyền | Xã Nguyên Xá | | 26/05/1996 | DTLS |
| 34 | Đình Đông | Xã Việt Hùng | | 12/10/2005 | DTLS |
| 35 | Từ đường thờ Phạm Tư Trục | Xã Nguyên Xá | | 01/10/2004 | DTLS |
| 36 | Chùa Ngô Xá | Xã Nguyên Xá | | 09/10/2003 | DTLS, KTNT |
| 37 | Từ đường thờ Nguyễn Doãn Cử | Xã Duy Nhất | | 01/10/2004 | DTLS |
| 38 | Chùa Đại An | Xã Tự Tân | | 31/08/1995 | DTLS |
| 39 | Đình Phú Lễ | Xã Tự Tân | | 12/10/2005 | KTNT |
| 40 | Đình Trong Trà Khê | Xã Tân Lập | | 12/10/2005 | DTLS |
| 41 | Đình Ngoài Trà Khê | Xã Tân Lập | | 12/10/2005 | KTNT |
| 42 | Cụm di tích đình, chùa Tân Chi Phong | Xã Hồng Phong | | 02/04/1997 | DTLS |
| 43 | Đình An Thái | Xã Vũ Đoài | | 31/08/1995 | KTNT |
| 44 | Đình Đông Đoài | Xã Vũ Đoài | | 31/08/1995 | KTNT |

| | | | | | |
|----|--------------------------------------|---------------|--|------------|------|
| 45 | Chùa Hộ Quốc | Xã Việt Thuận | | 25/02/1998 | DTLS |
| 46 | Chùa Hội Am | Xã Vũ Hội | | 08/03/1996 | DTLS |
| 47 | Đình Hội | Xã Minh Khai | | 17/01/1997 | DTLS |
| 48 | Miếu Lộc Điền | Xã Việt Hùng | | 17/01/1997 | DTLS |
| 49 | Chùa Hạc | Xã Minh Khai | | 17/01/1997 | |
| 50 | Chùa Phượng Vũ | Xã Minh Khai | | 17/01/1997 | |
| 51 | Từ đường Bùi Quang Dũng | Xã Tân Bình | | 12/07/1999 | DTLS |
| 52 | Miếu thôn Thái | Xã Nguyên Xá | | 08/03/1996 | DTLS |
| 53 | Chùa Trùng Mại | Xã Tân Bình | | 24/04/1997 | KTNT |
| 54 | Miếu thờ Tiến sỹ Nguyễn Như Thức | Xã Hòa Bình | | 26/02/1998 | DTLS |
| 55 | Đình Võ Thái | Xã Dũng Nghĩa | | 26/05/1996 | DTLS |
| 56 | Đình Huyền Sỹ | Xã Minh Quang | | 09/10/2002 | |
| 57 | Từ đường thờ TS. Nguyễn Lương Bật | Xã Duy Nhất | | Năm 2009 | |
| 58 | Từ đường dòng họ Trần Xuân | Xã Vũ Tiến | | Năm 2009 | |
| 59 | Từ đường họ Đỗ Đức, chi 6 | Xã Tân Hòa | | Năm 2009 | |
| 60 | Cụm đình, chùa La Điền | Xã Tự Tân | | Năm 2009 | |
| 61 | Chùa Thanh Hương | Xã Đồng Thanh | | Năm 2010 | |
| 62 | Cụm đình, đền, chùa Tăng Bồng | Xã Việt Hùng | | Năm 2010 | |

(Nguồn: Sở Văn hóa thể thao và du lịch Thái Bình).

DANH MỤC CÁC LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở THÁI BÌNH

1. THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

| TT | Tên lễ hội | Địa điểm | Thời gian |
|----|------------------|---------------------|------------|
| 1 | Hội làng Tống Vũ | Xã Vũ Chính | Mùng 2 tết |
| 2 | Hội Đền Quan | Phường Hoàng Diệu | 15/01 |
| 3 | Hội chùa Phú Lạc | Xã Phú Xuân | 10/02 |
| 4 | Hội chùa Bô | Thành phố Thái Bình | 10/03 |
| 5 | Hội Đình Cả | Phường Trần Lãm | 15/08 |

2. HUYỆN ĐÔNG HƯNG

| TT | Tên lễ hội | Địa điểm | Thời gian |
|----|------------------------|---------------|----------------|
| 1 | Hội làng Tuộc | Xã Phú Lương | 09/01 |
| 2 | Hội làng Thượng Liệt | Xã Đông Tân | 10/01 |
| 3 | Hội chùa Thiên Quý | Xã Đông Xuân | 10/01 |
| 4 | Hội Phủ Gạch | Xã Đông Xá | 10/01 và 10/04 |
| 5 | Hội chùa Thiên Phú | Xã Đông Hoàng | 10/01 |
| 6 | Hội đình Hưng Đạo | Xã Đông Quang | 10/01 |
| 7 | Hội chùa Gia Lễ | Xã Đông Mỹ | 10/01 |
| 8 | Hội Đình Đoài | Xã Hồng Việt | 10/01 |
| 9 | Hội lăng quan Thái Bảo | Xã Hồng Việt | 15/01 |
| 10 | Hội làng Long Bồi | Xã Đông Hợp | 04/02 |
| 11 | Hội đình Bá Thôn | Xã Hồng Việt | 14/02 |
| 12 | Hội làng Tống Thỏ | Xã Đông Mỹ | 20/02 |
| 13 | Hội miếu Thái Hòa | Xã Đông Hoàng | 20/02 |
| 14 | Hội miếu Kinh Hào | Xã Đông Kinh | 28/02 |
| 15 | Hội làng Vạn An | Xã Bạch Đằng | 10/03 |
| 16 | Hội đền Kinh Lậu | Xã Đông Kinh | 10/03 |
| 17 | Hội đình Duyên Hà | Xã Đông Kinh | 10/03 |
| 18 | Hội đình Thanh Long | Xã Đông Kinh | 10/03 |

| | | | |
|----|------------------------------------|----------------|-------|
| 19 | Hội đền Thân Thượng | Xã Đông Cường | 10/03 |
| 20 | Hội đền Tiến Trật | Xã Đô Lương | 10/03 |
| 21 | Hội chùa Đồng Vy | Xã Đông La | 10/03 |
| 22 | Hội đền Nghè Cổ Dũng | Xã Đông La | 10/03 |
| 23 | Hội đình Hậu Trung - Hậu Thượng | Xã Bạch Đằng | 25/03 |
| 24 | Hội đình chùa Gạch | Xã Đông Xá | 10/04 |
| 25 | Hội đền Lê Ngộ | Xã Đông Dương | 10/04 |
| 26 | Hội chùa Đọ | Xã Đông Sơn | 14/04 |
| 27 | Hội đình Kênh | Xã Đông Xuân | 02/08 |
| 28 | Hội đình Thuận Túy | Xã Đông La | 10/08 |
| 29 | Hội chùa Duyên Tục | Xã Phú Lương | 10/08 |
| 30 | Hội đền Phương Bắc | Xã Đông Sơn | 10/08 |
| 31 | Hội miếu Đài Vương | Xã Minh Tân | 10/08 |
| 32 | Hội đền Thượng | Xã Đông Phương | 10/08 |
| 33 | Hội Đình Tuộc | Xã Phú Lương | 15/12 |
| 34 | Hội đình Tô | Xã Vân Trường | 24/12 |

3. HUYỆN HƯNG HÀ

| TT | Tên lễ hội | Địa điểm | Thời gian |
|----|----------------------|--------------|-----------|
| 1 | Hội làng Dương Xá | Xã Tiến Đức | 05/01 |
| 2 | Hội làng Hới | Xã Tân Lễ | 06/01 |
| 3 | Hội làng Ngừ | Xã Liên Hiệp | 06/01 |
| 4 | Hội làng Khuốc | Xã Liên Hiệp | 06/01 |
| 5 | Hội làng Nại | Xã Liên Hiệp | 06/01 |
| 6 | Hội làng Thanh Triều | Xã Tân Lễ | 06/01 |
| 7 | Hội đền Đồng Phú | Xã Đông Đô | 06/01 |
| 8 | Hội làng Duyên Nông | Xã Diệp Nông | 10/01 |
| 9 | Hội làng Diệc | Xã Tân Hòa | 10/01 |

| | | | |
|----|----------------------|------------------|----------------|
| 10 | Hội làng Việt Yên | Xã Điệp Nông | 10/01 |
| 11 | Hội làng Lão Khê | Xã Tân Lễ | 10/01 |
| 12 | Hội làng Tây Xuyên | Xã Phú Sơn | 10/01 |
| 13 | Hội làng Lưu Xá | Xã Canh Tân | 15/01 |
| 14 | Hội làng Hú | Xã Hòa Tiến | 15/01 |
| 15 | Hội làng Bùi | Xã Duyên Hải | 15/01 |
| 16 | Hội làng Tiên Phong | Xã Bình Lãng | 10/02 |
| 17 | Hội làng Mỹ Thịnh | Xã Tây Đô | 10/02 |
| 18 | Hội làng Khả | Xã Duyên Hải | 10/02 |
| 19 | Hội làng Thượng Phúc | Xã Văn Lang | 10/02 |
| 20 | Hội làng Tây Xuyên | Xã Phú Sơn | 10/02 |
| 21 | Hội làng Chuộn | Xã Văn Lang | 14/02 |
| 22 | Hội làng Thọ Phú | Xã Hồng Minh | 15/02 |
| 23 | Hội chùa Hội Đồng | Xã Đức Tiến | 15/02 và 15/09 |
| 24 | Hội làng Tịnh Thủy | Xã Hồng Minh | 10/03 |
| 25 | Hội đền Buộm | Xã Tân Tiến | 10/03 |
| 26 | Hội đền Đồng Hàn | Xã Hồng Lĩnh | 10/03 |
| 27 | Hội làng Mễ | Xã Phú Sơn | 10/03 |
| 28 | Hội đền Phú Hà | Xã Tân Lễ | 10/03 |
| 29 | Hội đền Hà Xá | Xã Tân Lễ | 10/03 |
| 30 | Hội chùa Hà Xá | Xã Tân Lễ | 10/03 |
| 31 | Hội đền Bùi Xá | Xã Tân Lễ | 10/03 |
| 32 | Hội làng Tân Hà | Xã Tân Lễ | 10/03 |
| 33 | Hội làng Chủy | Thị trấn Hưng Hà | 10/03 |
| 34 | Hội đền Đồng Tu | Thị trấn Hưng Hà | 10/03 |
| 35 | Hội đền Tiên La | Xã Đoan Hùng | 10/03 |
| 36 | Hội làng Thượng Khu | Xã Hồng An | 19/03 |
| 37 | Hội làng Đô Kỳ | Xã Tây Đô | 25/03 |
| 38 | Hội làng Đồng Phú | Xã Độc Lập | 14/04 |

| | | | |
|----|-------------------|--------------|-------|
| 39 | Hội làng Phú Hiếu | Xã Độc Lập | 14/06 |
| 40 | Hội đền Khánh Lai | Xã Bình Lăng | 15/07 |
| 41 | Hội làng Buộm | Xã Phú Sơn | 10/08 |
| 42 | Hội làng Vân Động | Xã Phú Sơn | 10/08 |
| 43 | Hội làng Bùi Xá | Xã Tân Lễ | 10/08 |
| 44 | Hội đình Cô Trai | Xã Hồng Minh | 10/08 |

4. HUYỆN KIẾN XƯƠNG

| TT | Tên lễ hội | Địa điểm | Thời gian |
|----|-------------------------------|----------------|----------------|
| 1 | Hội đền Vua Rộc | Xã Vũ An | 05/01 |
| 2 | Hội làng Động Trung | Xã Vũ Quý | 15/01 |
| 3 | Hội làng Thái Cao | Xã Nam Bình | 02/02 |
| 4 | Hội làng Khả Phú | Xã Bình Thanh | 14/02 |
| 5 | Hội làng Trà Xương Đoài | Xã Quang Trung | 14/02 |
| 6 | Hội làng Trà Xương Đông | Xã Quang Trung | 14/02 |
| 7 | Hội làng Thượng Phúc | Xã Quang Trung | 15/02 |
| 8 | Hội đình Ngải Đông, Ngải Đoài | Xã Bình Minh | 10/03 |
| 9 | Hội làng Cao Mại Nhân | Xã Quang Hưng | 10/03 |
| 10 | Hội đền Rậm | Xã Hòa Bình | 15/03 và 15/08 |
| 11 | Hội đình Lai Vy | Xã Quang Minh | 13/03 |
| 12 | Hội đình Lai Thanh | Xã Quang Minh | 13/03 |
| 13 | Hội đình Đa Cốc | Xã Nam Bình | 14/03 |
| 14 | Hội đình Cao Mại Đoài | Xã Quang Trung | 14/03 |
| 15 | Hội đền Đồng Xâm | Xã Hồng Thái | 01/04 |
| 16 | Hội đình Luật Nội | Xã Quang Lịch | 12/04 |
| 17 | Hội đình Bình Trật | Xã An Bình | 14/07 |
| 18 | Hội đền Lịch Bài | Xã Vũ Hòa | 10/08 |

| | | | |
|----|------------------|--------------|-------|
| 19 | Hội đền Mộ Đạo | Xã Vũ Bình | 10/09 |
| 20 | Hội làng Lại Trì | Xã Vũ Tây | 10/09 |
| 21 | Hội đình Vũ Đông | Xã Vũ Đông | 20/09 |
| 22 | Hội Miếu Đông | Xã Bình Minh | 01/10 |

5. HUYỆN QUỲNH PHỤ

| TT | Tên lễ hội | Địa điểm | Thời gian |
|----|---------------------|---------------------|------------|
| 1 | Hội làng La Vân | Xã Quỳnh Hồng | Mùng 4 tết |
| 2 | Hội Miếu Ngọc | Xã Quỳnh Hồng | Mùng 4 tết |
| 3 | Hội làng Tô Xuyên | Xã An Mỹ | 06/01 |
| 4 | Hội làng Hải An | Xã Quỳnh Nguyên | 10/01 |
| 5 | Hội đình Xuân La | Xã Quỳnh Xá | 15/01 |
| 6 | Hội đình Đông Linh | Xã An Bài | 10/02 |
| 7 | Hội đình Nguyên Xá | Xã An Hiệp | 15/02 |
| 8 | Hội đình Hiệp Lạc | Xã An Khê | 10/03 |
| 9 | Hội Quan Đình | Xã Đồng Tiến | 11/03 |
| 10 | Hội đền La Vân | Xã Quỳnh Hồng | 20/03 |
| 11 | Hội làng Phụng Công | Xã Quỳnh Hội | 15/03 |
| 12 | Hội làng Lộng Khê | Xã An Khê | 10/03 |
| 13 | Hội làng Vọng Lỗ | Xã An Vũ | 28/03 |
| 14 | Hội Đền Đội | Xã Đông Hải | 10/04 |
| 15 | Hội đền Ngọc Quế | Xã Quỳnh Hoa | 08/08 |
| 16 | Hội miếu Hòe Thị | Xã Đồng Tiến | 12/08 |
| 17 | Hội đền Năm Thôn | Xã Quỳnh Sơn | 10/08 |
| 18 | Hội làng Phụng Công | Xã Quỳnh Hội | 15/08 |
| 19 | Hội đền Đông Bằng | Xã An Lễ | 20/08 |
| 20 | Hội đền Vũ Xá | Xã An Đông | 20/08 |
| 21 | Hội đền Gạo | Xã An Thái | 20/08 |
| 23 | Hội đình Vũ Xá | Xã An Vũ | 20/08 |
| 23 | Hội đền A Sào | Xã An Đông, An Thái | 20/08 |

6. HUYỆN THÁI THỤY

| TT | Tên lễ hội | Địa điểm | Thời gian |
|----|---------------------|--------------------|-----------|
| 1 | Hội đèn Hết | Xã Thái Thượng | 08/01 |
| 2 | Hội đèn Tam Hòa | Xã Thụy Trường | 10/01 |
| 3 | Hội đèn Tử Các | Xã Thái Hòa | 10/01 |
| 4 | Hội làng Bích Đào | Xã Thái Nguyên | 10/01 |
| 5 | Hội đèn Thuận Nghĩa | Thị trấn Diêm Điền | 11/01 |
| 6 | Hội chùa Hoàn Sơn | Xã Thụy Văn | 15/01 |
| 7 | Hội làng Phương La | Xã Thái Phương | 15/01 |
| 8 | Hội đình An Cồ | Xã Thụy An | 10/02 |
| 9 | Hội đình Các Đông | Xã Thái Thượng | 15/02 |
| 10 | Hội đèn Hệ | Xã Thụy Ninh | 10/03 |
| 11 | Hội miếu Đông | Xã Thái Hồng | 10/03 |
| 12 | Hội đình Phát Lộc | Xã Thái Giang | 01/04 |
| 13 | Hội đèn họ Trần | Xã Thái Giang | 01/04 |
| 14 | Hội làng Quang Lang | Xã Thụy Hải | 13/04 |
| 15 | Hội chùa Quài | Xã Thái Sơn | 01/06 |
| 16 | Hội miếu Ba Thôn | Xã Thụy Hải | 12/07 |
| 17 | Hội đình Vạn Đồn | Xã Thụy Hồng | 08/08 |
| 18 | Hội từ Giành | Xã Thụy Văn | 10/08 |
| 19 | Hội đèn Hạ Đồng | Xã Thụy Sơn | 10/08 |
| 20 | Hội đình Động | Xã Thụy Dương | 10/08 |
| 21 | Hội đình Đồng Hòa | Xã Thụy Phong | 14/08 |
| 22 | Hội chùa Phúc Lâm | Xã Thái Phúc | 20/08 |
| 23 | Hội đèn Mai Diêm | Xã Thụy Hà | 20/08 |
| 24 | Hội đèn Côn Giang | Xã Thái Hà | 09/09 |
| 25 | Hội đèn Vô Hối | Xã Thụy Thanh | 10/09 |
| 26 | Hội đình Vũ Nghị | Xã Thái Hưng | 15/11 |

7. HUYỆN TIỀN HẢI

| TT | Tên lễ hội | Địa điểm | Thời gian |
|----|-------------------------|---------------|------------|
| 1 | Hội chợ Giếng | Xã An Ninh | Mùng 1 tết |
| 2 | Hội đình Vũ Xá | Xã Đông Phong | 18/02 |
| 3 | Hội miếu Ba Thôn | Xã Tây Lương | 04/03 |
| 4 | Hội đèn Cửa Lân | Xã Đông Minh | 10/03 |
| 5 | Hội đèn Châu Nhai | Xã Tây Giang | 10/03 |
| 6 | Hội đình Tô | Xã Tây Giang | 10/03 |
| 7 | Hội chùa Đường | Xã Tây An | 10/03 |
| 8 | Hội đình Đại Hoàng | Xã Tây Lương | 10/03 |
| 9 | Hội làng Thanh Châu | Xã Nam Thanh | 14/04 |
| 10 | Hội chùa Tam Bảo | Xã Nam Hồng | 10/05 |
| 11 | Hội đình Bát Cáp | Xã Bắc Hải | 11/05 |
| 12 | Hội làng An Khan | Xã Tây An | 08/08 |
| 13 | Hội đèn Nguyễn Công Trứ | Xã Nam Chính | 18/08 |
| 14 | Hội đình Tiêu Hoàng | Xã Tây Sơn | 15/12 |

8. HUYỆN VŨ THU

| TT | Tên lễ hội | Địa điểm | Thời gian |
|----|--------------------|---------------|------------|
| 1 | Hội chợ chùa Nê | Xã Hòa Bình | Mùng 2 tết |
| 2 | Hội xuân chùa Keo | Xã Duy Nhất | Mùng 4 tết |
| 3 | Hội chùa Múa | Xã Minh khai | 06/01 |
| 4 | Hội đình Mỹ Bông | Xã Việt Hùng | 06/01 |
| 5 | Hội đèn Mỹ Lộc | Xã Việt Hùng | 06/01 |
| 6 | Hội làng Đại An | Xã Tụ Tân | 06/01 |
| 7 | Hội chùa Hạc | Xã Minh Khai | 06/01 |
| 8 | Hội đình Trà Khê | Xã Tân Lập | 12/01 |
| 9 | Hội đèn Thánh Quận | xã Đồng Thanh | 15/01 |

| | | | |
|----|--------------------------|-----------------|----------------|
| 10 | Hội chùa Vô Ngại | Xã Dũng Nghĩa | 15/01 |
| 11 | Hội chùa Hội Am | Xã Vũ Hội | 15/01 |
| 12 | Hội đình Tăng Bồng | Xã Tân Lập | 15/01 và 10/02 |
| 13 | Hội làng Lạng | Xã Song Lãng | 06/02 |
| 14 | Hội miếu Hai Thôn | Xã Xuân Hòa | 10/02 |
| 15 | Hội đình Phương Cáp | Xã Hiệp Hòa | 10/02 |
| 16 | Hội làng Bông Điền | Xã Tân Lập | 14/02 |
| 17 | Hội làng Hương Đường | Xã Việt Hùng | 20/02 |
| 18 | Hội chùa Chành | Xã Tân Bình | 01/03 |
| 19 | Hội chùa La | Xã Minh Quang | 01/03 |
| 20 | Hội chùa Thắm | Thị trấn Vũ Thư | 01/03 |
| 21 | Hội chùa Trừng Mại | Xã Tân Bình | 10/03 |
| 22 | Hội chùa Từ Vân | Xã Bách Thuận | 14/03 |
| 23 | Hội Sáo Đền | Xã Song An | 24/03 |
| 24 | Hội chùa Đại An | Xã Tụ Tân | 01/06 |
| 25 | Hội làng Tân Tri Phong | Xã Hồng Phong | 15/08 |
| 26 | Hội đình, chùa Bách Tính | Xã Bách Thuận | 15/08 |
| 27 | Hội đình Dũng Súly | Xã Dũng Nghĩa | 15/08 |
| 28 | Hội chùa An Thái | Xã Vũ Đoài | 15/08 |
| 29 | Hội chùa Đông Đoài | Xã Vũ Đoài | 15/08 |
| 30 | Hội chùa Thượng Hộ | Xã Hồng Lý | 15/08 |
| 31 | Hội chùa Keo | Xã Duy Nhất | 13/09 |
| 32 | Hội miếu Giai | Xã Minh Lãng | 15/11 |

(Nguồn: Sở Văn hóa thể thao và du lịch Thái Bình).

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ DI SẢN VĂN HÓA Ở THÁI BÌNH



Chùa Keo



Gác chuông chùa Keo



Toàn cảnh chùa Keo



Di tích nhà Trần



Đền Đồng Xâm



Đền Đồng Bằng



Đền Tiên La



Khung cảnh đền Đồng Bằng



Lễ hội chùa Keo



Khai hội đền Đồng Bằng



Lễ hội đền Tiên La



Lễ hội đền Đồng Xâm



Sản phẩm chiếu Hới



Dệt khăn, vải ở Phương La



Rối nước Nguyễn Xá



Nghệ nhân chèo Khuốc



Chèo làng Khuốc



Bánh cáy làng Nguyễn



Canh cá Quỳnh Côi



Ôi Bo Thái Bình



Bánh gai Đại Đồng



Sản phẩm thêu Minh Lãng



Sản phẩm chạm bạc Đồng Xâm

Bảng 2.3: Biểu mẫu kiểm kê, phân loại các loại hình di tích đã được xếp hạng (Tính đến hết năm 2010).

| T T | Địa danh | Tổng Số di tích | Di tích Cấp Bộ | Di Tích Cấp Tỉnh | Di Tích Lịch Sử | Di Tích ktnt | Di Tích Khảo Cổ | Dtls & Dt ktnt | Các loại di tích | | | | | | | | |
|---------|------------|-----------------------|-------------------------|---------------------------|--------------------------|--------------------|--------------------------|-------------------------|------------------|------|-----|------|-------------|------------|-------------------|-------------------|--------------------|
| | | | | | | | | | Đình | Chùa | Đền | Miếu | Từ Đường | Lăng Mộ | Cụm di tích | DT Luu Niệm | Di tích khác |
| 1 | Thành Phố | 15 | 1 | 14 | 12 | 2 | 0 | 1 | 4 | 6 | 1 | 1 | 1 | 0 | 2 | 0 | 0 |
| 2 | Quỳnh Phụ | 69 | 10 | 59 | 51 | 18 | 0 | 0 | 27 | 10 | 10 | 8 | 2 | 1 | 11 | 0 | 0 |
| 3 | Hung Hà | 65 | 14 | 51 | 42 | 17 | 1 | 5 | 26 | 3 | 8 | 3 | 4 | 1 | 18 | 0 | 2 |
| 4 | Thái Thụy | 66 | 18 | 48 | 48 | 15 | 0 | 3 | 24 | 4 | 15 | 3 | 5 | 0 | 12 | 2 | 1 |
| 5 | Đông Hưng | 71 | 16 | 55 | | 21 | 0 | 1 | 27 | 14 | 3 | 6 | 8 | 1 | 11 | 0 | 1 |
| 6 | Vũ Thư | 62 | 14 | 48 | 45 | 14 | 0 | 3 | 20 | 10 | 1 | 7 | 11 | 0 | 11 | 1 | 1 |
| 7 | Kiến Xương | 53 | 11 | 42 | 37 | 12 | 0 | 3 | 17 | 7 | 6 | 1 | 10 | 0 | 9 | 1 | 2 |
| 8 | Tiền Hải | 54 | 7 | 47 | 43 | 8 | 0 | 3 | 18 | 6 | 7 | 2 | 6 | 0 | 10 | 3 | 2 |
| Tổng số | | 455 | 91 | 364 | 327 | 107 | 1 | 19 | 163 | 60 | 51 | 31 | 47 | 3 | 84 | 7 | 9 |

*Ghi chú: Các di tích khác

(Nguồn: Sở văn hóa thể thao và du lịch Thái Bình)

3. Hưng Hà: Nhà thờ tiến sỹ Nguyễn Tông Quai (xã Hòa Tiên), Trường Vị Sỹ (xã Chí Hòa)

4. Thái Thụy: Từ Giành (Xã Thụy Vân)

5. Đông Hưng: Làng kháng chiến Nguyên Xá (xã Nguyên Xá)

6. Vũ Thư: Từ Đồng Đức (xã Phúc Thành)

7. Kiến Xương: Nhà thờ 4 quận công và văn thân Nguyễn Năng Thố xã Vũ Quý, cơ sở xứ ủy Bắc Kỳ (Đình Phòng)

8. Tiền Hải: Nhà thờ họ Trần (thị trấn Tiền Hải), nhà thờ họ Phạm (xã An Ninh)

Bảng 2.4: Bảng tổng hợp các di tích trùng tu tôn tạo giai đoạn 2008 - 2010

(Di tích được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn ngân khác)

Đơn vị : Triệu đồng

| STT | Địa danh | Tổng số thiết chế văn hóa cổ | Tổng số di tích được xếp hạng | | Tổng số lượt di tích xếp hạng đã được tu bổ | Nguồn vốn huy động tu bổ 3 năm (2008 – 2010) | | | | | Tổng số (Triệu đồng) |
|------|------------|------------------------------|-------------------------------|------|---|---|----------------|-----------------|--------------|-----------------------------|-----------------------|
| | | | Quốc gia | Tỉnh | | Ngân sách Trung ương | Ngân sách Tỉnh | Ngân sách Huyện | Ngân sách xã | Hoạt động từ nguồn lực khác | |
| 1 | Tiền Hải | 171 | 7 | 47 | 73 | 0 | 423 | 0 | 5057,617 | 18446,6 | 23927,217 |
| 2 | Kiến Xương | 265 | 11 | 42 | 50 | 110 | 268 | 50 | 92,1 | 9968,7 | 10488,8 |
| 3 | Vũ Thư | 303 | 14 | 48 | 51 | 0 | 521 | 530 | 49 | 7476 | 8576 |
| 4 | Thành phố | 47 | 1 | 14 | 24 | 40 | 112 | 0 | 520 | 9445,6 | 10117,6 |
| 5 | Thái Thụy | 260 | 18 | 48 | 117 | 230 | 486 | 160 | 315,5 | 32799,3 | 33990,8 |
| 6 | Đông Hưng | 230 | 16 | 55 | 69 | 2165 | 408,8 | 0 | 94,3 | 7735,2 | 10403,3 |
| 7 | Hưng Hà | 551 | 14 | 51 | 165 | 10400 | 674,5 | 786 | 261,08 | 12400,92 | 24522,5 |
| 8 | Quỳnh Phụ | 349 | 10 | 59 | 129 | 215 | 1274 | 70 | 2223,6 | 8008,9 | 11791,5 |
| Tổng | | 2176 | 91 | 364 | 678 | 13160 | 4167,3 | 1596 | 8613,197 | 106281,22 | 133817,717 |

(Nguồn: Số liệu theo báo cáo số 28/BC – SVHTTDL của Sở Văn hóa thể thao và du lịch Thái Bình)